

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Đào Trần Thủy	An				1	7	1993	Can Lộc, Hà Tĩnh	Học viện Ngoại Giao	Luật quốc tế		HAN00001		VT	VT	VT		HAN04111
2	Đoàn Thành	An	5	11	1993				Thường Tín-Hà Nội	đại học Đại Nam	tài chính ngân hàng		HAN00002		45.00	38.75	47.50		HAN09060
3	Dương Thị Hải	An				30	8	1988	Phường Đồng Vệ Thành phố Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế lao động		HAN00003		70.00	42.50	57.50		HAN08508
4	Hoàng Thị Hải	An				30	10	1992	Nam Đồng, TP Hải Dương, Hải Dương	Đại học Ngoại Thương	Ngân Hàng		HAN00005		VT	VT	VT		HAN08027
5	Nguyễn Thị Quỳnh	An				13	8	1992	Tứ Kỳ, Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00008		95.00	46.25	97.50		HAN04013
6	Nguyễn Thị Thành	An				18	9	1990	An Mỹ Mỹ Đức Hà Nội	Đại học kinh tế Quốc dân	Kinh tế và quản lý công		HAN00009		95.00	57.50	95.00		HAN07504
7	Phạm Thị Thùy	An				1	12	1994	Xã Khánh Mậu, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	Học viện báo chí và tuyên truyền	Quản lý kinh tế		HAN00010		50.00	73.75	77.50		HAN20001
8	Tô Thị Ngọc	An				20	8	1991	xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Ngoại thương	Tài chính quốc tế		HAN00011		VT	VT	VT		HAN04071
9	Vũ Hải	An	15	8	1989				xã Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại		HAN00013		62.50	42.50	55.00		HAN04604
10	Bạch Nguyễn Hoài	Anh				12	3	1990	TP Vinh, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00014		VT	VT	VT		HAN07133
11	Bùi Ngọc	Anh				13	9	1991	Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán, kiểm toán, phân tích		HAN00015		97.50	71.25	85.00		HAN04087
12	Bùi Quỳnh	Anh				5	11	1991	Phù Cừ, Hưng Yên	Á Châu (Đài Loan)	Tài chính		HAN00016		52.50	MT	67.50		HAN00148
13	Bùi Thị Mai	Anh				16	2	1994	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	Học viện tài chính	tài chính doanh nghiệp		HAN00018		97.50	63.75	87.50		HAN06124
14	Bùi Thị Ngọc	Anh				30	8	1990	Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00019		85.00	73.75	77.50		HAN07002
15	Bùi Thị Nguyệt	Anh				27	12	1982	Đặng Cương - An Hải - Hải Phòng	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00020		90.00	60.00	77.50		HAN04635
16	Cù Thị Vân	Anh				20	11	1991	Hà Hòa, Phú Thọ	Học viện Tài chính	Tài chính quốc tế		HAN00023		VT	VT	VT		HAN06587
17	Đặng Duy	Anh	18	2	1992				Quảng Nam	ĐH kinh tế quốc dân	kế toán		HAN00025		37.50	31.25	62.50		HAN06030
18	Đặng Hồng	Anh				30	1	1994	Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Luật kinh doanh quốc tế		HAN00026		VT	VT	VT		HAN05522
19	Đặng Quỳnh	Anh				15	8	1993	Gia Lâm, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00027		95.00	76.25	92.50		HAN06573
20	Đào Nhất	Anh	16	9	1991				Bình Lục Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính quốc tế		HAN00030		VT	VT	VT		HAN07611
21	Đinh Ngọc	Anh	19	3	1991				THị Sơn Kim Bảng Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00031		57.50	21.25	50.00		HAN07582
22	Đinh Thị Vân	Anh				16	2	1989	Thượng Hòa - Nho Quan - Ninh Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	kế toán, kiểm toán và phân tích		HAN00033		VT	VT	VT		HAN04503
23	Đỗ Thị Ngọc	Anh				21	9	1994	Thanh Oai, Hà Nội	Viện ĐH Mở Hà Nội	quản trị kinh doanh		HAN00037		VT	VT	VT		HAN05077
24	Đỗ Thị Phương	Anh				25	10	1989	Hải Hậu, Nam Định	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00038		72.50	42.50	67.50		HAN06565
25	Đỗ Thị Quỳnh	Anh				25	8	1990	Xã Thái Hòa huyện Ba Vì Hà Nội	Đại học lao động xã hội	Kế toán		HAN00039		VT	VT	VT		HAN07615
26	Đỗ Tuấn	Anh	6	9	1989				Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	University of the Northumbria at Newcastle, United Kingdom	Kinh doanh và quản trị tài chính		HAN00040		80.00	MT	77.50		HAN02007
27	Dương Thị Lan	Anh				21	8	1989	Ứng Hòa, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HAN00041	20	35.00	32.50	77.50		HAN06628
28	Dương Thị Phương	Anh				25	9	1993	xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Học viện tài chính	tài chính doanh nghiệp		HAN00043		75.00	50.00	85.00		HAN06072
29	Dương Thị Vân	Anh				20	11	1982	Hưng Thông , Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại Học Xây Dựng	Kinh tế Xây Dựng	Con TB	HAN00044	20	57.50	78.75	95.00		HAN02627

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
30	Hà Minh	Anh				30	1	1988	Đô Lương, Nghệ An	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư		HAN00046		67.50	68.75	77.50		HAN08009
31	Hà Thị Vân	Anh				15	2	1990	Tổ dân phố Khôi thị trấn Tân Dan huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00047		VT	VT	VT		HAN07620
32	Hồ Thị Trâm	Anh				27	9	1992	xóm 7 xã Tằng Thành huyện Yên Thành Nghệ An	Học viện tài chính	QUản lý tài chính công		HAN00049		85.00	55.00	85.00		HAN07553
33	Hoàng Phương	Anh				2	2	1994	An Thượng - Hoài Đức - Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán công		HAN00051		60.00	32.50	77.50		HAN04620
34	Hoàng Quốc	Anh	3	7	1994				Ba Đình, Hà Nội	Viện Đại học Mở Hà Nội	Ngân hàng thương mại		HAN00052		42.50	57.50	82.50		HAN06533
35	Hoàng Quỳnh	Anh				28	8	1987	Dân Tiến, Võ Nai, Thái Nguyên	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại	DTTS	HAN00053	20	50.00	35.00	37.50		HAN02096
36	Hoàng Thị Kim	Anh				24	9	1995	Thôn Khê Hạ, xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HAN00054		40.00	50.00	42.50		HAN01614
37	Khuất Thị Kim	Anh				11	6	1984	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	Đại học Công đoàn	Kế toán		HAN00055		VT	VT	VT		HAN04511
38	Kiều Thái	Anh	16	12	1993				Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	Seattle University	Tài chính		HAN00057		92.50	MT	72.50		HAN02034
39	Kiều Thị Vân	Anh				1	5	1994	Xã Cấn Kiệm, huyện Thạch Thất, Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Ngân hàng		HAN00058		VT	VT	VT		HAN08015
40	La Mai	Anh				27	11	1994	Thái Nguyên	Đại học công đoàn	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HAN00061	20	40.00	28.75	57.50		HAN02120
41	Lâm thị Kim	Anh				6	2	1990	hải hậu-nam Định	Đại học công nghiệp hà nội	Kế toán		HAN00062		72.50	32.50	67.50		HAN09050
42	Lê Quý	Anh				15	5	1990	Viêm Khê, Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00065		VT	VT	VT		HAN07154
43	Lê Thị Hải	Anh				26	4	1991	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	ĐH Kinh Doanh Và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		HAN00066		55.00	57.50	65.00		HAN05065
44	Lê Thị Lan	Anh				20	11	1992	Xã Đông Minh, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	ĐH thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00067		60.00	38.75	57.50		HAN06106
45	Lê Thị Minh	Anh				13	12	1991	Láng Hạ, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Đại học Kinh tế Đại học quốc gia Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN00068		VT	VT	VT		HAN08605
46	Lê Thị Ngọc	Anh				22	1	1992	Châu Giang Hưng Yên	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN00069		92.50	82.50	80.00		HAN07517
47	Lê Thị Vân	Anh				5	6	1993	Nghi Thịnh, Nghi Lộc, Thanh Hoá	Đại học Thương mại	Kinh tế thương mại		HAN00073		VT	VT	VT		HAN00204
48	Lê Thị Vân	Anh				15	3	1991	Cẩm Sơn, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		HAN00072		85.00	53.75	67.50		HAN00177
49	Lê Tuấn	Anh	22	9	1989				Thanh Hóa	Đại học Lao động xã hội	Kế toán	Con TB	HAN00075	20	57.50	VT	VT		HAN02564
50	Lê Việt	Anh	25	1	1992				xóm Thượng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội	Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		HAN00077		60.00	77.50	65.00		HAN04056
51	Lê Việt	Anh	14	9	1990				Ninh Bình	Đại học xây dựng	Kinh tế xây dựng		HAN00076		37.50	31.25	35.00		HAN00195
52	Lương Mai	Anh				31	1	1990	Gian Biền., Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học Hàng Hải VN	Quản trị tài chính kế toán		HAN00079		VT	MT	VT		HAN00209
53	Lương Thị Quỳnh	Anh				23	8	1992	Tứ Kỳ, Hải Dương	Đại học FPT	Tài chính doanh nghiệp		HAN00080		77.50	58.75	80.00		HAN06526
54	Lương Thị Vân	Anh				17	11	1992	Hoàng Hóa, Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương	tài chính quốc tế		HAN00081		VT	VT	VT		HAN06144
55	Lưu Thị Hải	Anh				11	9	1988	số 363,tổ 16, phường Long Biên, quận Long Biên, hà nội	Học viện hậu cần	tài chính ngân hàng		HAN00082		60.00	60.00	72.50		HAN04093
56	Lưu Thị Lan	Anh				26	8	1990	Thôn Tiên Phong, xã Hồng Phong, huyện Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Thương Mại	Kế toán-tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00083		60.00	33.75	60.00		HAN07555
57	Mạch Huyền	Anh				29	9	1986	thọ Xuân, Thanh Hóa	Học viện Tài Chính	Tài chính - Ngân hàng		HAN00085		VT	VT	VT		HAN04603
58	Mai Thị Lan	Anh				28	4	1994	Xã Hải Hưng huyện Hải Hậu Nam Định	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN00086		VT	VT	VT		HAN07519
59	Mai Văn	Anh				15	5	1993	Nga Sơn, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00087		VT	VT	VT		HAN06543
60	Ngô Hoài	Anh				4	10	1990	Sơn Lập thị trấn Vôi Lạng Giang Bắc Giang	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00089		85.00	81.25	75.00		HAN07606
61	Ngô Thị Huệ	Anh				31	12	1990	Yên Lập, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN00091		90.00	66.25	87.50		HAN03025
62	Ngô Tuấn	Anh	25	10	1994				Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00092		95.00	82.50	90.00		HAN07055
63	Nguyễn Đức Việt	Anh	29	6	1993				Cẩm Giăng, Hải Dương	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HAN00094		60.00	30.00	<u>66.0</u>	Khiến trách	HAN06625
64	Nguyễn Hà Phương	Anh				16	1	1993	Hiển Khánh, Vụ Bản, Nam Định	Học viện Hậu cần	Kế toán		HAN00096		32.50	60.00	50.00		HAN08598

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
65	Nguyễn Hải	Anh	3	12	1991				Quảng Trị	Học viện Tài chính	Kế toán		HAN00098		100.00	63.75	95.00		HAN06552
66	Nguyễn Hải	Anh				28	12	1990	Nghệ an	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00097		60.00	48.75	67.50		HAN09091
67	Nguyễn Hoàng	Anh				9	2	1991	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HAN00099		52.50	60.00	80.00		HAN04613
68	Nguyễn Hữu	Anh	17	5	1991				Nguyễn Xá, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00100		VT	VT	VT		HAN00085
69	Nguyễn Hữu Nhật	Anh	6	8	1993				Đông Sơn, Thanh Hóa	ĐH kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại	Con TB	HAN00101	20	37.50	73.75	47.50		HAN06110
70	Nguyễn Kim	Anh				16	6	1994	Xã Trường Lam huyện Tĩnh Gia Thanh Hóa	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00102		87.50	53.75	80.00		HAN05575
71	Nguyễn Mai	Anh				25	4	1991	Đại Hóa, Tân Yên, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Hải quan		HAN00103		VT	VT	VT		HAN01511
72	Nguyễn Phương	Anh				3	10	1992	Mai Dịch, Hà Nội	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		HAN00108		45.00	51.25	75.00		HAN04001
73	Nguyễn Phương	Anh				2	11	1991	trần Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội	Học viện tài chính	Thuế	Con BB	HAN00107	20	47.50	76.25	82.50		HAN02145
74	Nguyễn Quang	Anh	13	9	1991				Hà Nội	London Metropolitan University	Tài chính ngân hàng		HAN00109		32.50	MT	40.00		HAN02193
75	Nguyễn Thị Bảo	Anh				23	10	1991	Quảng Xương, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00111		65.00	38.75	55.00		HAN06554
76	Nguyễn Thị Lan	Anh				29	9	1991	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00118		50.00	56.25	62.50		HAN00022
77	Nguyễn Thị Lan	Anh				25	7	1991	Duyên Linh, Đình Cao, Phù Cừ, Hưng Yên	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00117		85.00	40.00	75.00		HAN05562
78	Nguyễn Thị Lan	Anh				29	9	1990	Vân Côn- Hoài Đức- Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00116		VT	VT	VT		HAN02521
79	Nguyễn Thị Lan	Anh				12	9	1978	Thôn Dư Xá thượng, xã hoà Nam, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	Học viện khoa học xã hội	Luật hiến pháp và luật hành chính		HAN00115		60.00	18.75	57.50		HAN00205
80	Nguyễn Thị Mai	Anh				11	6	1993	Thôn Lạc Nội, xã Thanh Lương, huyện Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Kinh tế quốc tế chuyên sâu		HAN00121		62.50	71.25	60.00		HAN00099
81	Nguyễn Thị Mai	Anh				24	3	1992	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00120		VT	VT	VT		HAN08579
82	Nguyễn Thị Mai	Anh				17	9	1991	Thôn Sài Khê, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, HN	Đại học thương mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		HAN00119		57.50	57.50	52.50		HAN00131
83	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh				11	3	1992	Đội 3- Thôn Ải- Xã Hợp Thanh- Huyện Mỹ Đức- TP Hà Nội	Học viện tài chính	Ngân hàng		HAN00125		VT	VT	VT		HAN07050
84	Nguyễn Thị Thùy	Anh				4	7	1994	Hải Minh, Hải Hậu, Nam Định	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		HAN00127		VT	VT	VT		HAN00044
85	Nguyễn Thị Trâm	Anh				6	8	1992	Thanh cao, Thanh Oai, Hà Nội	Trường ĐH quản lý quốc gia liên bang Nga	Kinh tế		HAN00128		57.50	MT	77.50		HAN01028
86	Nguyễn Thị Tú	Anh				19	7	1992	Lạc Quần, Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00129		50.00	63.75	70.00		HAN08593
87	Nguyễn Thị Tuyết	Anh				2	12	1987	Xóm 10, Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	Trường đại học kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN00130		57.50	32.50	MT		HAN02072
88	Nguyễn Thị Vân	Anh				13	8	1994	Xã Yên Sở- Huyện Hoài Đức- Thành phố Hà Nội	Học viện tài chính	Thuế		HAN00135		70.00	46.25	80.00		HAN07003
89	Nguyễn Thị Vân	Anh				20	9	1993	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN00134		62.50	73.75	65.00		HAN01509
90	Nguyễn Thị Vân	Anh				20	10	1990	Quỳnh Côi, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00132		97.50	71.25	87.50		HAN07072
91	Nguyễn Tuấn	Anh	20	12	1993				Sơn Tây, Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công Nghệ Hà Nội	tài chính		HAN00139		55.00	70.00	87.50		HAN01016
92	Nguyễn Tuấn	Anh	7	9	1991				Hưng Yên	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00138		67.50	37.50	85.00		HAN08067
93	Nguyễn Tuấn	Anh	28	11	1989				Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Kinh doanh & Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN00137		42.50	50.00	75.00		HAN06653
94	Nguyễn Việt	Anh	7	11	1992				Hải Dương	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00142		67.50	47.50	80.00		HAN06548
95	Nguyễn Việt	Anh				13	6	1988	Xã Tả Thanh oai, Huyện Thanh Trì, Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00140		90.00	66.25	72.50		HAN04548

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
96	Phạm Hải	Anh				23	3	1994	Nguyên Lý Huyện Lý Nhân Hà Nam	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00143		57.50	23.75	82.50		HAN07545	
97	Phạm Lan	Anh				1	8	1991	Mình Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00144		VT	VT	VT		HAN08617	
98	Phạm Thị Huyền	Anh				6	3	1993	Hưng Yên	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00145		60.00	55.00	77.50		HAN04609	
99	Phan Tuấn	Anh	7	3	1991				Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00148		42.50	56.25	65.00		HAN06574	
100	Phí Thị Kim	Anh				20	4	1992	Tổ 16-Phường Phú Diễn-Quận Bắc Từ Liêm-Hà Nội	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN00149		VT	MT	VT		HAN01082	
101	Phong Thị Ngọc	Anh				29	10	1993	thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Học viện tài chính	Thuế		HAN00150		80.00	52.50	67.50		HAN08535	
102	Phùng Thị Tú	Anh				25	1	1994	Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00151		85.00	52.50	77.50		HAN06569	
103	Thân Thị Lan	Anh				11	2	1989	Hưng Châu, Hưng Nguyên, Nghệ An	Đại học nông nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00152		72.50	43.75	60.00		HAN07565	
104	Tổng Thị Kim	Anh				2	5	1986	Yên Lập, Phú Thọ	Học viện tài chính	Ngân hàng	DTTS	HAN00153	20	VT	VT	VT		HAN02148	
105	Trần Thế	Anh	27	11	1976				xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAN00154		70.00	45.00	75.00		HAN08098	
106	Trần Thị Hải	Anh				10	5	1994	xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		HAN00155		VT	VT	VT		HAN03003	
107	Trần Thị Kim	Anh				27	2	1992	Xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, Hải Dương	Đại học kinh tế quốc dân	Hải quan		HAN00157		55.00	47.50	75.00		HAN00107	
108	Trần Thị Kim	Anh				8	5	1991	Xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh		HAN00156		77.50	57.50	62.50		HAN04119	
109	Trần Thị Vân	Anh				10	10	1993	Hải Trung- Hải Hậu- Nam Định	Đại học Điện Lực	Kế toán		HAN00158		35.00	21.25	30.00		HAN08103	
110	Trần Tuấn	Anh	27	9	1993				Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Tp.Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		HAN00159		62.50	52.50	90.00		HAN09011	
111	Trần Văn	Anh				15	5	1993	Xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Học viện Ngân hàng	Hệ thống thông tin quản lý		HAN00160		75.00	55.00	75.00		HAN04035	
112	Trịnh Lan	Anh				25	7	1991	Thôn Lai Các, Xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN00162		65.00	36.25	67.50		HAN07115	
113	Trương Thị Ngọc	Anh				24	12	1986	Thôn Hữu Chung ,xã Đồng Quang , huyện Thanh Miện , tỉnh Hải Dương	Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	HAN00163	20	VT	MT	VT		HAN02617	
114	Vũ Thị Lan	Anh				16	4	1994	Nghĩa Châu, Nghĩa Hưng, Nam Định	Học viện tài chính	Quản trị doanh nghiệp		HAN00167		VT	VT	VT		HAN01056	
115	Vũ Thị Phương	Anh				20	10	1989	Thị trấn Cát Thành, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật Nam Định	Kế toán		HAN00169		37.50	27.50	67.50		HAN05035	
116	Vũ Thị Việt	Anh				8	1	1983	Bắc Phú, Thọ Vinh, Kim Động, Hưng Yên	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính Ngân hàng		HAN00171		37.50	27.50	40.00		HAN05593	
117	Đặng Thị Hoàng	Ảnh				15	10	1987	Hà Nội	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HAN00173		97.50	76.25	97.50		HAN01611	
118	Đỗ Hồng	Ảnh				7	11	1985	Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00174		57.50	37.50	87.50		HAN04568	
119	Đỗ Ngọc	Ảnh	19	5	1990				Xã Nam Thành- Huyện Yên Thành- Tỉnh Nghệ An	Đại học điện lực	Tài chính ngân hàng		HAN00175		VT	VT	VT		HAN07149	
120	Đồng Thị	Ảnh				1	11	1990	Cổ Thành, Chí Linh, Hải Dương	Đại học Lâm nghiệp	Quản trị kinh doanh		HAN00176		52.50	40.00	67.50		HAN06015	
121	Nguyễn Thị	Ảnh				24	7	1994	thôn Viên Đình, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	Học viện Tài Chính	Thuế		HAN00179		40.00	40.00	60.00		HAN04025	
122	Nguyễn Thị	Ảnh				26	7	1992	Đội 2, thôn Du Tái, xã Tiên Tiến, huyện Thanh Trì, tỉnh Hải Dương	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00177		57.50	32.50	42.50		HAN04663	
123	Nguyễn Thị	Ảnh				2	6	1992	Đồng Thọ, Vạn Hòa, Nông Cống, Thanh Hóa	Học viện Ngân Hàng	Kinh doanh chứng khoán		HAN00178		VT	VT	VT		HAN08021	
124	Phạm Thị Ngọc	Ảnh				3	5	1992	Nghĩa Thái, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính công		HAN00184		45.00	42.50	62.50		HAN08057	
125	Phạm Thị Ngọc	Ảnh				10	10	1988	Đồng Mỹ , Thanh Trì , Hà Nội	Đại Học Lao Động và Xã Hội	Kế toán	Con TB	HAN00183	20	55.00	MT	60.00		HAN02632	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
126	Phùng Thị Tuyết	Ánh				25	11	1989	Phủ Xuyên, Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00185		52.50	33.75	57.50		HAN04103
127	Nguyễn Duy	Bách	13	6	1990				Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	Học viện tài chính	Thuế		HAN00187		80.00	33.75	57.50		HAN07077
128	Nguyễn Văn	Bách	13	9	1991				Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		HAN00188		VT	VT	VT		HAN08569
129	Nguyễn Việt	Bách	7	10	1991				Hồng Quang - Thanh Miện - Hải Dương	Học viện Tài chính	Tài chính Quốc tế		HAN00189		55.00	55.00	57.50		HAN04596
130	Nguyễn Xuân	Bách	3	2	1989				Xuân Trường, Nam Định	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00190		60.00	37.50	55.00		HAN06591
131	Phạm Văn	Bằng	10	11	1984				Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Mỏ địa chất	Kinh tế QTDN dầu khí		HAN00192		70.00	47.50	67.50		HAN00026
132	Đỗ Quốc	Bảo	12	12	1993				xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Học viện Tài chính	Thuế		HAN00193		87.50	45.00	77.50		HAN04091
133	Nguyễn Thái	Bảo	15	9	1992				Vinh Tru, Lý Nhân, Hà Nam	Học Viện Tài Chính	Ngân hàng		HAN00194		VT	VT	VT		HAN05097
134	Trần Văn	Bảo	25	2	1994				Sơn Nam, Sơn Dương, Tuyên Quang	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00195		VT	VT	VT		HAN07054
135	Tạ Thị	Bảy				13	5	1987	Yên Mỹ, Yên Mô, Ninh Bình	Học viện tài chính	Tài chính ngân hàng	Con NHHKC bị NCDHH	HAN00196	20	VT	MT	VT		HAN02125
136	Đào Thu	Bích				25	10	1990	Yên Phong, Bắc Ninh	Đại học Ngoại Thương	Thương mại quốc tế		HAN00197		85.00	75.00	85.00		HAN03002
137	Lê Huy	Bích	28	8	1987				Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Học viện Tài chính	Thuế		HAN00198		70.00	38.75	72.50		HAN01515
138	Lê Thị Ngọc	Bích				15	11	1991	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00199		75.00	36.25	55.00		HAN08506
139	Trịnh Thị	Bích				20	10	1994	Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế học		HAN00201		VT	VT	VT		HAN00102
140	Lại Thị Thu	Biên				22	11	1993	Xã Đồng Phú, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00202		65.00	42.50	75.00		HAN07120
141	Đào Thị	Bình				26	10	1991	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00205		90.00	46.25	75.00		HAN07017
142	Đoàn Thái	Bình	20	1	1985				xã Phù Việt, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN00206		VT	VT	VT		HAN07566
143	Lương Thị	Bình				1	4	1990	Hưng Hà, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài chính ngân hàng		HAN00210		90.00	67.50	87.50		HAN07004
144	Nguyễn Thị Thanh	Bình				17	10	1993	xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		HAN00213		50.00	70.00	65.00		HAN04079
145	Nguyễn Thị Thanh	Bình				18	11	1986	Thị Trấn Vũ Thư, Vũ Thư, Thái Bình	ĐH kinh tế quốc dân	kế toán tổng hợp		HAN00212		40.00	30.00	45.00		HAN01046
146	Nguyễn Văn	Bình	10	6	1990				Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Đại Nam	Kế toán		HAN00215		VT	VT	VT		HAN06643
147	Phạm Thị	Bình				10	7	1988	Thành Công, Thạch Thành, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00216		VT	VT	VT		HAN04078
148	Tạ Thanh	Bình				2	9	1988	Mình Quang - Ba Vì - Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00218		90.00	40.00	65.00		HAN04545
149	Nguyễn Văn	Bộ	11	5	1992				Đèo cả, Đồng Hưu, Yên Thế, Bắc Giang	Học viện tài chính	Ngân hàng	DTTS	HAN00219	20	VT	VT	VT		HAN02054
150	Trương Tiến	Bộ	30	1	1984				Tam Thanh, Vụ Bản, Nam Định	ĐH kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		HAN00220		52.50	25.00	50.00		HAN01057
151	Lê Trần Tiến	Cánh	27	9	1991				Từ Sơn, Bắc Ninh	Học viện Công Nghệ Hoàng Gia Melbourne (RMIT), Australia	Tài chính		HAN00223		95.00	MT	85.00		HAN01002
152	Đinh Thị	Chang				12	6	1994	Thôn Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00226		77.50	58.75	80.00		HAN00061
153	Lê Thị	Chang				24	8	1989	Đội 4, Xã Đông Minh, Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	ĐH Điện Lực	kế toán		HAN00227		57.50	25.00	55.00		HAN01030
154	Nguyễn Thị	Chang				11	11	1988	Xuân Thụy, Kiều Ky, Gia Lâm, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00228		VT	VT	VT		HAN08548
155	Nguyễn Minh	Châu				30	5	1994	Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Công đoàn	Kế toán		HAN00230		30.00	37.50	42.50		HAN06636
156	Nguyễn Minh	Châu				14	10	1987	Thanh Hóa	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00229		VT	VT	VT		HAN04068
157	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu				10	5	1994	Đình Xá, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Hải quan		HAN00231		52.50	56.25	50.00		HAN06014

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
158	Thái Thị Minh	Châu				17	4	1994	Diễn Châu, Nghệ An	ĐH Kinh Tế-ĐH Quốc Gia Hà Nội	Kế Toán		HAN00232		52.50	48.75	62.50		HAN05118	
159	Đào Kim	Chi				25	1	1988	HN	ĐH kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con NHĐKC bị NCĐHH	HAN00234	20	57.50	35.00	72.50		HAN01068	
160	Đào Phương	Chi				22	8	1991	Ninh Khánh, Hoa Lư, Ninh Bình	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00236		47.50	51.25	72.50		HAN04590	
161	Đào Thị Lan	Chi				1	6	1993	Hợp Thành, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		HAN00237		VT	VT	VT		HAN04018	
162	Đào Thị Mai	Chi				26	9	1993	Xã Nam Triều - huyện Phú Xuyên - Hà Nội	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00238		VT	VT	VT		HAN04536	
163	Hồ Thị Quỳnh	Chi				15	2	1993	xã Nam Xuân, Nam Đàn, Nghệ AN	Đại học ngoại thương	Phân tích đầu tư tài chính		HAN00239		47.50	51.25	62.50		HAN00080	
164	Hoàng Linh	Chi				18	9	1990	Hà Nội	Đại học Kinh tế và luật Berlin	Kế toán tài chính và quản trị		HAN00240		80.00	MT	77.50		HAN02005	
165	Nguyễn Diệp Quỳnh	Chi				7	2	1993	Văn Phú, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HAN00244		50.00	52.50	52.50		HAN05042	
166	Nguyễn Hà	Chi				26	3	1995	Nhân Nghĩa, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Toulon	Tài chính ngân hàng		HAN00245		52.50	MT	57.50		HAN02142	
167	Nguyễn Linh	Chi				7	1	1994	Hương Khê, Hà Tĩnh	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN00247		50.00	30.00	47.50		HAN06585	
168	Nguyễn Thị	Chi				20	9	1993	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Kinh tế học thể chế		HAN00249		67.50	47.50	52.50		HAN02515	
169	Nguyễn Thị	Chi				1	12	1990	Thạch Thất, Hà Nội	ĐH kinh doanh và công nghệ HN	Tài chính Ngân hàng		HAN00248		VT	VT	VT		HAN05124	
170	Nguyễn Thị Hà	Chi				18	12	1991	Thanh Oai, Hà nội	đại học kinh tế quốc dân	Tài chính quốc tế		HAN00250		85.00	82.50	80.00		HAN09089	
171	Nguyễn Thị Yên	Chi				8	9	1991	Liên Bảo , Tiên Du , Bắc Ninh	Đại Học Lao Động và Xã Hội	Kế toán	DTTS	HAN00255	20	VT	VT	VT		HAN02641	
172	Nguyễn Thùy	Chi				17	12	1993	Đồng Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Công Đoàn	Kế toán		HAN00256		37.50	55.00	60.00		HAN08100	
173	Trần Hà	Chi				21	5	1993	Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN00257		VT	VT	VT		HAN01506	
174	Trần Linh	Chi				12	3	1991	Diễn Châu, Nghệ An	Trường đại học kinh doanh và công nghệ HN	Kế toán		HAN00258		42.50	MT	MT		HAN02015	
175	Trần Văn	Chi	1	4	1989				Thị trấn Cát Thành, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	ĐH kinh doanh và công nghệ HN	Kế toán		HAN00259		30.00	28.75	27.50		HAN01062	
176	Viên Yên	Chi				1	2	1991	Thị trấn Bình Gia , huyện Bình Gia , tỉnh Lạng Sơn	Học Viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	HAN00260	20	VT	VT	VT		HAN02507	
177	Tạ Thị	Chiến				14	9	1982	Duy Nhất, Vũ Thư, Thái Bình	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp		HAN00261		77.50	35.00	60.00		HAN08016	
178	Ma Mạnh	Chiến	4	1	1993				Tuyên Quang	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	HAN00263	20	VT	VT	VT		HAN01080	
179	Đặng Thị	Chính				21	6	1994	Xã Đại Sơn, Văn Yên, Yên Bái	Đại học Thương mại	Kinh tế thương mại	DTTS	HAN00265	20	VT	VT	VT		HAN02108	
180	Nguyễn Thị	Chính				18	6	1992	Thống Kênh, Gia Lộc , Hải Dương	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00267		VT	MT	VT		HAN02066	
181	Nguyễn Thị	Chính				14	7	1987	Hoài Đức, Hà nội	học viện công nghệ -bưu chính-viễn thông	quản trị kinh doanh		HAN00266		22.50	42.50	47.50		HAN09079	
182	Phạm Tuyết	Chính				18	11	1991	Phường Phong Châu, TX Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	Học viện tài chính	Thuế		HAN00268		65.00	38.75	70.00		HAN07031	
183	Dương Văn	Chính	24	6	1983				thôn Xuân Mang, xã Tuấn Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Học viện tài chính	kế toán doanh nghiệp		HAN00269		57.50	25.00	45.00		HAN06066	
184	Nguyễn Thị Hồng	Chính				26	1	1984	Phú Gia Phú Thượng Tây Hồ Hà Nội	Đại học thương mại	Thương mại quốc tế		HAN00271		47.50	61.25	55.00		HAN05569	
185	Hoàng Thị	Chúc				9	9	1994	Vĩnh Kiên, Yên Bình, Yên Bái	Học viện Tài chính	Thuế	DTTS	HAN00272	20	VT	VT	VT		HAN02035	
186	Nguyễn Thị	Chúc				2	2	1995	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HAN00273		32.50	28.75	27.50		HAN01610	
187	Lê Thị Thủy	Chung				19	12	1992	Xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, TP HN	ĐH Công Nghiệp Việt Hung	Tài chính - Ngân hàng		HAN00274		20.00	21.25	32.50		HAN05013	
188	Nguyễn Kim	Chung				8	12	1994	Vũ Hội , Vũ Thư , Thái Bình	Đại Học kinh tế quốc dân	Kiểm toán	Con TB	HAN00275	20	62.50	62.50	70.00		HAN02643	
189	Nguyễn Tuấn	Chung	17	4	1993				thôn Ấng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00277		80.00	65.00	80.00		HAN04021	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
190	Phan Quý	Chung	15	4	1991				Thôn Trường An, Sơn Ninh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại Học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN00278		VT	VT	VT		HAN00069
191	Trần Thị	Chung				1	11	1983	Hoà Chính, Chương Mỹ, HN	Học viện tài chính	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	HAN00279	20	72.50	47.50	60.00		HAN00206
192	Tiêu Thị Hồng	Chuyên				25	6	1992	Xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00282		VT	VT	VT		HAN04659
193	Bùi Hữu	Công	10	10	1994				Bảng Quân, Cẩm Định, Cẩm Giàng, Hải Dương	Đại học Thành Đô	Kế toán		HAN00283		42.50	37.50	55.00		HAN04675
194	La Văn	Công	25	6	1994				Hà Nội	Học viện tài chính	Kinh doanh chứng khoán		HAN00284		87.50	52.50	92.50		HAN00020
195	Lê Trần Thành	Công	30	9	1994				HN	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại		HAN00285		52.50	75.00	70.00		HAN00169
196	Nguyễn Thành	Công	24	2	1992				Tán Thuật, Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN00289		77.50	53.75	70.00		HAN04023
197	Nguyễn Thành	Công	15	1	1988				Nam Định	Học viện tài chính	tài chính quốc tế		HAN00287		80.00	40.00	62.50		HAN04105
198	Nguyễn Thị	Cúc				18	6	1992	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông	Kế toán		HAN00294		55.00	43.75	70.00		HAN07020
199	Nguyễn Thị Hương	Cúc				20	3	1993	Yên Xá, Ý Yên, Nam Định	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00295		VT	VT	VT		HAN03009
200	Nguyễn Thị Kim	Cúc				3	3	1986	Xóm 2 xa Khánh Nhạc Huyện Yên Khánh Ninh Bình	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00296		65.00	31.25	57.50		HAN05574
201	Nguyễn Thủy	Cúc				9	8	1991	Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	Đại học Ngoại thương	Kế toán	DTTS	HAN00297	20	92.50	63.75	85.00		HAN02036
202	Đặng Ngọc	Cường	29	9	1983				Yên Đồng , Ý Yên , Nam Định	Đại Học kinh tế quốc dân	Kinh tế tài chính - Ngân hàng		HAN00301		42.50	MT	65.00		HAN02640
203	Đình Văn	Cường	4	9	1990				Thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00302		90.00	43.75	65.00		HAN08052
204	Huỳnh Ngọc	Cường	21	8	1992				Thăng Bình, Quảng Nam	Học viện chính sách và phát triển	Kế hoạch phát triển		HAN00303		45.00	41.25	65.00		HAN00084
205	Lê Minh	Cường	14	9	1988				Cẩm Phả, Quảng Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Luật kinh doanh quốc tế		HAN00304		50.00	35.00	42.50		HAN04137
206	Nguyễn Lương	Cường	12	3	1993				Thạch Ngọc, Thạch Hà, Hà Tĩnh	ĐH Điện Lực	Tài chính Ngân hàng		HAN00308		57.50	45.00	70.00		HAN05018
207	Nguyễn Mạnh	Cường	16	7	1990				Xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, tp Hải Phòng	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại	Con BB	HAN00310	20	57.50	61.25	52.50		HAN02595
208	Nguyễn Mạnh	Cường	5	10	1989				Bắc Giang	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00309		70.00	45.00	70.00		HAN09083
209	Nguyễn Việt	Cường	11	6	1990				Bình Lục, Hà Nam	Đại học Sunderland	Tài chính ngân hàng		HAN00311		65.00	MT	67.50		HAN07523
210	Phạm Đức	Cường	8	4	1990				xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định	ĐH Salfod (Anh Quốc)	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00313		92.50	MT	80.00		HAN01004
211	Phạm Quốc	Cường	20	6	1986				Hà Nam	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00314		VT	VT	VT		HAN09118
212	Trần Như	Cường	24	6	1992				Yên Sở- Hoài Đức- Hà Nội	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN00316		27.50	20.00	30.00		HAN07044
213	Trần Phú	Cường	31	12	1993				Nghĩa Minh, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00317		57.50	27.50	52.50		HAN04055
214	Trịnh Đình	Cường	17	9	1992				Quỳnh Sơn, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		HAN00318		VT	VT	VT		HAN02198
215	Trịnh Việt	Cường	16	2	1993				xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00319		77.50	53.75	67.50		HAN02650
216	Nguyễn Quang	Đại	9	8	1993				Ý Yên, Nam Định	Học viện tài chính	ngân hàng		HAN00320		37.50	30.00	62.50		HAN06028
217	Vũ Tiến	Đại	16	1	1984				Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính DNTM		HAN00321		57.50	32.50	65.00		HAN08602
218	Nguyễn Thị	Dân				7	10	1985	Đội 2, thôn Đông Hải, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đại học Nha Trang	Kinh tế thương mại		HAN00322		50.00	33.75	65.00		HAN07065
219	Đỗ Minh	Dân	28	8	1986				Mê Linh, HN	Học viện Tài chính	Hải quan		HAN00323		VT	VT	VT		HAN00176
220	Đỗ Thị Linh	Đan				23	12	1994	Tuyên Quang	Đại học Tổng hợp Sunderland vương quốc Anh	Quản lý kinh doanh		HAN00324		95.00	MT	87.50		HAN02106

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
221	Trần Viết	Đán	9	8	1993				Xã Hưng Phúc, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Học Viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN00325		VT	VT	VT		HAN05092
222	Nguyễn Nam	Đàn	31	5	1982				Vân Giang, thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	Con TB	HAN00326	20	50.00	52.50	80.00		HAN06634
223	Kiều Văn	Đáng	24	5	1986				Thôn Bái Ngoại, Xã Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	Viện đại học mở Hà Nội	Luật - Kinh tế	HTNVQS	HAN00327	10	VT	VT	VT		HAN02150
224	Nguyễn Hải	Đảng	25	1	1992				Xã Nam Toàn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Học viện chính sách và phát triển	Kinh tế đối ngoại	Con TB	HAN00330	20	82.50	48.75	70.00		HAN00158
225	Nguyễn Hồng	Đảng	22	12	1991				Xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh	Học viện hậu cần	Kế toán		HAN00331		42.50	47.50	85.00		HAN00115
226	Nguyễn Thị Bích	Đào				18	6	1985	Xóm Dâu 1- Xã Di Trạch- Hoài Đức- Hà Nội	Trường Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00334		22.50	32.50	77.50		HAN07116
227	Vũ Thị	Đào				30	11	1993	Quyết Thắng, Thanh Hà, Hải Dương	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Đầu tư		HAN00335		VT	VT	VT		HAN04612
228	Đào Quang	Đạt	17	4	1993				Trần Nguyên Hân, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	Đại học Bradford	kế toán và tài chính		HAN00336		90.00	MT	90.00		HAN01009
229	Lê Anh Thành	Đạt	26	12	1991				Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00337		60.00	47.50	87.50		HAN09004
230	Lê Huy	Đạt	29	8	1992				Phường Hưng Thủy, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	kế toán doanh nghiệp	Con TB	HAN00338	20	90.00	56.25	90.00		HAN01008
231	Lưu Tiến	Đạt	24	3	1993				xã Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đại học Kenka, Hoa Kỳ	Kế toán		HAN00340		VT	MT	VT		HAN02553
232	Nguyễn Hữu	Đạt	24	11	1993				Đội 5, Ấng Thượng, Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học công nghiệp Việt Hưng	Tài chính-kế toán		HAN00344		35.00	31.25	65.00		HAN07557
233	Nguyễn Ngọc	Đạt				11	6	1992	Đồng Thanh, Đông Sơn, Thanh Hóa	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh		HAN00345		62.50	MT	72.50		HAN02170
234	Nguyễn Tất	Đạt	24	8	1986				Liên Quan Thạch Thát Hà Nội	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HAN00346		85.00	75.00	72.50		HAN07520
235	Nguyễn Thế Tiến	Đạt	19	12	1994				Hoà Nam, Ứng Hoà, HN	Đại học Ngoại thương	Tài chính quốc tế		HAN00348		VT	VT	VT		HAN00207
236	Nguyễn Tuấn	Đạt	31	10	1993				Bình Lục Hà Nam	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00349		70.00	76.25	77.50		HAN07515
237	Phạm Thị	Diễn				20	7	1983	Hải Dương	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00352		85.00	32.50	57.50		HAN07601
238	Kim Thị Ngọc	Diệp				1	6	1984	Yên Hoà, HN	Đại học Kinh doanh và công nghệ HN	Quản lý kinh doanh		HAN00354		VT	VT	VT		HAN00199
239	Lê Ngọc	Diệp				10	8	1991	Hà Tĩnh	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00355		VT	VT	VT		HAN07103
240	Phạm Ngọc	Diệp				9	11	1992	Duy Tiên - Nam Hà	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00358		95.00	66.25	77.50		HAN04655
241	Trần Thị Ngọc	Diệp				6	1	1994	xã Thanh Long, Huyện Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Quản trị doanh nghiệp		HAN00359		VT	VT	VT		HAN01060
242	Nguyễn Khắc	Diệp	10	5	1991				Gia Tiến - Gia Viễn - Ninh Bình	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính- ngân hàng		HAN00360		82.50	67.50	85.00		HAN04619
243	Triệu Thị	Diệp				23	8	1986	xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Giao thông vận tải Hà Nội	kinh tế xây dựng	Con TB	HAN00361	20	VT	VT	VT		HAN02572
244	Trịnh Thị Hồng	Diệp				20	12	1991	huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài chính	kế toán		HAN00362		82.50	60.00	80.00		HAN06089
245	Vũ Văn	Diệp	26	9	1986				Xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Thủy Lợi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường	Con BB	HAN00363	20	VT	VT	VT		HAN08010
246	Nguyễn Thị	Diệu				15	9	1990	Phú Lương, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00364		60.00	73.75	75.00		HAN05526
247	Trần Thị Ngọc	Diệu				6	10	1990	Thị trấn Cồn, Hải Hậu, Nam Định	Học viện Tài chính	Thuế		HAN00366		50.00	62.50	55.00		HAN01518
248	Đào Văn	Định	13	3	1991				Đại Hưng, Khoái Châu, Hưng Yên	Đại Học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN00368		80.00	43.75	70.00		HAN00019
249	Nguyễn Thị	Định				10	12	1992	Xóm 8, Quang Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	Con BB	HAN00370	20	VT	VT	VT		HAN02003
250	Phạm Thị	Định				20	11	1992	Xóm Xuân Hương, Xã Nghi Đức, TP Vinh, Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		HAN00371		VT	VT	VT		HAN07148

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
251	Tạ Cao	Định	11	2	1986				Từ Cường, Thanh Miện, Hải Dương	Học viện Ngân hàng	tài chính doanh nghiệp	Con BB	HAN00372	20	62.50	33.75	40.00		HAN02550
252	Nguyễn Thị Hồng	Dịu				20	5	1992	Xuân Hùng - Xuân Trường - Nam Định	Học viện chính sách và phát triển	tài chính công		HAN00373		67.50	45.00	65.00		HAN01043
253	Phạm Thị	Dịu				6	10	1994	xóm 17, Khuê Kiều, Minh Khai, Vũ Thư, Thái Bình	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN00374		VT	VT	VT		HAN00055
254	Vũ Tuấn	Doanh	28	12	1987				Đồng Cơ, Tiền Hải, Thái Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00377		75.00	72.50	80.00		HAN01526
255	Đặng Ngọc	Đông	13	4	1991				Xã Đức Thắng, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN00378		VT	VT	VT		HAN05518
256	Nguyễn Văn	Đông	16	11	1984				Nhuận Trạch, Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	Đại học Thành Đô	Quản trị kinh doanh		HAN00380		57.50	32.50	37.50		HAN07556
257	Đỗ Anh	Đức	27	10	1985				Thanh trì, Hà Nội	LEEDS METROPOLITAN	tài chính và thương mại quốc tế		HAN00381		50.00	MT	MT		HAN01027
258	Dương Minh	Đức	13	6	1994				Thị trấn Me, Gia Viễn, Ninh Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		HAN00382		67.50	63.75	72.50		HAN00030
259	Dương Ngọc	Đức	4	8	1992				TT Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Ngoại Thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00383		90.00	MT	75.00		HAN02560
260	Hồ Minh	Đức	10	11	1990				Xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	ĐH Ngoại Thương	Ngân hàng		HAN00384		VT	VT	VT		HAN08531
261	Lê Minh	Đức	18	8	1994				Quảng Tân Quảng Xương Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN00387		95.00	63.75	92.50		HAN07514
262	Lê Minh	Đức	7	7	1985				Khoái Châu, Hưng Yên	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00386		82.50	38.75	62.50		HAN04083
263	Lê Thị Minh	Đức				9	4	1991	Kim Động, Hưng Yên	Đại học Đại Nam	Tài chính doanh nghiệp		HAN00388		VT	VT	VT		HAN05591
264	Lê Tiến	Đức	22	7	1987				Thanh Hoá	học viện tài chính	Ngân hàng		HAN00389		VT	VT	VT		HAN09065
265	Ngô Minh	Đức	19	11	1994				Trực Đạo, Trực Ninh, Nam Định	Học viện Hậu Cần	Kế toán doanh nghiệp		HAN00391		72.50	60.00	85.00		HAN04080
266	Nguyễn Anh	Đức	5	11	1991				Mai Nội- Mai Đình- Sóc Sơn- Hà Nội	Học viện ngân hàng	kế toán doanh nghiệp		HAN00392		0.00	0.00	0.00		HAN06040
267	Nguyễn Bá	Đức	31	5	1991				Cao Viên - Thanh Oai - Hà Nội	Đại học Đại Nam	Tài chính doanh nghiệp		HAN00393		80.00	48.75	77.50		HAN04593
268	Nguyễn Hữu	Đức	27	3	1991				Tổng Phan- Phú Cừ- Hưng Yên	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00394		75.00	56.25	80.00		HAN07068
269	Nguyễn Trung	Đức	24	3	1990				Ứng Hòa, Hà nội	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HAN00398		72.50	55.00	77.50		HAN01084
270	Phạm Quang	Đức	8	3	1993				Phù Bật- Hồng Minh- Phú Xuyên- Hà Nội	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái nguyên	Tài chính doanh nghiệp		HAN00401		57.50	40.00	65.00		HAN01093
271	Phùng Trung	Đức	26	1	1994				Hà Nội	Đại học thương mại	Kinh tế thương mại		HAN00403		60.00	68.75	80.00		HAN09117
272	Tạ Trung	Đức	3	4	1991				Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00404		72.50	60.00	70.00		HAN04672
273	Trần Lê Anh	Đức	10	4	1993				xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Quản lý Tài chính công		HAN00405		72.50	38.75	80.00		HAN08042
274	Trần Trung	Đức	6	11	1994				Cánh Thụy, Yên Dũng, Bắc Giang	Đại học công nghiệp Việt Hung	Tài chính ngân hàng		HAN00407		37.50	46.25	60.00		HAN07534
275	Vũ Anh	Đức	6	8	1992				Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Đại học Thương Mại	Quản trị thương mại điện tử		HAN00408		55.00	50.00	65.00		HAN08008
276	Vũ Duy	Đức	10	10	1989				Xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý địa chính		HAN00409		57.50	77.50	82.50		HAN00166
277	Bùi Thị	Dung				14	10	1991	Tân Dân, Chí Linh, Hải Dương	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00410		95.00	53.75	82.50		HAN08078
278	Bùi Thị	Dung				25	3	1991	xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	ĐH Thương Mại	kinh tế thương mại		HAN00411		90.00	55.00	75.00		HAN06090
279	Cao Thanh	Dung				30	5	1985	thanh Nhân, Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00412		52.50	28.75	20.00		HAN08101
280	Cao Thị	Dung				14	3	1993	Xóm 12, Xã Giao Hương, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00413		VT	VT	VT		HAN05130
281	Đào Thùy	Dung				3	11	1992	Ngọc Thụy, Gia Lâm, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển	Con BB	HAN00414	20	77.50	60.00	70.00		HAN00122
282	Đinh Thị Ngọc	Dung				28	10	1994	Xã Phú Châu, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kinh Tế Quốc tế		HAN00415		77.50	67.50	80.00		HAN05039

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
283	Hà Thị	Dung				18	9	1990	Thanh Thịnh, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Con BB	HAN00419	20	70.00	56.25	85.00		HAN02058
284	Hoàng Thị	Dung				29	3	1994	xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	Học viện Tài chính	Thuế		HAN00422		97.50	58.75	95.00		HAN03006
285	Hoàng Thị	Dung				16	6	1991	Thị trấn Vĩnh lộc, Vĩnh lộc, Thanh Hoá	học viện Tài chính	tài chính doanh nghiệp		HAN00421		67.50	51.25	80.00		HAN09045
286	Hoàng Thị Kim	Dung				24	8	1983	Yên Khánh, Ninh Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00423		55.00	31.25	70.00		HAN06575
287	Hoàng Thị Phương	Dung				21	9	1983	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	Con TB	HAN00424	20	VT	VT	VT		HAN02190
288	Hoàng Thị Thùy	Dung				23	2	1990	Ấn Thi, Hưng Yên	Đại học Kinh doanh công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN00426		57.50	51.25	67.50		HAN07034
289	Lê Thị Phương	Dung				23	7	1991	Kiến Thụy, Hải Phòng	Đại học La Trobe	Marketing và tài chính		HAN00427		65.00	55.00	67.50		HAN01005
290	Lê Thị Thùy	Dung				20	3	1994	Xóm Hồng Trường, xã Nghĩa Hồng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		HAN00429		85.00	62.50	80.00		HAN05567
291	Lê Thị Thùy	Dung				8	8	1988	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	Sunderland	Tài chính ngân hàng	Con TB	HAN00428	20	57.50	MT	62.50		HAN02159
292	Nguyễn Phương	Dung				17	3	1981	Hà Nội	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00435		VT	VT	VT		HAN08050
293	Nguyễn Thị	Dung				22	3	1994	Yên Mô, Yên Mạc, Ninh Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00439		VT	VT	VT		HAN08624
294	Nguyễn Thị	Dung				2	9	1989	Xóm 10- Hải Đường- Hải Hậu- Nam Định	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00436		72.50	36.25	77.50		HAN07093
295	Nguyễn Thị Kiều	Dung				22	2	1985	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00440		60.00	38.75	62.50		HAN06082
296	Nguyễn Thị Kim	Dung				30	9	1994	Trực Mỹ Trục Ninh Nam Định	Đại học luật Hà Nội	Luật		HAN00442		82.50	52.50	75.00		HAN07579
297	Nguyễn Thị Kim	Dung				5	4	1994	Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Con NHCS như TB	HAN00443	20	90.00	77.50	85.00		HAN02038
298	Nguyễn Thị phương	Dung				9	1	1993	Phan xá-UY Nỗ-Đông anh-hà nội	Học viện nông nghiệp việt nam	Kế toán		HAN00444		37.50	63.75	60.00		HAN04097
299	Nguyễn Thúy	Dung				29	10	1994	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		HAN00447		82.50	71.25	87.50		HAN04518
300	Nguyễn Thuý	Dung				9	10	1992	Phú Xuyên, Hà nội	đại học Đại nam	kế toán		HAN00448		50.00	81.25	55.00		HAN09071
301	Nguyễn Thủy	Dung				16	6	1993	Yên Thái, Yên Mô, Ninh Bình	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00450		65.00	55.00	55.00		HAN04527
302	Nguyễn Thủy	Dung				8	5	1988	Minh Thọ, Nông Cống, Thanh Hóa	ĐH Kinh Doanh Và Công Nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00449		VT	VT	VT		HAN05082
303	Phạm thị	Dung				30	5	1994	Hiệp Cường, Kim Động, Hưng Yên	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản lý kinh tế		HAN00452		47.50	42.50	50.00		HAN00146
304	Phạm Thị	Dung				19	6	1986	xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		HAN00451		50.00	31.25	50.00		HAN06016
305	Phạm Văn	Dung				31	12	1989	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		HAN00453		45.00	50.00	50.00		HAN04032
306	Phan Thị Mai	Dung				24	8	1988	Thôn 1 , Thần Mỹ , Ba Vi , Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HAN00454	20	35.00	23.75	35.00		HAN02638
307	Phùng Thị	Dung				29	12	1992	Xã Tòng Bạt, huyện Ba Vi, TP Hà Nội	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00455		90.00	47.50	82.50		HAN00004
308	Trần Thị	Dung				17	10	1984	Thị trấn Gia Lộc , Gia Lộc , Hải Dương	Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00456		67.50	MT	62.50		HAN02626
309	Trần Thị Mỹ	Dung				29	6	1993	Hưng yên	đại học kinh tế quốc dân	quản lý kinh tế		HAN00457		65.00	73.75	72.50		HAN09063
310	Trần Thị Thuý	Dung				12	3	1993	Vũ Tiến, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00458		VT	VT	VT		HAN00185
311	Trịnh Thị Thu	Dung				12	12	1994	Nghi Phong, Nghi Lộc, Nghệ An	Học viện Tài Chính	Tài chính quốc tế		HAN00460		VT	VT	VT		HAN04532
312	Trương Thị	Dung				26	2	1988	Đông Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN00461		VT	VT	VT		HAN08527
313	Vũ Hạnh	Dung				4	1	1992	Thanh Lợi, Vụ Bản, Nam Định	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		HAN00462		90.00	MT	60.00		HAN00137
314	Vũ Phương	Dung				23	6	1993	Nam Định	Đại học Luật Hà Nội	Luật thương mại quốc tế		HAN00464		45.00	48.75	55.00		HAN07064
315	Vũ Thị Ngọc	Dung				30	9	1994	Tân Hồng, Bình Giang, Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN00465		82.50	78.75	87.50		HAN05006

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
316	Vũ Thủy	Dung				29	3	1992	Trung Mậu, Gia Lâm, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		HAN00467		47.50	76.25	42.50		HAN00034
317	Vũ Thủy	Dung				5	2	1991	Như Hoà, Kim Sơn, Ninh Bình	Học viện ngân hàng	kế toán doanh nghiệp		HAN00466		82.50	MT	72.50		HAN01042
318	Đặng Thanh	Dũng	20	11	1984				Trực Thái , Trục Ninh, Nam Định	Đại học Dân lập Duy Tân	Kế toán- Kiểm toán		HAN00468		50.00	26.25	42.50		HAN02602
319	Hà Anh	Dũng	24	8	1994				Thông Nguyệt Trung - Xã Yên Tân - Huyện Ý Yên - Tỉnh Nam Định	Đại học Thương Mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		HAN00472		97.50	66.25	67.50		HAN04525
320	Hồ Việt	Dũng	27	12	1991				xã Gia Xuyên - huyện Gia Lộc - tỉnh Hải Dương	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00473		47.50	32.50	70.00		HAN04519
321	Hoàng Nghĩa	Dũng	1	12	1990				Thanh Trì , Hà Nội	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00474		80.00	62.50	MT		HAN02503
322	Lê Minh	Dũng	6	10	1981				Xã Thiệu Đổ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học giao thông vận tải	Kinh tế vận tải đường sắt		HAN00475		48.0	32.50	85.00	Cảnh cáo	HAN00001
323	Lưu Đắc	Dũng	24	3	1993				Trung Hoàng, Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	Đại học Vinh	Luật		HAN00476		VT	VT	VT		HAN00035
324	Mai Hạnh Tiến	Dũng	7	12	1990				Hải DƯơng	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00478		VT	VT	VT		HAN00092
325	Nguyễn Anh	Dũng	10	10	1994				Đức Hòa - Sóc Sơn - Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN00479		52.50	63.75	47.50		HAN04512
326	Nguyễn Đức	Dũng	12	12	1993				thôn Hạ, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Thăng Long	Tài chính - kế toán		HAN00483		57.50	56.25	67.50		HAN04544
327	Nguyễn Đức	Dũng	28	4	1990				Trung Thành, Yên Thành, Nghệ An	ĐH mở địa chất HN	kế toán doanh nghiệp		HAN00481		65.00	51.25	75.00		HAN06102
328	Nguyễn Phú Ngọc	Dũng	18	1	1991				Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, Tp. Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00484		92.50	40.00	90.00		HAN05525
329	Nguyễn Việt	Dũng	10	3	1985				Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00485		55.00	45.00	82.50		HAN00033
330	Phạm Đức	Dũng	20	8	1993				Thôn Thụy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		HAN00486		50.00	85.00	62.50		HAN05537
331	Phạm Tiến	Dũng	24	1	1991				Thường Tín, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00488		VT	VT	VT		HAN06588
332	Trịnh Ngọc	Dũng	10	2	1993				Hà Tĩnh	Đại học Ngoại thương	Phân tích và đầu tư tài chính		HAN00490		VT	VT	VT		HAN01091
333	Võ Văn	Dũng	22	3	1990				Đỗ Lương, Nghệ An	Đại học dân tộc Quảng Tây	Kinh tế và thương mại quốc tế		HAN00491		77.50	MT	75.00		HAN02029
334	Vũ Hưng	Dũng	11	10	1992				Phong Châu, Vĩnh Phúc	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HAN00492		VT	VT	VT		HAN06531
335	Vũ Quang	Dũng	14	3	1993				Xã Hưng Lộc - Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		HAN00493		80.00	51.25	77.50		HAN04534
336	Bùi Thị Thủy	Dương				28	10	1990	Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện Tài Chính	Kế toán		HAN00494		100.00	65.00	90.00		HAN04008
337	Cao thị Thủy	Dương				18	9	1993	xã Thanh Phong - huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông	Kế toán		HAN00496		VT	VT	VT		HAN04611
338	Đặng Văn	Dương	1	12	1984				Tiền Hải , Thái Bình	Đại học Phương Đông	Tài chính ngân hàng	Con BB	HAN00497	20	VT	VT	VT		HAN02649
339	Đỗ Thủy	Dương				19	11	1992	Hà Đông - Hà Nội	Đại học Công đoàn	Ngân hàng thương mại		HAN00499		35.00	21.25	60.00		HAN05508
340	Hoàng Thị Thủy	Dương				12	11	1993	Kiên Bái Thủy Nguyên Hải Phòng	Học viện Ngân hàng	Ngân Hàng thương mại		HAN00502		VT	VT	VT		HAN08113
341	Hoàng Thị Thủy	Dương				12	11	1992	Xã Giao Tiến, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán		HAN00501		72.50	52.50	72.50		HAN05023
342	Ngô Thủy	Dương				18	9	1990	Xuân Thiên, Thọ Xuân, Thanh Hoá	Đại học Ngoại thương	Kinh tế		HAN00510		VT	VT	VT		HAN00192
343	Nguyễn Đức	Dương	29	10	1991				Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Tài chính Ngân Hàng	Con TB	HAN00511	20	80.00	72.50	82.50		HAN02520
344	Nguyễn Hoàng	Dương	21	3	1990				Hưng yên	ĐH quốc gia HN - Khoa Luật	Luật tài chính ngân hàng		HAN00512		VT	VT	VT		HAN09122
345	Nguyễn Thị	Dương				5	12	1992	Hoàng Nguyên, Tri Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	Con BB	HAN00513	20	VT	VT	VT		HAN02164
346	Nguyễn Thị Thủy	Dương				13	8	1994	Bình Lục, Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00514		VT	VT	VT		HAN06009
347	Nguyễn Thủy	Dương				13	2	1993	Thành phố Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng		HAN00517		VT	VT	VT		HAN04053

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
348	Nguyễn Triều	Dương	23	9	1991				Đức Lạc, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Massey New Zealand	tài chính		HAN00519		60.00	MT	72.50		HAN02558
349	Ninh Thị Thủy	Dương				12	6	1990	Ý Yên, Nam Định	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính		HAN00522		52.50	51.25	60.00		HAN04109
350	Phạm Thị	Dương				18	2	1993	Yên Bình Ý Yên Nam Định	Đại học lao động xã hội	Kế toán		HAN00525		60.00	38.75	45.00		HAN07632
351	Phạm Thủy	Dương				12	10	1990	Giao Tiên, Giao Thủy, Nam Định	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN00528		VT	VT	VT		HAN06013
352	Phạm Thủy	Dương				28	12	1988	Huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Đại Học La Trobe (Úc)	Quản trị Kinh Doanh		HAN00527		95.00	MT	87.50		HAN02625
353	Trần Đại	Dương	28	6	1984				Hà Nội	ĐH kinh tế - Đại học Đà Nẵng	kế toán	Con TB	HAN00530	20	19.5	15.8	45.00	Cảnh cáo; Cảnh	HAN01037
354	Trần Đức	Dương	1	6	1992				Đội 1, Thôn Cổ Đô, Xã Cổ Đô, Huyện Ba Vì, Thành Phố Hà Nội	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00531		52.50	56.25	67.50		HAN08003
355	Trần Thị Thủy	Dương				16	12	1991	Xã Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng		HAN00532		VT	VT	VT		HAN05563
356	Võ Thị Thủy	Dương				24	8	1994	Tùng Ảnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00533		57.50	71.25	70.00		HAN04676
357	Vũ Đức	Dương	10	8	1991				Thái Bình	đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		HAN00534		70.00	72.50	72.50		HAN04094
358	Vũ Thủy	Dương				12	8	1993	Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Thương mại quốc tế	DTTS	HAN00537	20	42.0	51.25	85.00	Cảnh cáo	HAN02014
359	Vũ Thủy	Dương				8	8	1991	xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện ngân hàng	kế toán doanh nghiệp		HAN00536		85.00	51.25	90.00		HAN06087
360	Tạ Hải	Đường	17	9	1991				Mê Linh, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00538		47.50	43.75	52.50		HAN06584
361	Lê Đình	Duy	8	7	1992				Hà Nội, Việt Nam	Trường Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN00540		100.00	68.75	82.50		HAN08503
362	Nguyễn Đức	Duy	27	12	1993				Hà Nội	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN00542		75.00	93.75	85.00		HAN08516
363	Nguyễn Ngọc	Duy	30	6	1994				Hoành Sơn, Giao Thủy, Nam Định	Đại Học Thương Mại	Kinh Tế Thương Mại	Con NHĐKC bị NCDHH	HAN00543	20	30.00	21.8	82.50	Cảnh cáo	HAN02529
364	Phạm Đình	Duy	11	12	1993				Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên	Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng		HAN00544		70.00	65.00	77.50		HAN08038
365	Trần Việt	Duy	11	10	1986				Nam Trục, Nam Định	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	HTNVQS	HAN00545	10	37.50	67.50	65.00		HAN02068
366	Bùi Thị An	Duyên				2	1	1986	Bình Định, Kiến Xương, Thái Bình	Học Viện tài chính	kế toán doanh nghiệp		HAN00547		VT	VT	VT		HAN09020
367	Đặng Thị Mỹ	Duyên				12	11	1994	Bùi Xá- Đức Thọ- Hà Tĩnh	ĐH Công Đoàn	kế toán		HAN00548		47.50	36.25	57.50		HAN06128
368	Lê Thị	Duyên				3	11	1988	Tân Thọ, Nông Cống, Thanh Hóa	Đại học kinh tế - Đại học quốc gia HN	Tài chính ngân hàng	Con TB	HAN00549	20	60.00	43.75	62.50		HAN02115
369	Mã Thị	Duyên				18	4	1983	Thôn Phương Phú - Xã Nga Thạch - huyện Nga Sơn - Thanh Hóa	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00552		VT	VT	VT		HAN04678
370	Nguyễn Thị	Duyên				22	10	1993	Thôn 3, xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00556		82.50	68.75	82.50		HAN00127
371	Nguyễn Thị	Duyên				25	8	1993	Mỹ Đức, hà nội	Đại học luật Hồ chí minh	Luật hành chính		HAN00557		VT	VT	VT		HAN01092
372	Nguyễn Thị	Duyên				13	10	1987	Hải Anh Hải Hậu nam Định	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00554		VT	VT	VT		HAN07636
373	Nguyễn Thị	Duyên				8	1	1985	Đồng Luận, Thanh Thủy, Phú Thọ	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con TB	HAN00553	20	65.00	32.50	60.00		HAN02057
374	Nguyễn Thị Hồng	Duyên				7	11	1993	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00559		VT	VT	VT		HAN07145
375	Nguyễn Thị Hồng	Duyên				23	12	1990	Tân Phú Quốc Oai Hà Nội	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN00558		90.00	50.00	65.00		HAN07532
376	Phạm Thị Hải	Duyên				23	9	1991	Thị trấn Ngô Đồng, Giao Thủy, Nam Định	Học viện Ngân Hàng	Tài chính ngân hàng	Con NHĐKC bị NCDHH	HAN00560	20	95.00	56.25	82.50		HAN02045
377	Nguyễn Thị Phương	Duyên				24	8	1983	xã thanh Thủy, Thanh oai, hà Nội	Đại Học Thương Mại	kế toán-tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00564		92.50	43.75	85.00		HAN09015
378	Nguyễn Thị	Gám				5	9	1992	Lâm Cao, Tự Cường, Tiên Lãng, Hải Phòng	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HAN00565		VT	VT	VT		HAN06635

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
379	Hoàng Thế	Gia	6	12	1992				Đông Thượng, Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		HAN00566		VT	VT	VT		HAN06648
380	Bùi Thu	Giang				15	9	1983	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	Học viện Ngân Hàng	Tài chính - Ngân hàng		HAN00568		32.50	MT	40.00		HAN00156
381	Diễm Thị Hương	Giang				17	1	1989	Hòa Đình, Võ Cường, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại	Con TB	HAN00569	20	50.00	MT	32.50		HAN02173
382	Đỗ Hương	Giang				22	12	1984	Xã Vũ Hòa , huyện Kiến Xương , tỉnh Thái Bình	University of Otago	Thương Mại		HAN00570		VT	MT	VT		HAN02628
383	Đỗ Thị Kim	Giang				2	9	1986	Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN00571		VT	VT	VT		HAN05138
384	Khúc Bình	Giang	21	5	1991				Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kiểm toán		HAN00575		VT	VT	VT		HAN03024
385	Lê Thị	Giang				31	1	1989	Quý Lộc- Yên Định- Thanh Hóa	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00576		75.00	68.75	45.00		HAN07163
386	Lê Thị Hà	Giang				30	9	1994	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		HAN00578		67.50	61.25	57.50		HAN06518
387	Lê Thị Hà	Giang				21	2	1988	Thanh Hoá	học viện Tài chính	kế toán doanh nghiệp		HAN00577		VT	VT	VT		HAN09056
388	Lê Thị Hương	Giang				16	1	1989	Nông Cống, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		HAN00579		VT	VT	VT		HAN06605
389	Lê Thị Lệ	Giang				2	8	1991	Xã Tượng Lĩnh, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài chính - Ngân hàng		HAN00580		82.50	66.25	67.50		HAN05513
390	Lê Thị Ngân	Giang				8	8	1983	Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán	Con TB	HAN00581	20	70.00	32.50	47.50		HAN02151
391	Mai Thùy	Giang				20	6	1992	Nga An, Nga Sơn, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN00582		VT	VT	VT		HAN00012
392	Nguyễn Đức Tuấn	Giang	21	12	1993				Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp	DTTS	HAN00583	20	42.50	66.25	67.50		HAN02578
393	Nguyễn Hồng	Giang				21	4	1991	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	Đại học Phương Đông	Kinh tế và quản lý xây dựng		HAN00585		42.50	25.00	45.00		HAN00002
394	Nguyễn Hương	Giang				13	11	1991	Xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN00587		VT	VT	VT		HAN07045
395	Nguyễn Hương	Giang				7	11	1990	Quang Phục, Tứ Kỳ, Hải Dương	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00586		82.50	83.75	75.00		HAN07074
396	Nguyễn Thị	Giang				11	6	1985	Thanh Khai, Thanh Chương, Nghệ an	học viện tài chính	tài chính doanh nghiệp		HAN00590		VT	VT	VT		HAN09061
397	Nguyễn Thị	Giang				15	12	1983	Thôn Cổ Giang, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00589		VT	VT	VT		HAN08544
398	Nguyễn Thị Châu	Giang				21	8	1985	Phù Đồng, Gia lâm, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN00591		82.50	73.75	82.50		HAN05011
399	Nguyễn Thị Hương	Giang				15	2	1985	Xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00593		87.50	46.25	72.50		HAN08529
400	Nguyễn Thị Linh	Giang				21	12	1992	Tân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN00594		67.50	45.00	75.00		HAN05022
401	Nguyễn Thị Thu	Giang				14	12	1980	Bình Minh, Nam Trục, Nam Định	Đại học Đông Đô	Tài chính ngân hàng	Con TB	HAN00595	20	45.00	27.50	45.00		HAN02050
402	Nguyễn Thị Trà	Giang				6	8	1986	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00597		VT	VT	VT		HAN04142
403	Nguyễn Thị Trà	Giang				10	9	1982	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Thương mại	Kế toán- Tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00596		57.50	31.25	45.00		HAN08029
404	Nguyễn Trường	Giang	6	8	1993				Khoái Châu - Hưng Yên	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00600		45.00	37.50	55.00		HAN04553
405	Phạm Thị	Giang				1	12	1991	Cụm 6 thị trấn đan phượng, hà nội	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN00603		92.50	52.50	82.50		HAN09007
406	Phạm Văn	Giang				11	7	1994	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Thuế		HAN00606		75.00	61.25	90.00		HAN00054
407	Phan Thị	Giang				6	10	1992	Thạch Ngọc, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Tài chính quốc tế		HAN00607		VT	VT	VT		HAN07171
408	Thiều Hương	Giang				19	8	1993	Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00609		50.00	41.25	25.00		HAN06619
409	Trần Hương	Giang				7	10	1992	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Greenwich	Tài chính và đầu tư		HAN00610		VT	MT	VT		HAN02186
410	Trần Thị Hoài	Giang				10	5	1993	Thanh Chi, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Tài chính	tài chính quốc tế		HAN00611		52.50	32.50	40.00		HAN06083
411	Trương Thị Hương	Giang				27	8	1989	Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Hà Nội	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Ngân hàng		HAN00613		VT	VT	VT		HAN05123
412	Vũ Thị Hương	Giang				9	12	1992	Đại đồng, Thạch Thất, Hà Nội	Đại học Ngoại thương	ngân hàng		HAN00614		82.50	73.75	72.50		HAN08613

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
413	Nguyễn Nhân	Giáp	28	9	1991				Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học Thủy lợi	Kế toán		HAN00617		77.50	60.00	67.50		HAN06622
414	Bùi Thị Ngọc	Hà				24	8	1994	xã Lạc Long, Lạc Thủy, Hòa Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	HAN00619	20	37.50	23.75	60.00		HAN02162
415	Cao Thị	Hà				26	9	1989	Bắc Ninh	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kế Toán, Kiểm toán và Phân Tích		HAN00620		85.00	41.25	67.50		HAN05128
416	Đàm Thị	Hà				13	10	1993	xã Lũng Hoà, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Học viện tài chính	Thuế-hải quan		HAN00621		82.50	53.75	70.00		HAN09013
417	Định Nguyệt	Hà				23	11	1989	Phạm Xá, Ngọc Sơn, Tứ Kỳ, Hải Dương	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế	Con TB	HAN00623	20	97.50	75.00	95.00		HAN02082
418	Đinh Thu	Hà				23	9	1992	Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00625		50.00	47.50	62.50		HAN07522
419	Đỗ Thị	Hà				8	10	1990	Tiên Dương, đông Anh, HN	ĐHDL Đông Đô	Kế toán kiểm toán		HAN00628		32.50	37.50	52.50		HAN06025
420	Dương Thu	Hà				1	12	1991	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	Đại học Công đoàn	Kế toán		HAN00633		87.50	77.50	72.50		HAN01525
421	Hà Hồng	Hà				4	6	1991	Gia Trấn, Gia Viễn, Ninh Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán		HAN00634		62.50	51.25	70.00		HAN04683
422	Hoàng Hải	Hà				20	4	1992	Xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00636		70.00	78.75	55.00		HAN07173
423	Lê Quang	Hà	5	11	1970				Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00639		VT	VT	VT		HAN08087
424	Lê Thanh	Hà				20	11	1994	Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00640		75.00	MT	62.50		HAN02165
425	Lê Thị Bảo	Hà				4	7	1994	Cộng Hòa- Yên Hưng- Quảng Ninh	Học viện tài chính	Ngân hàng		HAN00641		72.50	58.75	62.50		HAN07128
426	Lê Thị Hằng	Hà				1	2	1988	Thanh Bình, Thanh Hà, Hải Dương	Đại học quốc gia hà nội	Luật hợp đồng		HAN00642		VT	VT	VT		HAN04595
427	Lê Thị Ngọc	Hà				24	9	1990	Thôn Dường Phú xã Chính Nghĩa huyện Kim Động Hưng Yên	Đại học kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh		HAN00643		92.50	55.00	77.50		HAN07508
428	lê Thị Thu	Hà				26	9	1994	Sơn la	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HAN00645		50.00	50.00	35.00		HAN09116
429	Lê Thị Thu	Hà				15	10	1982	Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế lao động		HAN00644		VT	VT	VT		HAN04123
430	Lưu Thị Thu	Hà				22	11	1991	Xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	Học viện Hậu cần	Kế toán		HAN00646		72.50	52.50	77.50		HAN05505
431	Ngô Minh	Hà				29	1	1989	Thụy Lương, Thái Thụy, Thái Bình	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN00647		VT	VT	VT		HAN05106
432	Ngô Thị	Hà				17	7	1990	Thôn Thượng, xã Trịnh Xá, TP Phủ Lý, Hà Nam	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00648		VT	VT	VT		HAN08122
433	Nguyễn Khánh	Hà				5	11	1994	Ninh An, Hoa Lư, Ninh Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00650		55.00	65.00	60.00		HAN07559
434	Nguyễn Khánh	Hà				19	3	1994	thôn Thọ Lộc, xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HAN00649		90.00	46.25	60.00		HAN04602
435	Nguyễn Thị	Hà				18	10	1994	Ngọc Giả, Ngọc Hòa, Chương Mỹ, HN	Học viện ngân hàng	ngân hàng thương mại		HAN00661		VT	VT	VT		HAN06023
436	Nguyễn Thị	Hà				20	12	1987	Chương Mỹ, Hà Nội	Đại học Lao động Xã hội	Kế toán		HAN00657		52.50	67.50	67.50		HAN06549
437	Nguyễn Thị	Hà				15	8	1986	Trí Quả, Thuận Thành, Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00655		77.50	MT	70.00		HAN02024
438	Nguyễn Thị	Hà				22	3	1985	Thổ Du Nghệ, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN00654		62.50	51.25	55.00		HAN00078
439	Nguyễn Thị Hải	Hà				2	12	1993	Ninh Giang, Hải Dương	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HAN00662		52.50	53.75	80.00		HAN08134
440	Nguyễn Thị Minh	Hà				27	8	1993	Xã Kim Phú- Huyện Yên Sơn- Tỉnh Tuyên Quang	Đại học Hòa Bình	Tài chính ngân hàng		HAN00665		50.00	40.00	67.50		HAN07076
441	Nguyễn Thị Minh	Hà				4	3	1985	Phủ Châu, Ba Vì, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán		HAN00664		85.00	45.00	75.00		HAN04029
442	Nguyễn Thị Thanh	Hà				7	7	1993	Bình Hòa Xuân Thủy Nam Định	Trường đại học kinh tế Quốc dân	Kinh tế quốc tế		HAN00667		VT	VT	VT		HAN07575
443	Nguyễn Thị Thu	Hà				11	10	1993	Thôn Hạ, Xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		HAN00671		VT	VT	VT		HAN08046
444	Nguyễn Thị Thu	Hà				4	8	1991	Hưng Yên	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00670		77.50	45.00	77.50		HAN04141
445	Nguyễn Thị Việt	Hà				24	12	1980	Hải Dương	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN00672		62.50	33.75	42.50		HAN08136

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
446	Nguyễn Thu	Hà				23	7	1993	Xã Quỳnh Trang, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00676		87.50	73.75	85.00		HAN07132	
447	Nguyễn Thu	Hà				11	8	1992	Quyết Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	Đại học Libre De Brussels	Quản lý Tài chính ngân hàng		HAN00674		47.50	81.25	70.00		HAN07040	
448	Nguyễn Thu	Hà				12	11	1991	Thị trấn Phùng Đan Phượng Hà Nội	Trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00673		VT	VT	VT		HAN07587	
449	Nguyễn Thủy	Hà				19	4	1982	Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài chính-Ngân hàng		HAN00677		82.50	55.00	80.00		HAN04088	
450	Phạm Thị	Hà				21	12	1991	Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Đại Nam	Kế toán		HAN00679		32.50	25.00	22.50		HAN05568	
451	Phạm Thị Thanh	Hà				2	4	1993	Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Hà Nội	Kế toán tiếng anh		HAN00680		72.50	MT	72.50		HAN02080	
452	Phạm Thị Thu	Hà				12	1	1993	Hùng Thắng, Bình Giang, Hải Dương	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		HAN00681		50.00	45.00	62.50		HAN04133	
453	Phạm Thu	Hà				5	6	1994	Yết Kiêu, Gia Lộc, Hải Dương	Đại Học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN00683		95.00	80.00	82.50		HAN00017	
454	Phạm Thu	Hà				7	9	1993	Cầm Xuyên Hà Tĩnh	Viện Đại học mở Hà Nội	Kế toán		HAN00682		90.00	62.50	67.50		HAN07580	
455	Phan Thị Thu	Hà				5	10	1993	Thanh Tường, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán	Con TB	HAN00685	20	75.00	58.75	72.50		HAN02099	
456	Phan Thị Thu	Hà				16	9	1984	Hung Hà, Thái Bình	Học viện tài chính	kế toán doanh nghiệp		HAN00684		50.00	51.25	57.50		HAN06138	
457	Tạ Thị Phi	Hà				4	8	1994	Tề Lỗ, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Học viện Tài chính	Hải quan		HAN00687		65.00	42.50	52.50		HAN01522	
458	Tạ Thu	Hà				6	2	1994	xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính bảo hiểm		HAN00688		45.00	52.50	50.00		HAN06020	
459	Trần Thanh	Hà				12	11	1985	Bồ Đề, Bình Lục, Hà Nam	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HAN00689	20	90.00	MT	75.00		HAN02175	
460	Trần Thị Thu	Hà				8	8	1991	Bồ Đề, Bình Lục, Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00690		60.00	53.75	70.00		HAN04129	
461	Trương Thị Lệ	Hà				20	12	1984	Thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Tài chính quốc tế		HAN00692		40.00	33.75	45.00		HAN04081	
462	Trương Thị Thanh	Hà				23	12	1992	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Công Đoàn	kế toán		HAN00693		95.00	60.00	75.00		HAN06118	
463	Trương Thị Thu	Hà				5	9	1993	Hồng Quang, Thanh Miện, Hải Dương	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00694		87.50	56.25	80.00		HAN04506	
464	Võ Thị Thu	Hà				12	3	1992	Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00695		87.50	53.75	82.50		HAN07041	
465	Vũ Minh	Hà	30	9	1990				An Thịnh, Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học ngoại thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00696		82.50	MT	77.50		HAN02022	
466	Vũ Thị	Hà				28	7	1991	Nghĩa Lạc, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00697		52.50	30.00	72.50		HAN06641	
467	Vũ Thị Thu	Hà				14	9	1992	Tổ 29, cụm 5, phường Nam Sơn, Q Kiến An, TP Hải Phòng	Đại học Thương mại	Tài chính ngân hàng		HAN00700		VT	VT	VT		HAN07168	
468	Vũ Thị Thu	Hà				9	10	1990	Thôn Trung Dương, Xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		HAN00699		57.50	35.00	70.00		HAN07160	
469	Đỗ Thị	Hạ				2	2	1990	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	HAN00702	20	55.00	37.50	55.00		HAN02544	
470	Hà Thị Hồng	Hải				18	2	1993	Khu 4, Xã Đan Thượng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	ĐH Công đoàn	Kế toán		HAN00705		60.00	40.00	40.00		HAN08075	
471	Lê Đức	Hải	30	10	1987				Vũ Xá, Kim Động, Hưng Yên	ĐH kinh tế quốc dân	Kiểm toán	Con TB	HAN00707	20	60.00	31.25	52.50		HAN00065	
472	Lê Thị Phúc	Hải				18	9	1990	Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		HAN00709		82.50	58.75	77.50		HAN04570	
473	Ngô Đông	Hải	21	10	1981				Bình Lục, Hà Nam	ĐH kinh tế quốc dân	Kinh tế lao động		HAN00711		77.50	78.75	75.00		HAN06086	
474	Nguyễn Thanh	Hải	4	11	1988				Thôn Châu Phong, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Hà Nội	Đại học thương mại	quản trị kinh doanh	Con TB	HAN00714	20	32.50	36.25	22.50		HAN01025	
475	Nguyễn Thị	Hải				24	2	1988	Đội 7 - Xã Định Công, - Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	kế toán doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	HAN00715	20	67.50	30.00	47.50		HAN01006	
476	Nguyễn Thị Thanh	Hải				8	11	1988	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00717		60.00	45.00	57.50		HAN08121	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
477	Nguyễn Thị Thanh	Hải				24	8	1982	Nho Quan, Ninh Bình	ĐH kinh doanh và công nghệ HN	Kế toán		HAN00716		52.50	MT	45.00		HAN01069
478	Nguyễn Thị Thúy	Hải				2	12	1991	xã Văn Lộc huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa	V iện DH Mở Hà Nội	Luật quốc tế		HAN00718		22.50	56.25	47.50		HAN07528
479	Nguyễn Trác	Hải	19	8	1990				xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	ĐH hàng hải Việt Nam	Quản lý kinh tế		HAN00719		60.00	30.00	MT		HAN0007
480	Nguyễn Văn	Hải	18	11	1991				Tổ 14, phường Gia Thụy, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đại học Lao động Xã Hội	Kế toán		HAN00721		80.00	26.25	70.00		HAN08116
481	Nguyễn Văn	Hải	16	5	1987				Phường Nhị, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng		HAN00720		VT	VT	VT		HAN08549
482	Phạm Thị	Hải				30	11	1991	Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00724		57.50	40.00	45.00		HAN05592
483	Phạm Thị	Hải				30	5	1990	Phường Mạc, Phường Đình, Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân Hàng		HAN00723		52.50	40.00	62.50		HAN08048
484	Tào Ngọc	Hải	28	7	1994				Xã Hoàng Lý - Thành Phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hoá	Đại học thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN00726		90.00	41.25	85.00		HAN00011
485	Trần Phúc	Hải	13	10	1993				Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	Đại học Sunderland	tài chính ngân hàng		HAN00728		72.50	MT	75.00		HAN02559
486	Vũ Đình	Hải	17	5	1983				Xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội	Học viện Tài chính	Thuế nhà nước		HAN00730		42.50	32.50	57.50		HAN01514
487	Vũ Duy	Hải	9	9	1981				Ninh Giang, Hải Dương	ĐH Phương Đông	Quản trị doanh nghiệp		HAN00731		40.00	26.25	40.00		HAN06037
488	Vũ Hoàng	Hải	7	4	1986				Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Kinh doanh và công nghệ HN	Tài chính ngân hàng		HAN00732		45.00	40.00	MT		HAN02152
489	Vũ Huy	Hải	29	10	1994				Mô Trạch, Tân Hồng, Bình Giang, Hải Dương	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế quốc tế		HAN00733		95.00	48.75	75.00		HAN08519
490	Vũ Quang	Hải	30	5	1990				Phạm Kha, Thanh Miện, Hải Dương	Học Viện tài chính	Kiểm toán		HAN00734		70.00	52.50	72.50		HAN00183
491	Vũ Thị	Hải				9	12	1986	Đạo Chân, Kim Chân, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	ĐH Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00735		82.50	60.00	77.50		HAN05044
492	Hồ Thị Ngọc	Hân				7	2	1984	TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	ĐH Thương Mại	Kế Toán Tài Chính Doanh Nghiệp Thương Mại		HAN00736		60.00	45.00	60.00		HAN05132
493	Lê Ngọc	Hân	17	3	1990				Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán		HAN00737		45.00	46.25	57.50		HAN07071
494	Bùi Thị	Hằng				23	6	1991	Kỳ Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện Ngân hàng	Quản trị doanh nghiệp	Con TB	HAN00740	20	70.00	67.50	72.50		HAN00136
495	Đieu Thị Thu	Hằng				25	9	1989	Mường Chiên, Quỳnh Nhai, Sơn La	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư	DTTS	HAN00743	20	82.50	28.75	62.50		HAN02118
496	Đinh Thị	Hằng				12	9	1991	Hương Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học Điện lực	Kế toán		HAN00744		VT	VT	VT		HAN07079
497	Đinh Thị	Hằng				19	7	1991	Thanh Hoá	Đại học Thủy Lợi	kế toán		HAN00745		55.00	30.00	52.50		HAN06063
498	Đỗ Thu	Hằng				24	8	1989	Phú Châu- Ba Vì- Hà Nội	ĐH Lâm nghiệp VN	Quản trị kinh doanh		HAN00748		57.50	45.00	75.00		HAN06044
499	Dương Thị Thu	Hằng				10	9	1992	An Lạc Chí Linh Hải Dương	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00754		90.00	62.50	90.00		HAN07513
500	Dương Thị Thu	Hằng				1	8	1992	xóm Tân Tiến, xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Học viện tài chính	ngân hàng		HAN00753		72.50	60.00	75.00		HAN07561
501	Dương Thị Thu	Hằng				7	6	1991	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN00752		57.50	40.00	67.50		HAN05098
502	Dương Thị Thu	Hằng				3	2	1987	Kiên Giang	Đại học Thương Mại	Kế toán		HAN00751		67.50	41.25	62.50		HAN04526
503	Dương Thị Thúy	Hằng				18	6	1990	Thôn 4, xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00755		95.00	55.00	80.00		HAN08004
504	Hoàng Thị	Hằng				24	12	1988	Thanh Sơn, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00758		62.50	50.00	72.50		HAN08610
505	Hoàng Thị	Hằng				27	9	1985	Thiệu Minh, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Kinh Tế Tài chính- Ngân hàng		HAN00757		52.50	33.75	65.00		HAN05074
506	Hoàng Thị Diễm	Hằng				13	8	1984	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00760		27.50	32.50	65.00		HAN08589
507	Hoàng Thị Thu	Hằng				13	1	1987	Hoàng Lương, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương	tài chính quốc tế		HAN00761		60.00	61.25	72.50		HAN06097

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
508	Lê Thị	Hằng				4	6	1989	Cẩm Sơn, Cẩm Giàng, Hải Dương	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00762		70.00	52.50	65.00		HAN07025	
509	Lê Thị Thu	Hằng				14	5	1991	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN00764		50.00	45.00	65.00		HAN07176	
510	Lê Thu	Hằng				27	7	1993	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	Khoa luật đại học quốc gia Hà Nội	Tổ chức kinh doanh	DTTS	HAN00765	20	50.00	51.25	55.00		HAN02071	
511	Nghiêm Thúy	Hằng				15	6	1992	Hà Nội	Đại học Minh Tân - Đài Loan	Tài chính		HAN00767		47.50	45.00	55.00		HAN02182	
512	Ngô Diệu	Hằng				19	4	1993	Châu Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		HAN00768		45.00	53.75	65.00		HAN07043	
513	Ngô Thị	Hằng				3	7	1987	Xóm Công Bằng xã Tân Trung huyện Tân Yên Bắc Giang	Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		HAN00769		45.00	38.75	45.00		HAN07544	
514	Ngô Thúy	Hằng				4	4	1991	Cự Khối, Gia Lâm, Hà Nội	Đại học Thủy Lợi	quản trị kinh doanh		HAN00771		VT	VT	VT		HAN08625	
515	Nguyễn Hồng	Hằng				29	10	1987	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	Đại học dân lập Đông Đô	Tài chính Ngân hàng		HAN00773		VT	VT	VT		HAN05589	
516	Nguyễn Minh	Hằng				23	11	1992	xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội	Học viện Tài chính	Thuế		HAN00776		72.50	71.25	77.50		HAN03022	
517	Nguyễn Minh	Hằng				22	11	1992	Xã Nam phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00775		100.00	76.25	90.00		HAN04543	
518	Nguyễn Thị	Hằng				4	4	1992	Xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Khoa quốc tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội	Kế toán		HAN00781		VT	MT	VT		HAN02585	
519	Nguyễn Thị	Hằng				30	12	1991	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	Học viện ngân hàng	tài chính doanh nghiệp	Con NHĐKC bị NCDHH	HAN00778	20	60.00	62.50	75.00		HAN01007	
520	Nguyễn Thị	Hằng				1	8	1991	xóm Gạch, Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH Thành Đô	kế toán		HAN00780		97.50	61.25	70.00		HAN01040	
521	Nguyễn Thị	Hằng				1	7	1991	Xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		HAN00779		87.50	56.25	82.50		HAN00161	
522	Nguyễn Thị	Hằng				14	12	1987	Yên Thế, Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN00777		VT	VT	VT		HAN06545	
523	Nguyễn Thị Mai	Hằng				30	8	1994	Kim Thượng, Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN00783		75.00	42.50	72.50		HAN08586	
524	Nguyễn Thị Minh	Hằng				2	9	1987	Vạn Thái, Ứng Hòa, TP Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN00784		75.00	41.25	72.50		HAN08587	
525	Nguyễn Thị Thanh	Hằng				14	4	1991	Đại Trì, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Học Viện Tài Chính	Kế toán doanh Nghiệp		HAN00785		VT	VT	VT		HAN05078	
526	Nguyễn Thị Thu	Hằng				20	12	1993	Xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp		HAN00794		85.00	57.50	70.00		HAN05520	
527	Nguyễn Thị Thu	Hằng				1	5	1993	Xóm 3, xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00793		VT	VT	VT		HAN04030	
528	Nguyễn Thị Thu	Hằng				5	11	1992	thôn Quếch ,Bình Minh, Thanh Oai, HN	ĐH Điện lực	kế toán		HAN00790		55.00	26.25	52.50		HAN06141	
529	Nguyễn Thị Thu	Hằng				10	1	1992	Đông Tiến, Đông Sơn, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00792		92.50	58.75	87.50		HAN06513	
530	Nguyễn Thị Thu	Hằng				30	7	1989	Cẩm phả, Quảng Ninh	ĐH Mỏ địa chất	Kế toán doanh nghiệp		HAN00788		VT	VT	VT		HAN08592	
531	Nguyễn Thị Thu	Hằng				22	12	1986	Từ Sơn, Bắc Ninh	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00786		50.00	51.25	72.50		HAN06529	
532	Nguyễn Thu	Hằng				29	7	1991	Yên Xá, Ý Yên, Nam Định	Đại học công đoàn	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	HAN00798	20	27.50	30.00	47.50		HAN02098	
533	Nguyễn Thu	Hằng				9	9	1985	Hà Nội	Kinh tế quốc dân	Tài chính công		HAN00797		VT	VT	VT		HAN07608	
534	Nguyễn Thúy	Hằng				28	12	1992	Nam Triều Phú Xuyên Hà Nội	Đại học dân lập Đông Đô	Tài chính ngân hàng		HAN00802		VT	VT	VT		HAN07597	
535	Nguyễn Thúy	Hằng				16	12	1991	xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		HAN00801		65.00	55.00	60.00		HAN07562	
536	Nguyễn Thúy	Hằng				4	10	1988	Trần Yên, Yên Bái	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00800		VT	VT	VT		HAN06608	
537	Phạm Thanh	Hằng				3	10	1991	Hà Nội	ĐH Lao Động Xã Hội	Kế Toán		HAN00804		57.50	35.00	42.50		HAN05048	
538	Phạm Thu	Hằng				29	12	1984	Ngọc Lũ, Bình Lục, Hà Nội	Đại học Điện Lực	Kế toán		HAN00806		80.00	46.25	85.00		HAN07010	
539	Phan Thúy	Hằng				11	5	1993	xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		HAN00807		VT	VT	VT		HAN08558	

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
540	Phùng Thị Thu	Hằng				26	7	1993	Hà Yên, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế hoạch		HAN00808		72.50	55.00	60.00		HAN01503
541	Trần Thu	Hằng				7	10	1991	Hải Hậu, Nam Định	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00811		VT	VT	VT		HAN04092
542	Trịnh Thanh	Hằng				19	12	1991	Thôn Thọ Vực xã Vinh Ninh huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00812		77.50	58.75	75.00		HAN07567
543	Trịnh Thị	Hằng				5	4	1987	Xuân Lai, Gia Bình, Bắc Ninh	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh		HAN00813		VT	VT	VT		HAN00197
544	Vũ Thị	Hằng				25	2	1994	Vụ Bản, Nam Định	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00816		55.00	42.50	85.00		HAN00059
545	Vũ Thị	Hằng				5	1	1992	Thụy Quỳnh - Thái Thụy - Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Ngân hàng		HAN00815		VT	VT	VT		HAN04654
546	Bùi Hồng	Hạnh				7	6	1989	Ngũ Hiệp Thanh Trì Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00819		52.50	48.75	57.50		HAN08539
547	Cao Hoàng	Hạnh				10	5	1992	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng Thương Mại		HAN00822		92.50	76.25	87.50		HAN05003
548	Đào Huyền	Hạnh				7	7	1989	Bình Nghĩa, Bình Lục, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN00823		85.00	MT	85.00		HAN02030
549	Đinh Thị Hồng	Hạnh				25	6	1989	Đồng Tiến , Khoái Châu , Hưng Yên	Đại Học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	Con BB	HAN00824	20	52.50	36.25	55.00		HAN02631
550	Đỗ Mỹ	Hạnh				7	8	1987	Hà Nam	Đại học Kinh doanh& công nghệ	Tài chính NH		HAN00825		67.50	67.50	70.00		HAN07101
551	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh				21	9	1994	xuân Hòa, Vũ Thư, Thái Bình	ĐH ngoại thương	Kinh doanh quốc tế		HAN00827		82.50	62.50	77.50		HAN01058
552	Hồ Thị Hồng	Hạnh				1	10	1994	Xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		HAN00829		VT	VT	VT		HAN07177
553	Hoàng Hồng	Hạnh				20	3	1987	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		HAN00830		VT	VT	VT		HAN05587
554	Hoàng Thị	Hạnh				6	6	1985	Hà Nội	Đại học dân lập Phương Đông	Kế toán kiểm toán	Con TB	HAN00832	20	0.00	0.00	0.00		HAN02062
555	Lê Hồng	Hạnh				18	9	1991	Cẩm Vân, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Ngân hàng	Con TB	HAN00834	20	65.00	38.75	60.00		HAN08013
556	Lê Thị	Hạnh				15	5	1993	Xóm 6- Văn Quán- Văn Khê- Mễ Linh- Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN00836		95.00	43.75	85.00		HAN08080
557	Lê Thị	Hạnh				13	8	1988	Thanh Hoá	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00835		40.00	51.25	52.50		HAN09096
558	Lê Thị Hồng	Hạnh				13	12	1993	Trung Chính, Nông Cống, Thanh Hóa	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00838		VT	VT	VT		HAN02064
559	Lê Thị Hồng	Hạnh				5	10	1985	Viên Nội, Ứng Hòa, HN	Học viện tài chính	tài chính ngân hàng		HAN00837		VT	VT	VT		HAN06130
560	Lương Hoàng	Hạnh				14	11	1990	xã Hoàng Phong, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	ĐH Vinh	tài chính ngân hàng		HAN00839		45.00	45.00	72.50		HAN06134
561	Nghiêm Thị Tuyết	Hạnh				11	8	1992	Đa Sỹ phường Kiến Hưng Quận Hà Đông Thành phố Hà Nội	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00842		70.00	43.75	70.00		HAN08536
562	Nguyễn Bích	Hạnh				8	6	1987	Vân Trường- Tiền Hải- Thái Bình	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00844		55.00	28.75	55.00		HAN07142
563	Nguyễn Hồng	Hạnh				21	10	1992	Tích Giang Phúc Thọ Hà Nội	Đại học Thương mại	Tài chính ngân hàng thương mại		HAN00850		VT	VT	VT		HAN07537
564	Nguyễn Hồng	Hạnh				19	10	1992	Ỡ Yên, Nam Định	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00849		47.50	66.25	57.50		HAN07075
565	Nguyễn Hồng	Hạnh				12	8	1990	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Ngoại thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00847		70.00	66.25	80.00		HAN03027
566	Nguyễn Hồng	Hạnh				18	10	1985	Hưng Yên	ĐH Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00845		90.00	MT	77.50		HAN02506
567	Nguyễn Mỹ	Hạnh				15	5	1991	Kim Động, Hưng Yên	Trường Đại học KeuKa	Kế toán		HAN00852		37.50	MT	47.50		HAN02021
568	Nguyễn Thị	Hạnh				6	9	1992	Bắc Từ Liêm Hà Nội	Đại học kinh tế ĐHQG HN	Tài chính		HAN00855		57.50	62.50	55.00		HAN07594
569	Nguyễn Thị	Hạnh				23	8	1991	Cụm 5, tây lập, đan Phượng, hà nội	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00854		30.00	53.75	67.50		HAN09112
570	Nguyễn Thị	Hạnh				20	9	1977	Phù Đồng, Gia Lâm, Hà Nội	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Con TB	HAN00853	20	45.00	MT	52.50		HAN02575
571	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh				13	11	1991	Thanh Trì, Hà Nội	ĐH Kinh doanh Và Công Nghệ	Kế Toán		HAN00859		72.50	33.75	42.50		HAN05052

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
572	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh				5	11	1990	Thanh Hóa	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kinh Tế Đầu Tư		HAN00858		82.50	71.25	80.00		HAN05007
573	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh				17	11	1987	Xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh		HAN00857		85.00	58.75	MT		HAN02103
574	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh				4	9	1991	Trần Yên, Yên Bái	Học viện Tài chính	Kế toán		HAN00861		65.00	65.00	72.50		HAN06617
575	Nguyễn Thúy	Hạnh				12	6	1994	Hà Nội	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		HAN00862		47.50	57.50	50.00		HAN00052
576	Phạm Hồng	Hạnh				4	5	1994	Thôn Trần Phú, xóm 6, xã Đông Thọ - thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán		HAN00865		95.00	70.00	65.00		HAN04637
577	Phạm Hồng	Hạnh				6	7	1991	Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	kế toán, kiểm toán và phân tích		HAN00864		VT	VT	VT		HAN04671
578	Tô Hồng	Hạnh				6	9	1993	Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00867		VT	VT	VT		HAN04583
579	Trần Hồng	Hạnh				1	12	1991	Mỹ Lộc , Nam Định	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00868		VT	MT	VT		HAN02633
580	Trần Thị Thu	Hạnh				11	9	1987	Hưng Nguyên, Nghệ An	Trường Jean Moulin Lyon 3	Tài chính		HAN00869		62.50	MT	67.50		HAN02094
581	Trịnh Thị Hồng	Hạnh				13	9	1993	Khánh Vân, Đồng Tâm, Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HAN00871		75.00	38.75	32.50		HAN02042
582	Trương Hồng	Hạnh				2	4	1989	Đồng Anh- Hà Nội	Đại học ngoại thương	Tài chính quốc tế		HAN00872		57.50	76.25	67.50		HAN07153
583	Vũ Thị Hồng	Hạnh				2	8	1986	Vĩnh Phúc	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		HAN00873		65.00	56.25	45.00		HAN08616
584	Phạm Thị	Hào				20	10	1989	Xã Văn Khúc, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	Ngân hàng		HAN00874		VT	VT	VT		HAN07129
585	Đào Thị Thanh	Hào				25	1	1986	Nhân Khang, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính		HAN00877		90.00	52.50	82.50		HAN04048
586	Dư Thị Hồng	Hào				18	10	1991	Hòa Lâm - Ứng Hòa - Hà Nội	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HAN00879		VT	VT	VT		HAN04631
587	Lê Thị	Hào				7	10	1993	Bồng Mạc, Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	Đại học Thương Mại	Kinh tế thương mại		HAN00880		47.50	48.75	52.50		HAN04017
588	Lê Thị Thu	Hào				2	9	1993	Gia Viễn, Ninh Bình	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Kế toán	Con TB	HAN00881	20	95.00	73.75	87.50		HAN02534
589	Lê Thúy	Hào				11	3	1991	Đồng hoàng, Đồng Hưng, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN00882		62.50	50.00	70.00		HAN00198
590	Tổng Thị	Hào				25	3	1992	Thôn Tân Cầu, xã Yên Tiến, huyện Ý yên, Nam Định	Đại học Thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại	Con BB	HAN00886	20	VT	VT	VT		HAN00190
591	Vương Phương	Hào				29	6	1987	Nam Đan , Nghệ An	Đại Học Ngoại Thương	Kinh doanh quốc tế		HAN00888		VT	MT	VT		HAN02630
592	Ngô Thừa	Hạo	24	3	1980				xóm Đồng Thịnh, thôn Văn Hội, xã Phong Vân, Ba Vì, HN	ĐH kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		HAN00889		VT	VT	VT		HAN06079
593	Bùi Thị	Hậu				14	3	1993	Bằng Sở- Ninh Sở- Thường Tín- Hà Nội	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		HAN00890		32.50	45.00	30.00		HAN07108
594	Lê Kim	Hậu	23	9	1994				Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN00892		VT	VT	VT		HAN00088
595	Nguyễn Thị	Hậu				5	8	1987	Cộng Hòa, Kim Thành,Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HAN00894		VT	VT	VT		HAN08604
596	Bùi Thị	Hiên				8	3	1992	Xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN00896		90.00	57.50	80.00		HAN01508
597	Phạm Thị	Hiên				2	3	1984	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN00898		VT	VT	VT		HAN00036
598	Bùi thị	Hiển				25	1	1993	Hà Thanh, Tứ Kỳ, Hải Dương	Học viện nông nghiệp Việt nam	Kế toán kiểm toán		HAN00899		42.50	35.00	32.50		HAN09038
599	Bùi Thu	Hiền				20	11	1994	xã Hùng Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Học viện Tài chính	tài chính doanh nghiệp		HAN00900		VT	VT	VT		HAN06096
600	Đào Thị	Hiền				12	5	1978	Thôn Chung Chính, xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00903		82.50	41.25	70.00		HAN05553
601	Hà Thị	Hiền				2	5	1990	Xuân Lai, Thị Xuân, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư	DTTS	HAN00907	20	87.50	63.75	70.00		HAN02008

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
602	Hách Thu	Hiền				18	7	1994	xã Định Tăng huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa	Đại học Công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		HAN00908		VT	VT	VT		HAN07595
603	Hoàng Thị	Hiền				2	4	1985	xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, HN	ĐH Trà Vinh	kinh tế Luật		HAN00911		VT	VT	VT		HAN06034
604	Hoàng Thị Ngọc	Hiền				2	7	1988	An Dương, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học East London- liên kết đại học quốc gia HN	Kế toán và tài chính		HAN00912		VT	MT	VT		HAN02069
605	Lã Thị Thúy	Hiền				27	8	1993	Xã Hải Phúc,huyện Hải Hậu,Tỉnh Nam Định	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN00913		42.50	50.00	72.50		HAN08571
606	Lê Thị Thu	Hiền				24	10	1990	Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Đại học Sunderland Vương Quốc Anh	Quản trị kinh doanh		HAN00914		VT	MT	VT		HAN01001
607	Lưu Thu	Hiền				10	10	1990	Nam Trực - Nam Định	Đại học Kinh doanh công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN00917		VT	VT	VT		HAN04664
608	Luyện Thị Mỹ	Hiền				17	10	1994	xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00918		VT	VT	VT		HAN06012
609	Mạc Thị Thu	Hiền				15	9	1990	xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN00919		97.50	91.25	97.50		HAN08049
610	Nguyễn Thanh	Hiền				23	3	1992	Hoài Đức, hà nội	Hhọc viện Tài chính	Kế toán		HAN00921		95.00	62.50	82.50		HAN09098
611	Nguyễn Thị	Hiền				10	8	1993	Hợp Đồng-Chương mỹ- Hà nội	ĐH mở hà nội	Luật kinh tế		HAN00926		42.50	35.00	50.00		HAN09101
612	Nguyễn Thị	Hiền				25	5	1992	Vĩnh Hòa, Ninh Giang, Hải Dương	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kế toán kiểm toán		HAN00925		67.50	28.75	72.50		HAN07016
613	Nguyễn Thị	Hiền				17	5	1991	TDP Quang Minh, thôn La Nội, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN00924		60.00	43.75	50.00		HAN00043
614	Nguyễn Thị	Hiền				13	1	1979	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		HAN00922		VT	VT	VT		HAN05565
615	Nguyễn Thị Thu	Hiền				18	3	1994	Thôn Chúc Đồng, xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN00932		37.50	48.75	45.00		HAN00126
616	Nguyễn Thị Thu	Hiền				15	9	1993	Yên Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội	Kinh tế phát triển	Con TB	HAN00931	20	35.00	52.50	62.50		HAN02032
617	Nguyễn Thị Thu	Hiền				19	11	1992	Nam Hùng, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học ngoại thương	Kinh tế quốc tế		HAN00929		80.00	62.50	65.00		HAN08111
618	Nguyễn Thị Thu	Hiền				24	9	1992	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		HAN00928		75.00	61.25	80.00		HAN08125
619	Nguyễn Thị Thu	Hiền				15	10	1991	xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, Bắc Giang	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00927		80.00	38.75	62.50		HAN06045
620	Nguyễn Thu	Hiền				6	9	1993	Cao Thành , Ứng Hòa , Hà Nội	Đại Học Thăng Long	Tài chính		HAN00933		65.00	77.50	67.50		HAN02637
621	Phạm Lê Minh	Hiền				3	8	1991	Xã Việt Hưng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương	Trường Đại học Alexandru Ioan Cuza tại Iasi	Tài chính		HAN00934		82.50	MT	82.50		HAN07013
622	Phạm Thị	Hiền				12	10	1988	Tiền Hải, Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Đầu tư		HAN00935		VT	VT	VT		HAN06571
623	Phan Thị Thu	Hiền				14	4	1992	Thanh Văn- Thanh Chương- Nghệ An	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN00937		47.50	50.00	65.00		HAN08621
624	Phùng Thị	Hiền				13	4	1989	Thị trấn Thọ Xuân huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00938		32.50	63.75	40.00		HAN07572
625	Trần Thị	Hiền				11	4	1991	thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00939		77.50	62.50	60.00		HAN03015
626	Trần Thu	Hiền				25	1	1994	Nga Thanh, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		HAN00940		57.50	66.25	60.00		HAN00109
627	Vì Thanh	Hiền				12	10	1992	Cường Lợi , Đình Lập , Lạng Sơn	Học Viện Tài chính	Quản trị tài chính công	DTTS	HAN00942	20	57.50	56.25	72.50		HAN02509
628	Vũ Thị Thái	Hiền				11	7	1986	xã Yên Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Đại học thương mại	Kế toán		HAN00943		VT	VT	VT		HAN08118
629	Cao Ngọc	Hiệp	21	8	1990				Hưng yên	đại học công đoàn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN00947		42.50	31.25	65.00		HAN09073
630	Đoàn Đức	Hiệp	5	5	1989				Thôn Phú đa, xã phú Lộc, huyện hậu Lộc, Thanh Hoá	Đại học quốc gia hà nội	luật		HAN00949		37.50	36.25	52.50		HAN09009
631	Lục Vũ	Hiệp	20	1	1990				Cao Bằng	ĐH Giao thông vận tải	Kinh tế vận tải ô tô	DTTS	HAN00950	20	32.50	55.00	62.50		HAN01059
632	Phùng Thị	Hiệp				19	1	1989	Phú Sơn, Ba Vì, HN	ĐH kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán tài chính doanh nghiệp sản xuất		HAN00951		VT	VT	VT		HAN06135

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
633	Vũ Hoàng	Hiệp	31	8	1994				Kim Sơn Ninh Bình	Học viện tài chính	Ngân hàng		HAN00953		90.00	56.25	60.00		HAN05573
634	Bùi Trung	Hiếu	4	5	1986				Đô Lương, Đông Hưng, Thái Bình	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN00954		47.50	MT	52.50		HAN02087
635	Đình Mạnh	Hiếu	24	10	1990				Thanh Trì, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00956		60.00	85.00	67.50		HAN06613
636	Hoàng Huy	Hiếu	7	10	1990				Thôn 9, xã Thiệu Khánh, Thành phố Thanh Hóa,tỉnh Thanh Hóa	Đại học Vinh	Tài chính ngân hàng		HAN00958		92.50	73.75	80.00		HAN08051
637	Hoàng Mạnh	Hiếu	30	7	1987				Không ghi	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN00959		57.50	58.75	70.00		HAN04647
638	Nguyễn Trung	Hiếu	9	5	1992				Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	Đại học Tài chính Cát Lâm	Quản trị kinh doanh		HAN00963		32.50	MT	47.50		HAN02557
639	Trịnh Trung	Hiếu	30	4	1989				Mạn Lạn, Thanh Ba, Phú Thọ	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAN00966		35.00	47.50	60.00		HAN08614
640	Vũ Thị Thu	Hiếu				18	12	1982	Ý Yên, Nam Định	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế tài chính - Ngân hàng		HAN00967		VT	VT	VT		HAN04625
641	Vũ Trung	Hiếu	24	8	1993				Thôn Chanh Thôn, xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN00968		VT	VT	VT		HAN01513
642	Nguyễn Hữu	Hiệu	17	9	1990				An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		HAN00970		VT	VT	VT		HAN06515
643	Nguyễn Quang	Hình	28	5	1992				Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		HAN00971		VT	VT	VT		HAN04606
644	Bùi Thị Quỳnh	Hoa				26	6	1990	Xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế kế hoạch		HAN00972		75.00	62.50	65.00		HAN05546
645	Chu Thị Mai	Hoa				30	8	1990	Đô Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Kế toán		HAN00973		72.50	MT	57.50		HAN02117
646	Đặng Đào	Hoa				17	1	1993	Thị trấn Văn Đình Ứng Hòa Hà Nội	Đại học kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN00974		92.50	75.00	85.00		HAN07518
647	Đinh Thị Thu	Hoa				5	1	1994	Khánh Thượng, Ba Vì, HN	ĐH Luật HN	Luật	DTTS	HAN00975	20	VT	VT	VT		HAN01047
648	Đỗ Thị Mai	Hoa				4	4	1993	Ninh Giang, Hải Dương	ĐH Công Nghiệp Quảng Ninh	Kế Toán Tổng Hợp		HAN00976		45.00	67.50	90.00		HAN05050
649	Đoàn Ngọc	Hoa				25	8	1993	Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Thương Mại	Quản trị hệ thống thông tin		HAN00977		72.50	66.25	65.00		HAN00039
650	Đoàn Thị Kim	Hoa				15	1	1994	Trực Hưng, Trực Ninh, Nam Định	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN00978		75.00	68.75	62.50		HAN08031
651	Hồ Lê Thanh	Hoa				20	7	1988	Nam Anh , Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Kinh Tế quốc dân Hà Nội	Kế toán		HAN00980		62.50	36.25	70.00		HAN02588
652	Hoàng Lê	Hoa				26	5	1983	Đông Anh, Hà Nội	Đại học Nha Trang	Kế toán		HAN00981		VT	VT	VT		HAN04642
653	Hoàng Thị	Hoa				7	5	1984	Phú Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Thuế nhà nước	Con BB	HAN00983	20	70.00	43.75	75.00		HAN02104
654	Hoàng Thị Quỳnh	Hoa				22	9	1990	Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Lao động- Xã hội	Kế toán		HAN00984		VT	VT	VT		HAN07180
655	Kiều Thị	Hoa				16	1	1990	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	Đại học Công Đoàn	Kế toán		HAN00985		92.50	42.50	87.50		HAN08024
656	Lê Hằng	Hoa				2	10	1994	Thanh Hóa	Đại học Tài chính QTKD	Tài chính doanh nghiệp		HAN00986		65.00	61.25	80.00		HAN01079
657	Lê Thị	Hoa				20	12	1993	Đội 1, Đông Anh, Đông Sơn, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	HAN00989	20	85.00	50.00	87.50		HAN02169
658	Lê Thị	Hoa				24	7	1992	Thôn Tân Chính, Xã Đông Nam, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		HAN00988		95.00	57.50	75.00		HAN07005
659	Lê Thị	Hoa				20	11	1990	Khu 4 thôn Do Thượng, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, HN	ĐH công nghiệp HN	kế toán		HAN00987		75.00	57.50	75.00		HAN06142
660	Lê Thị Minh	Hoa				28	4	1983	Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00990		VT	VT	VT		HAN08094
661	Lê Thị Quỳnh	Hoa				1	6	1984	Lào cai	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00991		VT	VT	VT		HAN09032
662	Lương Quỳnh	Hoa				10	9	1984	Hưng Nguyên - Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kinh tế - tài chính- ngân hàng		HAN00992		87.50	67.50	77.50		HAN04513
663	Lưu Thị	Hoa				10	11	1993	Thanh Liêm, Hà Nam	Học viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN00993		80.00	53.75	95.00		HAN04522
664	Ma Thị	Hoa				16	12	1994	Xóm Nà Dọ, Xã Định Biên, huyện Định Hóa, Thái Nguyên	Đại học quốc gia HN	Luật học	DTTS	HAN00994	20	85.00	52.50	62.50		HAN02009

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
665	Nguyễn Ngọc	Hoa				8	4	1993	Tuyên Quang	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản lý Kinh tế		HAN00995		90.00	76.25	80.00		HAN06544
666	Nguyễn Phạm Việt	Hoa				11	2	1989	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN00996		VT	MT	VT		HAN02545
667	Nguyễn Thanh	Hoa				22	9	1994	xã Lạng Phong, thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, Ninh Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN00998		62.50	61.25	65.00		HAN06115
668	Nguyễn Thị	Hoa				13	10	1993	Thôn Đoàn Kết, xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Đại học công nghệ Việt Hung	Tài chính Ngân hàng		HAN01006		45.00	62.50	55.00		HAN04054
669	Nguyễn Thị	Hoa				1	12	1992	Xã Thanh Lương, Thanh Chương, Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế		HAN01003		80.00	42.50	95.00		HAN08528
670	Nguyễn Thị	Hoa				20	11	1992	Cẩm Chẽ, Thanh Hà, Hải Dương	Đại học Công Nghiệp	Kế toán		HAN01004		VT	VT	VT		HAN05028
671	Nguyễn Thị	Hoa				10	4	1992	Dương Hà- Gia Lâm- Hà Nội	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01005		42.50	28.75	32.50		HAN07179
672	Nguyễn Thị	Hoa				5	11	1991	Số nhà 8, ngõ 6 đường Đình, tổ 19, phường Phú Lương, Hà Đông, Hà nội	Đại học công nghệ Việt-Hung	Tài chính kế toán		HAN01002		VT	VT	VT		HAN09113
673	Nguyễn Thị	Hoa				10	6	1983	Thôn Thái Hoà-xã Bình Phú-huyện Thạch Thất- Hà nội	Đại học thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN01000		VT	VT	VT		HAN09041
674	Nguyễn Thị	Hoa				26	2	1981	Xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, Tỉnh Hà Tây	Đại Học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN00999		VT	VT	VT		HAN05110
675	Nguyễn Thị Cảnh	Hoa				1	5	1981	Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01007		42.50	38.75	70.00		HAN06598
676	Nguyễn Thị Diệu	Hoa				7	2	1993	phường Phú Lâm, quận Hà Đông, Hà Nội	Học viện ngân hàng	Quản trị doanh nghiệp		HAN01008		70.00	75.00	62.50		HAN00023
677	Nguyễn Thị Nam	Hoa				1	6	1986	Xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học thương mại	hạch toán kế toán		HAN01009		30.00	30.00	40.00		HAN00167
678	Nguyễn Thị Thanh	Hoa				2	9	1986	15 Nguyễn Tất Thành, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Học viện tài chính thuộc chính phủ Liên Bang Nga	kế toán phân tích và kiểm toán		HAN01010		VT	MT	VT		HAN01029
679	Nguyễn Thu	Hoa				6	9	1994	Đại Đồng, Văn Lâm, Hưng Yên	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01011		VT	VT	VT		HAN07165
680	Phạm thị	Hoa				6	11	1994	nam Định	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01014		VT	VT	VT		HAN09105
681	Phạm Thị	Hoa				11	7	1991	Thôn Đại Nại - Xã Ngô Quyền - Huyện Tiên Lữ - Tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh	Kế toán tổng hợp		HAN01012		77.50	32.50	77.50		HAN04564
682	Phạm Thị	Hoa				20	3	1991	Nghĩa Lợi, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học thành Tây	Kế Toán	Con TB	HAN01013	20	VT	VT	VT		HAN02016
683	Phan Thị Mai	Hoa				16	5	1992	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN01015		VT	VT	VT		HAN02180
684	Trần Thị	Hoa				16	4	1992	P. Hải Tân, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Học viện Tài chính	Kế toán Doanh nghiệp		HAN01019		47.50	27.50	67.50		HAN08034
685	Trần Thị	Hoa				12	4	1992	Thôn 4, Cẩm Thịnh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	ĐH Lao Động Xã Hội	Kế toán		HAN01020		82.50	42.50	70.00		HAN05040
686	Trần Thị Như	Hoa				11	12	1981	Đồng Hóa, Kim Bảng, Hà Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán	Con TB	HAN01022	20	VT	MT	VT		HAN02107
687	Trần Thị Phương	Hoa				5	12	1991	Xã Tân Hội, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01023		VT	VT	VT		HAN07088
688	Trần Trịnh Phương	Hoa				4	8	1994	Yên Quang, Ý Yên, Nam Định	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại		HAN01024		65.00	71.25	72.50		HAN04529
689	Vũ Thị	Hoa				29	6	1979	Thanh tri-hà nội	Đại học tài chính kế toán hà nội	Kế toán		HAN01026		VT	VT	VT		HAN09036
690	Vũ Thị Thanh	Hoa				29	6	1986	Mình Quang Ba Vì Hà Nội	Đại học Điện lực	Kế toán		HAN01027		22.50	26.25	32.50		HAN07593
691	Vũ Thị Thúy	Hoa				2	4	1993	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	ĐH Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN01028		80.00	47.50	60.00		HAN05067
692	Hoàng Nghĩa	Hòa	1	2	1990				Hung Lĩnh, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01030		80.00	63.75	77.50		HAN04520
693	Hoàng Thu	Hòa				28	11	1994	Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng	Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế		HAN01031		77.50	65.00	57.50		HAN08076
694	Kiều Thị Thái	Hòa				20	9	1990	Thôn Nam An, Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	Đại học Ngoại Thương	Tài chính quốc tế		HAN01033		VT	VT	VT		HAN05031
695	Lê Thị	Hòa				19	2	1994	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Thuế		HAN01036		65.00	40.00	47.50		HAN05093

nghe

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
696	Lê Thị	Hòa				9	1	1991	Xã Định Liên, huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN01035		42.50	28.75	42.50		HAN07143
697	Lê Thị	Hòa				8	5	1979	Quảng Trung - Quảng Xương - Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01034		40.00	33.75	40.00		HAN04684
698	Lê Thị Thúy	Hòa				26	11	1974	Cảnh Hưng, Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng		HAN01037		VT	VT	VT		HAN01072
699	Ngô Văn	Hòa	2	9	1994				Đa Mai, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN01038		35.00	27.50	60.00		HAN00045
700	Nguyễn Ngọc	Hòa				2	2	1995	Đồng Phương, Đông Hưng, Thái Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN01039		72.50	56.25	60.00		HAN01703
701	Nguyễn Thị	Hòa				10	11	1993	Tân Phú, Quốc Oai, Hà Nội	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN01041		87.50	65.00	72.50		HAN07037
702	Nguyễn Thị	Hòa				12	1	1991	Thôn Cổ Thượng- Xã Phương Đình- Huyện Đan Phượng- TP Hà Nội	Đại học Hà Nội	Kế toán- Tiếng anh		HAN01040		77.50	MT	85.00		HAN07009
703	Nguyễn Thị Ngọc	Hòa				27	8	1984	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh		HAN01043		VT	VT	VT		HAN06576
704	Nguyễn Thị Thu	Hòa				3	10	1992	Khu Tân Trung, TT Lâm Thao, H. Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ	Học Viện Tài Chính	Thuế		HAN01044		60.00	40.00	75.00		HAN05094
705	Phạm Xuân	Hòa	18	12	1978				Ứng Hòa- Hà Nội	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01046		45.00	23.75	37.50		HAN04508
706	Vũ Ngọc	Hòa	17	9	1992				Tam Đa, Sơn Dương, Tuyên Quang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		HAN01048		VT	VT	VT		HAN04064
707	Vũ Thị Thanh	Hòa				12	5	1988	Thái Bình	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01049		47.50	55.00	65.00		HAN08032
708	Bùi thị thu	Hoài				26	11	1993	Đồng Anh, Hà Nội	Đại học tài chính quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HAN01050		67.50	66.25	65.00		HAN09119
709	Nguyễn Thị Thu	Hoài				23	10	1993	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kinh Tế Quốc Tế		HAN01054		90.00	70.00	75.00		HAN05075
710	Nông Thị	Hoài				16	9	1993	Hào Nghĩa, Na Rì, Bắc Cạn	Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HAN01058	20	52.50	61.25	80.00		HAN02527
711	Phạm Thị Thu	Hoài				16	6	1988	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	ĐH Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HAN01059		77.50	92.50	87.50		HAN05058
712	Trần Thị	Hoài				3	6	1993	Vũ Tây - Kiến Xương - Thái Bình	học viện hậu cần	Kế toán	Con LS	HAN01062	20	40.00	21.25	55.00		HAN01019
713	Trần Thị	Hoài				21	10	1989	Xã Thiện Kế, Sơn Dương, Tuyên Quang	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01061		50.00	22.50	45.00		HAN07155
714	Vũ Thị	Hoài				16	4	1994	Thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01063		50.00	62.50	67.50		HAN00157
715	Chu Thị	Hoàn				8	10	1986	Tiền Hải, Thái Bình	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kinh tế nông nghiệp		HAN01065		82.50	27.50	62.50		HAN07036
716	Nguyễn Kim	Hoàn				1	8	1990	Hiển Thành, Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAN01067		VT	VT	VT		HAN05516
717	Trịnh Thị	Hoàn				9	10	1993	Sóc Sơn, Hà Nội	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		HAN01069		75.00	37.50	57.50		HAN06578
718	Lê Huy	Hoàng	17	7	1991				Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định	Đại học Thương Mại	Tài chính ngân hàng thương mại		HAN01071		65.00	50.00	72.50		HAN04022
719	Lê Mạnh	Hoàng	22	11	1993				Đồng Hoàng, Đông Hưng, Thái Bình	ĐH Kinh Doanh Và Công Nghệ	Tài chính		HAN01072		65.00	41.25	67.50		HAN05038
720	Nguyễn Anh	Hoàng	4	9	1990				Thái Bình	học viện tài chính	Ngân hàng		HAN01073		92.50	60.00	75.00		HAN09076
721	Nguyễn Đức	Hoàng	15	4	1985				Hưng Yên	Đại học luật	Luật kinh tế		HAN01074		62.50	21.25	VT		HAN05584
722	Nguyễn Minh	Hoàng	30	7	1993				Thôn Đồng Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01077		65.00	76.25	77.50		HAN00063
723	Nguyễn Tiến	Hoàng	7	9	1992				Thị trấn Thanh Nê huyện Kiến Xương Thái Bình	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01080		VT	VT	VT		HAN07589
724	Phạm Vũ	Hoàng	15	10	1994				Xuân Lôi, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Học viện Tài chính	Quản trị doanh nghiệp		HAN01082		50.00	48.75	82.50		HAN00180
725	Trịnh Xuân	Hoàng	13	2	1993				Hiệp Cát Nam Sách Hải Dương	Đại học Điện lực Hà Nội	Tài chính Ngân hàng		HAN01084		47.50	35.00	65.00		HAN07503
726	Hoàng Thị	Hoạt				12	8	1987	Hồng Quang, Thanh Miện , Hải Dương	Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư	Con TB	HAN01086	20	VT	VT	VT		HAN02614
727	Lê Thị	Học				12	5	1982	Thị trấn Quế, Kim Bảng, Hà Nam	Học viện Ngân Hàng	Tài chính ngân hàng		HAN01087		VT	MT	VT		HAN02616

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
728	Chu Thị	Hồng				30	10	1991	Thanh Hoá	đại học kinh tế quốc dân	kế toán tổng hợp		HAN01088		70.00	56.25	67.50		HAN09072
729	Đào Thị	Hồng				11	4	1990	Hà Mỗ, Đan Phượng, Hà Tây	ĐH Công Nghiệp Hà Nội	Kế Toán		HAN01089		72.50	58.75	55.00		HAN05129
730	Đỗ Thị	Hồng				5	1	1989	Đồng Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	Học viện tài chính	Hải quan		HAN01090		65.00	66.25	77.50		HAN00087
731	Đỗ Thị Thúy	Hồng				26	11	1992	thôn Tảo Khê, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01092		90.00	65.00	92.50		HAN08096
732	Hân Thị Thủy	Hồng				30	9	1990	Lam Sơn, Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại		HAN01095		77.50	71.25	67.50		HAN07124
733	Hoàng Thị	Hồng				1	6	1988	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN01096		VT	VT	VT		HAN05558
734	Lê Thị Minh	Hồng				5	10	1981	xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Viện đại học Mở Hà Nội	Kế toán		HAN01098		52.50	32.50	75.00		HAN04070
735	Nguyễn Mạnh	Hồng	23	4	1988				Hà Nam	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán Tổng Hợp		HAN01102		37.50	62.50	72.50		HAN05079
736	Nguyễn Thị	Hồng				24	4	1993	Thanh Hoá	đại học kinh tế quốc dân	kế toán tổng hợp		HAN01107		VT	VT	VT		HAN09069
737	Nguyễn Thị	Hồng				21	7	1992	Đội 11, thôn Thuận Tốn, xã Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp		HAN01106		65.00	50.00	72.50		HAN04636
738	Nguyễn Thị	Hồng				4	8	1991	Thôn Tùng Thiện, xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Con TB	HAN01105	20	80.00	MT	82.50		HAN02546
739	Nguyễn Thị	Hồng				13	6	1989	Xóm Bãi - Hòa Xá - Ứng Hòa - Hà Nội	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		HAN01104		VT	VT	VT		HAN04594
740	Nguyễn Thị	Hồng				2	9	1988	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Ngoại Thương	Kế toán		HAN01103		87.50	66.25	70.00		HAN04136
741	Nguyễn Thị Minh	Hồng				26	1	1991	Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HAN01108		VT	VT	VT		HAN09055
742	Nguyễn Thị Thu	Hồng				3	9	1993	Thị trấn Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01110		77.50	80.00	80.00		HAN08551
743	Nguyễn Thu	Hồng				30	10	1987	Xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kinh tế tài chính ngân hàng		HAN01111		VT	VT	VT		HAN08084
744	Nguyễn Xuân	Hồng	23	11	1993				Nhân Thịnh, Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng		HAN01112		65.00	62.50	77.50		HAN04085
745	Trịnh Thị	Hồng				20	5	1991	Yên Định, Thanh Hóa	Đại học Thương Mại	kế toán doanh nghiệp thương mại		HAN01115		VT	VT	VT		HAN06602
746	Nguyễn Thị	Hợp				19	12	1989	Xã Thanh Hưng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HAN01118	20	77.50	41.25	85.00		HAN02535
747	Nguyễn Thị	Hợp				22	12	1976	Phủ Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Viện đại học mở	Kế toán		HAN01117		VT	VT	VT		HAN08044
748	Nguyễn Tiến	Huân	21	8	1989				Phượng Linh-Thanh Ba-Phủ Thọ	Đại học kinh doanh và công nghệ	Kế toán		HAN01119		32.50	32.50	60.00		HAN09111
749	Nguyễn Tiến	Huân	12	1	1993				Thôn Thị Nguyên, Xã Cao Dương, Huyện Thanh Oai, Hà Nội	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01120		VT	VT	VT		HAN04542
750	Nguyễn Văn	Huân	30	11	1993				Xóm 7, xã Hoàng Thắng, Huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		HAN01121		75.00	40.00	57.50		HAN00155
751	Bùi Thị	Huế				5	8	1994	Thái Bình	ĐH công nghiệp HN	Tài chính ngân hàng		HAN01125		42.50	42.50	35.00		HAN06050
752	Bùi Thị	Huế				26	6	1993	Xóm 9, Xã Khánh Thủy, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	ĐH Thủy Lợi	Kế toán		HAN01124		100.00	43.75	87.50		HAN05062
753	Lưu Thị	Huế				9	4	1988	Cát Thành Trực Ninh Nam Định	Đại học Thương mại	Kế Toán Tài chính doanh nghiệp THương Mại		HAN01127		52.50	48.75	40.00		HAN07526
754	Nguyễn Thị	Huế				14	10	1992	Thôn Bái Hạ, Xã Tòan Thắng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Ngân hàng		HAN01130		57.50	48.75	87.50		HAN05131
755	Nguyễn Thị	Huế				29	7	1987	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	Viện ĐH Mở	Luật kinh tế		HAN01129		VT	VT	VT		HAN06070
756	Nguyễn Thị Hồng	Huế				3	7	1989	Thôn Dân Dục, xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, Hà Nam	Học viện tài chính	Hải quan		HAN01131		70.00	48.75	82.50		HAN00006
757	Nguyễn Thị Thu	Huế				22	8	1983	Tạ Xá, Tương Giang, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đh Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01133		VT	VT	MT		HAN02205

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
758	Phan Thị	Huế				4	8	1992	Phong Triều Nam Triều Phú Xuyên Hà Nội	Học viện tài chính	Thuế		HAN01134		57.50	43.75	60.00		HAN07529
759	Trần Như	Huế				26	10	1990	Nam Hưng, Tiên Hải, Thái Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01135		VT	VT	VT		HAN08550
760	Vũ Thị Hồng	Huế				19	3	1990	Thị trấn Thịnh Long, Hải Hậu, Nam Định	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán	Con BB	HAN01137	20	42.50	46.25	45.00		HAN02163
761	Danh Thị	Huệ				1	5	1993	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Tây	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HAN01138		VT	VT	VT		HAN05051
762	Đỗ Mai	Huệ				25	2	1988	Đồng Quý, Tiên Hải, Thái Bình	Đại học Lao động xã hội	Kế toán		HAN01139		57.50	32.50	47.50		HAN04139
763	Lê Thị	Huệ				12	10	1993	Quan nội 1, xã Hoàng Anh, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		HAN01143		90.00	56.25	85.00		HAN08582
764	Lý Thị Hương	Huệ				6	6	1980	Thôn Lê Xá, Châu Sơn, Duy Tiên, Hà Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	HAN01144	20	VT	VT	VT		HAN02129
765	Nguyễn Như	Huệ				18	12	1989	Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng		HAN01146		62.50	36.25	47.50		HAN06606
766	Nguyễn Thị	Huệ				6	9	1993	Văn Sa, Tân Hồng, Ba Vì, HN	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01152		70.00	52.50	70.00		HAN00142
767	Nguyễn Thị	Huệ				4	4	1985	Minh Tân, Đông Hưng, Thái Bình	Đại học Bách khoa HN	Quản trị doanh nghiệp		HAN01148		82.50	46.25	60.00		HAN00141
768	Nguyễn Thị Minh	Huệ				11	10	1990	xã Cốc Thành, Vụ Bản, Nam Định	Đại học Thương mại	tài chính ngân hàng		HAN01153		VT	MT	VT		HAN02567
769	Nông Thị	Huệ				22	7	1987	xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Đại học Điện Lực	Kế toán	DTTS	HAN01154	20	52.50	36.25	50.00		HAN04605
770	Phạm Thị	Huệ				16	3	1993	xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN01155		VT	VT	VT		HAN04074
771	Phan Thị Kim	Huệ				15	11	1990	Xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy, Nam Định	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN01156		55.00	65.00	77.50		HAN01075
772	Phan Thị Minh	Huệ				29	9	1990	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	Học Viện Báo Chí Và Tuyên Truyền	Quản lý Kinh Tế		HAN01157		VT	VT	VT		HAN05064
773	Trần Thị	Huệ				5	9	1992	xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện tài chính	quản lý tài chính công		HAN01159		77.50	60.00	67.50		HAN06065
774	Hoàng Quốc	Hùng	4	6	1978				Thanh Giang Thanh Chương Nghệ An	Đại học Thương mại	Kế Toán Tài chính doanh nghiệp THương Mại		HAN01162		60.00	48.75	82.50		HAN07525
775	Lương Đình	Hùng	16	5	1994				Số nhà 22, ngõ 488/21, tổ dân phố Hoàng 11, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	ĐH Ngoại Thương	Ngân hàng		HAN01164		VT	VT	VT		HAN08019
776	Lưu Đình	Hùng	22	5	1992				Thạch Đình, Thạch Thành, Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Kiểm Toán	DTTS	HAN01165	20	52.50	36.25	52.50		HAN05090
777	Nguyễn Mạnh	Hùng	17	9	1983				Tĩnh Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Kế Toán		HAN01167		VT	VT	VT		HAN05104
778	Nguyễn Phi	Hùng	13	9	1993				Thạch Long, Thạch Hà, Hà Tĩnh	ĐH Điện lực	Tài chính ngân hàng		HAN01168		67.50	45.00	72.50		HAN08064
779	Nguyễn Quốc	Hùng	21	1	1994				Hợp Hưng, Lự Bản, Nam Định	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01169		VT	VT	VT		HAN08131
780	Nguyễn Văn	Hùng	21	3	1994				xóm Trong, Yên Trị, Ý Yên, Nam Định	Học viện tài chính	thuế		HAN01170		87.50	53.75	80.00		HAN06035
781	Phạm	Hùng	24	6	1984				Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ AN	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01171		VT	VT	VT		HAN09120
782	Phạm Quốc	Hùng	10	1	1992				Đồng Hưng, Thái Bình	Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		HAN01172		82.50	47.50	67.50		HAN04117
783	Trần Việt	Hùng	6	6	1994				Xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Học viện Tài chính	phân tích chính sách tài chính		HAN01175		72.50	61.25	85.00		HAN00160
784	Đặng Việt	Hưng	13	11	1991				xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN01178		70.00	61.25	50.00		HAN08557
785	Lê văn	Hưng				6	10	1989	Gia lâm-hà nội	học viện ngân hàng	kế toán doanh nghiệp		HAN01180		VT	VT	VT		HAN09049
786	mai văn	Hưng	7	8	1987				Thanh Hoá	Đại học ngoại thương	kinh tế đối ngoại		HAN01183		52.50	57.50	57.50		HAN09053
787	Nguyễn Nam	Hưng	29	6	1992				Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH Thương mại	Luật thương mại		HAN01186		72.50	68.75	72.50		HAN08073
788	Nguyễn Việt	Hưng				17	5	1993	Quan Lạn, Văn Đồn, Quảng Ninh	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01188		50.00	77.50	82.50		HAN02620
789	Nguyễn Việt	Hưng	2	8	1992				Lạng Sơn Anh Sơn Nghệ An	Đại học Thành Đô	Tài chính ngân hàng		HAN01187		40.00	30.00	32.50		HAN07524
790	Phạm	Hưng	5	10	1993				Thụy Sơn, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		HAN01189		55.00	76.25	82.50		HAN04061
791	Phạm Mạnh	Hưng	27	5	1990				Trường Thịnh - Ứng Hòa - HN	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01190		52.50	63.75	87.50		HAN06104

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
792	Tô Thái	Hưng	15	10	1992				Thanh Hoá	đại học kinh doanh công nghệ	kế toán và thanh toán ngân hàng thương mại		HAN01193		50.00	33.75	65.00		HAN09082
793	Trần Duy	Hưng	31	10	1994				Xã Yên Luật, huyện Hạ Hòa, Phú Thọ	ĐH Ngoại Thương	Kinh Tế Đối Ngoại		HAN01194		VT	VT	VT		HAN05047
794	Trịnh Ngọc	Hưng	8	7	1989				Phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, TP Hải Phòng	ĐH Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01196		67.50	36.25	67.50		HAN08072
795	Vũ Quốc	Hưng	10	12	1993				Xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Đại học Thành Đô	Tài chính ngân hàng		HAN01197		35.00	68.75	70.00		HAN07096
796	Bùi Thanh	Hương				29	6	1993	Thôn Tiền Viên Nội Ứng Hòa Hà Nội	Đại học lâm nghiệp Việt Nam	QUản trị kinh doanh		HAN01198		52.50	37.50	77.50		HAN07550
797	Bùi Thị Mai	Hương				5	4	1991	xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	ĐH Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN01200		62.50	51.25	77.50		HAN08065
798	Bùi Thị Thảo	Hương				24	8	1992	Xã Trùng Khánh - Huyện Gia Lộc - Tỉnh Hải Dương	Đại học Thương Mại	Kinh tế Thương mại		HAN01201		92.50	41.25	82.50		HAN04578
799	Cao Thị Thu	Hương				28	10	1990	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học công đoàn	Kế toán		HAN01202		75.00	58.75	77.50		HAN07122
800	Chu Thị Thu	Hương				16	2	1991	Diễn Đông, Diễn Châu, Nghệ An	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HAN01205		45.00	41.25	28.5	Cấp 3	HAN05588
801	Đinh Thị Lan	Hương				8	3	1990	Xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh		HAN01209		67.50	45.00	67.50		HAN00149
802	Đinh Thị Lan	Hương				7	3	1986	Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Học viện tài chính	Kinh doanh chứng khoán		HAN01208		80.00	56.25	67.50		HAN00021
803	Đinh Thu	Hương				16	11	1987	Thái Hưng, Thái Thụy, Thái Bình	Học viện ngân hàng	Tài chính ngân hàng		HAN01210		77.50	66.25	82.50		HAN07095
804	Đỗ Thị	Hương				10	12	1989	Hoàng Đồng Hoàng Hóa Thanh Hóa	Học viện tài chính	Thuế		HAN01211		80.00	60.00	57.50		HAN07610
805	Đỗ Thị Thanh	Hương				2	8	1982	Hưng Yên	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01212		82.50	87.50	92.50		HAN05517
806	Đoàn Thị Mai	Hương				1	1	1988	Khánh An, Yên Khánh, Ninh Bình	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HAN01214		72.50	40.00	62.50		HAN04059
807	Dương Thị Thu	Hương				30	3	1992	xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01216		85.00	61.25	77.50		HAN08097
808	Hoàng Thị Thu	Hương				23	7	1993	Thanh Hóa	Đại Học Ngoại Thương	Ngân hàng và tài chính quốc tế		HAN01218		55.00	MT	80.00		HAN02623
809	Hoàng Thị Thúy	Hương				11	2	1977	Ý Yên - Nam Hà	Đại học Thành Đô	Kế toán		HAN01219		47.50	MT	52.50		HAN02020
810	Lã Hoài	Hương				14	7	1993	số nhà 60, phố Me, Thị trấn Me, huyện Gia Viễn, Ninh Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN01220		60.00	MT	72.50		HAN00057
811	lê Diễm	Hương				20	12	1990	Nam Định	đại học thăng long	Tài chính		HAN01222		VT	VT	VT		HAN09092
812	Lê Quỳnh	Hương				4	11	1994	Quảng Ninh	Đại học tổng hợp Sunderland (anh)	Quản trị kinh doanh		HAN01223		65.00	MT	50.00		HAN00175
813	Lê Sông	Hương				31	8	1982	THanh Hóa	Đại Học Thương Mại	Maketing thương mại		HAN01224		60.00	88.75	72.50		HAN00014
814	Lê Thảo	Hương				18	10	1993	Thôn Văn Quang - xã Nghĩa Hương Huyện Quốc Oai - TP Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01225		57.50	60.00	60.00		HAN04682
815	Lê Thị	Hương				12	7	1993	Hợp Tiến Mỹ Đức Hà Nội	Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp		HAN01227		82.50	30.00	57.50		HAN08563
816	Lê Thị Lan	Hương				27	2	1994	bắc Ninh	Đại học Chu văn an	kế toán		HAN01228		90.00	63.75	60.00		HAN05582
817	Lê Thị Thu	Hương				11	7	1992	Xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, thành phố Thanh Hóa	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01231		55.00	51.25	72.50		HAN04634
818	Lê Thị Thu	Hương				15	12	1990	Xã Quảng Tân, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh bất động sản		HAN01230		VT	VT	VT		HAN04574
819	Lê Thị Thu	Hương				11	10	1987	Văn Lâm, Hưng Yên	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN01229		VT	VT	MT		HAN02191
820	Lê Thu	Hương				1	4	1985	Hà Nội	Học viện Hành chính Quốc Gia	Tài chính - Ngân hàng		HAN01232		52.50	47.50	65.00		HAN04641
821	Lương Thị	Hương				5	1	1994	Thôn Đông Cạn, Xã Tân Tiến, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương	ĐH kinh tế quốc dân	kinh tế		HAN01233		VT	VT	VT		HAN01036
822	Lương Thị Thu	Hương				11	11	1981	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, Ninh Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	HAN01234	20	92.50	71.25	82.50		HAN00083

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
823	Lưu Thanh	Hương				6	8	1988	Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định	Học viện Tài Chính	Kế toán		HAN01235		72.50	56.25	47.50		HAN08507
824	Lưu Thị Mai	Hương				15	11	1988	Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	tài chính quốc tế		HAN01236		97.50	MT	87.50		HAN02551
825	Nghiêm Thị Bảo	Hương				29	11	1990	Đồng Đa, Hà Nội	Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01238		75.00	47.50	60.00		HAN07107
826	Ngô Mai	Hương				2	10	1994	Xã Hoàng Giang, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kiểm Toán		HAN01239		52.50	71.25	67.50		HAN05049
827	Ngô Thanh	Hương				5	10	1991	Văn Lâm, Hưng Yên	ĐH kinh doanh và công nghệ HN	Kế Toán		HAN01240		40.00	53.75	35.00		HAN05120
828	Ngô Thị Lan	Hương				15	9	1993	Đội 5, Thôn 3, Xã Hoàng Sơn, Huyện Kinh môn, Tỉnh Hải Dương	ĐH Công Nghiệp Hà Nội	Kế Toán		HAN01243		50.00	31.25	52.50		HAN05089
829	Ngô Thị Lan	Hương				24	5	1993	Việt Hùng, Đông Anh, HN	Học viện tài chính	kế toán doanh nghiệp		HAN01242		60.00	61.25	80.00		HAN06075
830	Ngô Thị Lan	Hương				23	4	1987	Hải Hậu, Nam Định	Đại học Nha Trang	Kế toán		HAN01241		47.50	35.00	45.00		HAN06530
831	Nguyễn Diệu Linh	Hương				23	9	1994	Bắc Ninh	Học viện tài chính Nam Toulon Var	Ngân hàng bảo hiểm		HAN01244		VT	VT	VT		HAN02171
832	Nguyễn Lan	Hương				26	7	1994	Yên Quang, Huyện Ý Yên, Nam Định	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01246		VT	VT	VT		HAN07139
833	Nguyễn Lan	Hương				20	12	1983	Vụ bản, Nam Định	ĐH Đông Đô	Tài chính Ngân hàng		HAN01245		57.50	61.25	85.00		HAN05041
834	Nguyễn Loan	Hương				14	5	1984	Tây Hồ, Hà Nội	Đại học Tây Bắc	Kế toán		HAN01247		57.50	70.00	80.00		HAN06570
835	Nguyễn Mai	Hương				23	4	1994	Mê Linh, Hà Nội	University of Hertfordshire	quản trị kinh doanh		HAN01248		65.00	MT	65.00		HAN00003
836	Nguyễn Thị	Hương				21	1	1995	xuân Lâm, Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH thương mại	Kinh tế thương mại		HAN01258		87.50	61.25	90.00		HAN00066
837	Nguyễn Thị	Hương				7	3	1994	Vinh Yên Vinh Lộc Thanh Hóa	Đại học Vinh	Luật		HAN01257		VT	VT	VT		HAN08540
838	Nguyễn Thị	Hương				4	2	1992	Thôn Trần Tây, xã Vũ Chính, TP Thái Bình	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01256		VT	VT	VT		HAN08629
839	Nguyễn Thị	Hương				28	2	1991	Cẩm Phú Cẩm Phả Quảng Ninh	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01253		VT	VT	VT		HAN07617
840	Nguyễn Thị	Hương				17	5	1990	Phủ Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Công Nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01252		VT	VT	VT		HAN04623
841	Nguyễn Thị	Hương				18	8	1988	Hưng Yên	Học viện tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN01251		65.00	58.75	65.00		HAN09100
842	Nguyễn Thị	Hương				10	5	1986	Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Hà Nội	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01250		40.00	33.75	72.50		HAN05070
843	Nguyễn Thị	Hương				23	6	1973	Phủ Châu, Ba Vì, Hà Nội	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01249		VT	VT	VT		HAN02136
844	Nguyễn Thị Mai	Hương				11	4	1991	Thôn 2, Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Điện lực	Quản trị kinh doanh		HAN01264		65.00	28.75	65.00		HAN05529
845	Nguyễn Thị Mai	Hương				15	1	1988	Hòa Bình	ĐH Dân lập Phương Đông	Kế toán		HAN01263		VT	VT	VT		HAN05034
846	Nguyễn Thị Minh	Hương				26	10	1991	Bắc từ Liêm, Hà Nội	Đại học Kinh doanh công nghệ	kế toán		HAN01260		67.50	45.00	70.00		HAN09054
847	Nguyễn Thị Thảo	Hương				21	11	1988	Hải Dương	Trường đại học dân lập Hải Phòng	Quản trị doanh nghiệp		HAN01267		VT	VT	VT		HAN01076
848	Nguyễn Thị Thu	Hương				17	5	1994	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN01273		VT	VT	VT		HAN05552
849	Nguyễn Thị Thu	Hương				30	11	1991	xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01272		92.50	70.00	85.00		HAN04644
850	Nguyễn Thị Thu	Hương				18	1	1991	Hương Ngải, Thạch Thất, HN	Học viện ngân hàng	ngân hàng thương mại		HAN01271		VT	VT	VT		HAN06043
851	Nguyễn Thị Thu	Hương				29	12	1987	Đình Cả, Nội Duệ, Tiên Du, Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01270		62.50	32.50	45.00		HAN08109
852	Nguyễn Thị Thu	Hương				16	11	1987	Lương Bằng, Kim Động, Hưng Yên	Học viện ngân hàng	Tài chính ngân hàng		HAN01269		32.50	35.00	MT		HAN02076
853	Nguyễn Thị Thùy	Hương				10	8	1992	Thanh Vân, Tam Dương, Vĩnh Phúc	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN01274		65.00	35.00	45.00		HAN05116

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
854	Nguyễn Thu	Hương				8	11	1994	Hưng Thịnh, Hoàng Nam, Nghĩa Hưng, Nam Định	Đại học Điện lực	Tài chính ngân hàng		HAN01277		65.00	43.75	62.50		HAN08012
855	Nguyễn Thu	Hương				14	8	1991	Gia Bình, Bắc Ninh	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN01276		VT	VT	VT		HAN06649
856	Nguyễn Thùy	Hương				24	12	1982	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính dn thương mại		HAN01278		77.50	MT	67.50		HAN02086
857	Nguyễn Viết Thị	Hương				9	4	1984	Sơn Đồng Hoài Đức Hà Nội	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01279		VT	VT	VT		HAN07604
858	Phạm Thị Lan	Hương				30	10	1986	Đồng Hưng, Thái Bình	Học viện Tài chính	Kinh tế tài chính - ngân hàng		HAN01281		85.00	65.00	72.50		HAN04114
859	Phùng Thị Mai	Hương				8	10	1994	Xã Phú Phương, huyện Ba Vì, Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01283		80.00	56.25	67.50		HAN04510
860	Trần Thị Lan	Hương				24	8	1990	xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01288		97.50	72.50	67.50		HAN04037
861	Trần thị Thu	Hương				8	8	1991	Ứng Hoà-Hà nội	đại học kinh tế quốc dân	kế toán tổng hợp		HAN01291		37.50	30.00	42.50		HAN09080
862	Trần Thị Thu	Hương				4	6	1988	Cẩm Huy, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Công đoàn	Tài chính - Ngân hàng		HAN01290		VT	VT	VT		HAN04618
863	Trần Thị Thu	Hương				22	9	1982	Phượng Đình , Phượng Mạc , Đan Phượng , Hà Nội	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Kế toán	Con BB	HAN01289	20	60.00	77.50	42.50		HAN02621
864	Trần Thu	Hương				28	8	1983	Hn	ĐH ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01292		VT	VT	VT		HAN09124
865	Trương Thị	Hương				25	5	1994	Xã Yên Lâm , huyện Yên Định , tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Kế toán Doanh Nghiệp	DTTS	HAN01293	20	87.50	40.00	77.50		HAN02594
866	Võ Thu	Hương				7	6	1987	Quảng Ngãi	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Quản trị kinh doanh		HAN01294		60.00	41.25	85.00		HAN02141
867	Vũ Thị	Hương				4	7	1991	Nghĩa Hưng, Nam Định	Học viện Ngân hàng	Quản trị doanh nghiệp		HAN01297		65.00	52.50	62.50		HAN07554
868	Vũ Thu	Hương				18	8	1994	Khởi Nghĩa, Tiên lãg, Hải Phòng	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Quản trị Kinh Doanh		HAN01299		67.50	50.00	35.00		HAN05053
869	Vương Thu	Hương				15	12	1991	phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Đại học Quốc gia	Kế toán phân tích và kiểm toán		HAN01300		55.00	MT	45.00		HAN02547
870	Lê A	Hướng				3	11	1983	Xã Lăng Sơn, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang	ĐH Nông Nghiệp Hà Nội	Kinh Tế Nông nghiệp		HAN01302		75.00	53.75	87.50		HAN05083
871	Bùi Thị Thu	Hường				11	11	1991	xã Văn Phong, huyện Cát Hải, Hải Phòng.	ĐH kinh doanh và công nghệ HN	tài chính		HAN01304		VT	VT	VT		HAN06139
872	Đinh Thị Ngát	Hường				5	9	1993	Bắc Ninh	Đại học công đoàn	Quản trị kinh doanh		HAN01306		VT	VT	VT		HAN07627
873	Đỗ Thị	Hường				26	3	1990	Thịnh Lộc, Hậu Lộc, Thanh hóa	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01307		67.50	48.75	47.50		HAN07158
874	Đoàn Thị Thu	Hường				6	2	1988	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	ĐH Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01308		VT	VT	VT		HAN08085
875	Lương Thị	Hường				5	1	1994	Xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, Hải Dương	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01310		82.50	75.00	72.50		HAN06652
876	Mai Thu	Hường				21	10	1984	Nga Sơn, Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương Hà Nội	Kinh tế ngoại thương		HAN01311		VT	VT	VT		HAN08123
877	Nguyễn Thị	Hường				3	8	1994	Việt Hồng- Trần yên- Yên Bái	Học Viện Tài Chính	Hải Quan		HAN01315		VT	VT	VT		HAN05059
878	Nguyễn Thị	Hường				30	1	1994	Chi Đông, Mê Linh, Hà Nội	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01314		82.50	75.00	87.50		HAN07150
879	Nguyễn Thị Thúy	Hường				2	2	1992	Xã Văn Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Ngân hàng		HAN01319		52.50	32.50	62.50		HAN07152
880	Nguyễn Thu	Hường				8	12	1993	Vinh Thanh, Vinh Ngọc, Đông Anh, Hà nội	ĐH Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01322		57.50	45.00	67.50		HAN08077
881	Nguyễn Thu	Hường				10	7	1993	Xã Yên Thái, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01321		87.50	47.50	87.50		HAN07042
882	Nhâm Thị Thu	Hường				14	8	1992	Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01323		VT	VT	VT		HAN08026
883	Phạm Thị	Hường				27	4	1994	Thái Thụy, Thái Bình	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01324		VT	VT	VT		HAN06642
884	Phạm Thị Minh	Hường				8	9	1981	Hải Dương	Đại học thương mại	Kế toán		HAN01325		42.50	41.25	40.00		HAN07581
885	Trần Thị	Hường				1	6	1988	An Bình - Thuận Thành - Bắc Ninh	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		HAN01328		VT	VT	VT		HAN04598

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
886	Vũ Thị	Hường				26	10	1982	Xã Minh Tân huyện Thủy Nguyên Hải Phòng	Đại học Hàng Hải	Quản trị kinh doanh		HAN01329		VT	VT	VT		HAN07546
887	Vũ Thu	Hường				27	8	1994	P Ninh Khánh, TP Ninh Bình, Ninh Bình	Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01331		77.50	77.50	72.50		HAN00154
888	Nguyễn Đức	Huy	8	10	1981				Hà nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		HAN01334		82.50	73.75	62.50		HAN00048
889	Nguyễn Lê	Huy	28	9	1994				Xã Văn Giang, huyện Ninh Giang, Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán		HAN01335		45.00	63.75	92.50		HAN05060
890	Nguyễn Quang	Huy	27	9	1988				Huyện Phú Xuyên Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01336		VT	VT	VT		HAN07596
891	Nguyễn Thanh	Huy	1	3	1986				Thanh Sơn, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01339		VT	VT	VT		HAN08596
892	Nguyễn Văn	Huy	8	3	1990				Bắc Giang	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01340		37.50	15.00	32.50		HAN07603
893	Phạm Quang	Huy				19	3	1983	Hà Nội	Đại học Leeds Metropolitan	Tài chính và Thương mại Quốc Tế		HAN01341		0.00	MT	0.00		HAN02592
894	Phạm Văn	Huy	16	10	1987				Bình Lục, Hà nam	Đại học Mở địa chất Hà Nội	Quản lý kinh tế		HAN01342		VT	VT	VT		HAN00113
895	Trần Quang	Huy	22	2	1993				thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, HN	ĐH Ngoại Thương	kinh tế đối ngoại		HAN01343		47.50	87.50	52.50		HAN06146
896	Trịnh An	Huy	17	10	1982				Hiệp Lực, Ninh Giang, Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	Con TB	HAN01344	20	35.00	38.75	42.50		HAN02153
897	Trương Quốc	Huy	17	12	1990				Bắc Giang	Đại học Thương Mại	Quản trị Kinh doanh		HAN01345		27.50	48.75	50.00		HAN06612
898	Thái Thị Thu	Huyền				12	8	1992	Đức Hòa, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật - Công nghiệp	Kế toán		HAN01347		72.50	25.00	52.50		HAN04047
899	An Ngọc	Huyền				31	10	1994	Lương Bằng, Kim Động, Hưng Yên	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Ngân hàng và tài chính quốc tế		HAN01348		95.00	63.75	80.00		HAN06561
900	Bùi Thị Thu	Huyền				4	10	1985	Phượng Trĩ, thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01350		VT	VT	VT		HAN08088
901	Bùi Thu	Huyền				17	6	1988	Thị trấn Trầm Trôi - Hoài Đức - Hà Nội	Đại học Thăng Long	Tài chính kế toán		HAN01351		47.50	68.75	77.50		HAN04541
902	Bùi Thương	Huyền				27	9	1991	Văn Phú, Nho Quan, Ninh Bình	Đại học Lâm nghiệp	Quản trị kinh doanh		HAN01352		VT	VT	VT		HAN08628
903	Chu Thanh	Huyền				17	8	1992	Diễn Trường, Diễn Châu, Nghệ An	Đại Học kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		HAN01353		70.00	26.25	62.50		HAN01095
904	Chữ Thị Ngọc	Huyền				23	7	1994	Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Học viện Hậu Cần	Ngân hàng thương mại		HAN01354		VT	VT	VT		HAN07027
905	Cù Thị Thu	Huyền				3	12	1994	Cẩm Khê, Phú Thọ	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN01355		37.50	43.75	45.00		HAN06580
906	Đặng Khánh	Huyền				26	7	1995	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HAN01356		40.00	41.25	30.00		HAN01605
907	Đặng Thị	Huyền				25	10	1983	Quốc Oai, Hà Nội	Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01357		VT	VT	VT		HAN09110
908	Đặng Thị Thanh	Huyền				8	10	1987	Phùng Chí Kiên, Mỹ Hào, Hưng Yên	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN01358		VT	VT	VT		HAN04661
909	Đinh Thị Thanh	Huyền				11	12	1993	Xã Vạn Kim - huyện Mỹ Đức - TP Hà Nội	Học viện Tài chính	Thuế		HAN01360		57.50	27.50	55.00		HAN04591
910	Đỗ Thị Thanh	Huyền				19	2	1988	Xã Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH Công Nghiệp	Kế toán		HAN01362		VT	VT	VT		HAN05080
911	Hồ Thị	Huyền				18	10	1989	xóm Đồng Văn, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	ĐH Điện lực Hà Nội	kế toán		HAN01363		VT	VT	VT		HAN06127
912	Hoàng Thị	Huyền				7	2	1993	Quảng Minh, Sầm Sơn, Thanh Hóa	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HAN01364		42.50	22.50	47.50		HAN05072
913	Hoàng Thị	Huyền				10	1	1993	Ngõ 7, thôn Văn Khê, xã Đông Vinh, Tp Thanh Hóa, Thanh Hóa	Đại học Giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		HAN01365		77.50	35.00	57.50		HAN04122
914	Hoàng Thu	Huyền				16	1	1994	Hà Nội	Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Kế toán		HAN01367		50.00	45.00	45.00		HAN04120
915	Lê Thị Thu	Huyền				7	7	1987	Xã Tân Ninh, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Quản lý Tài Chính Công		HAN01378		57.50	27.50	72.50		HAN05091
916	Lý Thị Thanh	Huyền				4	8	1984	Hà Nội	Đại học Thương Mại	Kế toán - Tài Chính doanh nghiệp thương mại		HAN01379		97.50	MT	87.50		HAN02510

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
917	Ngô Thanh	Huyền				28	12	1990	Thường Tín, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01380		VT	VT	VT		HAN06595
918	Ngô Thị Thanh	Huyền				17	12	1992	xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01382		57.50	51.25	75.00		HAN04614
919	Ngô Thị Thanh	Huyền				27	5	1988	Thôn Bãi Thụy, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01381		VT	VT	VT		HAN0462
920	Nguyễn Minh	Huyền				14	4	1990	Nguyễn Giáp, Tứ Kỳ, Hải Dương	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01383		42.50	22.50	37.50		HAN07114
921	Nguyễn Thanh	Huyền				26	8	1995	Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Thăng Long	Kế toán		HAN01386		67.50	51.25	55.00		HAN05555
922	Nguyễn Thanh	Huyền				24	5	1993	xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Đại học Lao động Xã hội	Kế toán		HAN01385		62.50	37.50	62.50		HAN08553
923	Nguyễn Thị	Huyền				9	4	1994	Thôn Yên Phú xã Giai Phạm Huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN01393		VT	VT	VT		HAN05532
924	Nguyễn Thị	Huyền				8	3	1993	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01391		52.50	51.25	67.50		HAN06640
925	Nguyễn Thị	Huyền				28	1	1993	Ấn Thi, Hưng Yên	Học viện Tài chính	Hải quan		HAN01392		70.00	38.75	65.00		HAN05559
926	Nguyễn Thị	Huyền				12	10	1990	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01389		VT	MT	VT		HAN02092
927	Nguyễn Thị	Huyền				31	10	1989	Hồng Phong, Nam Sách, Hải Dương	Đại học Chu Văn An	Kế toán		HAN01388		52.50	47.50	42.50		HAN04650
928	Nguyễn Thị	Huyền				25	4	1982	Hưng Yên	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế Toán		HAN01387		80.00	MT	65.00		HAN02011
929	Nguyễn Thị thanh	Huyền				30	4	1994	đan Phượng, hà nội	Đại học Thành Đô	kế toán		HAN01404		85.00	61.25	65.00		HAN06052
930	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				22	12	1991	Xã Chu Hóa, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN01402		VT	VT	VT		HAN05561
931	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				11	9	1990	xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội	Đại học Giao thông vận tải Hà Nội	Kế toán		HAN01401		VT	VT	VT		HAN04067
932	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				27	12	1989	Tam Hưng Thanh oai Hà Nội	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01399		90.00	68.75	80.00		HAN07600
933	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				29	3	1989	Ba Vì, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01400		45.00	55.00	50.00		HAN06644
934	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				1	11	1988	Hoàng Lộc, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Hải quan	Con BB	HAN01398	20	70.00	61.25	72.50		HAN06507
935	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				10	5	1981	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAN01396		65.00	41.25	67.50		HAN04004
936	Nguyễn Thị Thu	Huyền				11	4	1994	Phường Túc Duyên, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	ĐH Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	Kinh tế đầu tư		HAN01411		45.00	45.00	52.50		HAN01704
937	Nguyễn Thị Thu	Huyền				26	1	1989	Phú Châu, Ba Vì, HN	ĐH Thương Mại	Kinh Tế Thương Mại		HAN01408		72.50	56.25	80.00		HAN05037
938	Nguyễn Thị Thu	Huyền				11	8	1988	Đường lâm, Ba Vì, Hà nội	học viện Tài chính	kế toán doanh nghiệp		HAN01407		30.00	58.75	80.00		HAN09048
939	Nguyễn Thị Thu	Huyền				18	10	1986	Xóm Thủy Nhật, Thị Trấn lâm Thao, Huyện Lâm Thao, Phú Thọ	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN01405		65.00	36.25	60.00		HAN05027
940	Phạm Thị	Huyền				1	6	1993	Thôn Bắc Đầu xã Hưng Đạo huyện Chí Linh Hải Dương	Học viện ngân hàng	hệ thống thông tin quản lý		HAN01417		VT	VT	VT		HAN07642
941	Phạm Thị	Huyền				10	5	1987	Thôn Trình Trung Tây xã An Ninh huyện Tiên Hải thái Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01416		VT	VT	VT		HAN07641
942	Phạm Thị Minh	Huyền				10	11	1993	xã Khánh Thủy huyện Yên Khánh Ninh Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01418		72.50	63.75	70.00		HAN07598
943	Phan Thanh	Huyền				31	1	1992	Quảng Điền, Thừa Thiên huế	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kinh Tế Quốc Tế		HAN01421		VT	VT	VT		HAN05136
944	Phan Thị	Huyền				12	10	1992	Thụy Quỳnh - Thái Thụy - Thái Bình	Học viện Tài chính	Thuế		HAN01422		VT	VT	VT		HAN04589
945	Phùng Thanh	Huyền				23	7	1980	Sơn Đông- Sơn Tây- Hà Nội	Trường ĐH công nghiệp Việt Hưng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01423		65.00	32.50	37.50		HAN07092
946	Thái Thị Thương	Huyền				17	12	1985	Hoà Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Học viện tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN01424		62.50	77.50	MT		HAN02132
947	Trần Thị Thanh	Huyền				30	4	1989	Phù Ninh, Phong Châu, Phú Thọ	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN01428		47.50	58.75	47.50		HAN06623
948	Trần Thị Thanh	Huyền				21	10	1988	trường Yên - Hoa Lư - Ninh Bình	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01427		55.00	57.50	45.00		HAN04546

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
949	Trần Thị Thu	Huyền				17	8	1991	Xóm lữ, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01431		37.50	50.00	82.50		HAN07172
950	Trần Thị Thu	Huyền				8	4	1991	xuân Bắc, Xuân Trường, Nam Định	Học viện Tài chính	Tài chính quốc tế		HAN01429		VT	VT	VT		HAN08132
951	Trương Khánh	Huyền				30	5	1993	Hà Nội	ĐH Ngoại thương HN	kinh tế đối ngoại		HAN01433		VT	MT	VT		HAN01038
952	Văn Thị	Huyền				12	11	1984	Xóm hà-xã sơn Đồng-huyện Hoài Đức-Hà nội	Đại học công nghiệp hà nội	Kế toán		HAN01434		77.50	58.75	75.00		HAN09052
953	Võ Thị Thu	Huyền				15	8	1991	Cầm Phả, Quảng Ninh	Đại học DL Phương Đông	Kế toán		HAN01435		75.00	68.75	82.50		HAN06546
954	Vũ Thị	Huyền				17	11	1992	Thôn An Xá, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Học viện Tài chính	Thuế		HAN01436		70.00	75.00	82.50		HAN04132
955	Vũ Thị Thanh	Huyền				30	6	1987	Châu Sơn, Phù Lý, Hà Nam	ĐH Thương Mại	kế toán		HAN01437		70.00	65.00	82.50		HAN06136
956	Vũ Thúy	Huyền				12	1	1993	Đồng Sơn, Nam Trực, Nam Định	ĐH Ngoại Thương	Kinh Tế Đối Ngoại		HAN01438		95.00	80.00	87.50		HAN05054
957	Nguyễn Đàm	Ka				15	10	1990	Mình Quang, Bà Vi, Hà nội	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Ngân hàng		HAN01439		VT	VT	VT		HAN04581
958	Vũ Ngọc	Khải	10	2	1984				Thôn Đại Tào, xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Đại học giao thông vận tải	Quản trị kinh doanh GTVT		HAN01440		VT	VT	VT		HAN00101
959	Nguyễn Tuấn	Khang	13	12	1994				Cụm 4 - thôn Đông Khê- xã Đan Phượng - huyện Đan Phượng - Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN01441		82.50	52.50	82.50		HAN04504
960	Trần Huy	Khang	12	10	1990				Đoàn Tùng, Thanh Miện, Hải Dương	Học viện tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN01442		90.00	MT	80.00		HAN02074
961	Nguyễn Ngọc	Khanh				4	2	1982	Nghi Trung , Nghi Lộc , Nghệ An	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính Kế toán	Con TB	HAN01444	20	VT	MT	VT		HAN02605
962	Bùi Kim	Khánh	24	4	1993				Ứng Hòa, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01447		0.00	VT	VT		HAN06534
963	Bùi Ngọc	Khánh	19	11	1983				Hội Phú , Đông Hội, Đông Anh, HN	ĐH bách khoa HN	Quản trị kinh doanh		HAN01449		60.00	71.25	85.00		HAN01045
964	Bùi Thế	Khánh	29	5	1994				Gia Cầm, Việt Trì, Phú Thọ	Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN01450		35.00	73.75	87.50		HAN07090
965	Đinh Ngọc	Khánh	25	3	1991				Nam Định	Đại học Benedirtine	Quản trị tài chính		HAN01452		80.00	MT	90.00		HAN02093
966	Ngô Quốc	Khánh	2	12	1993				Thanh Hóa	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN01455		65.00	57.50	70.00		HAN05008
967	Nguyễn	Khánh	11	2	1994				Cổ Đô Ba Vi Hà Nội	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HAN01457		42.50	22.50	32.50		HAN07568
968	Nguyễn Đức	Khánh	28	5	1991				Hà Nội	Đại học điện lực	Quản trị doanh nghiệp		HAN01458		VT	VT	VT		HAN00188
969	Nguyễn Gia	Khánh	7	1	1992				xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Đại học nông nghiệp HN	kinh tế		HAN01459		45.00	35.00	40.00		HAN06067
970	Nguyễn Quốc	Khánh	2	9	1992				Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN01460		50.00	63.75	72.50		HAN05081
971	Nguyễn Quý	Khánh	21	8	1993				Hà Nội	Đại học Thăng Long	Tài chính ngân hàng		HAN01461		77.50	42.50	72.50		HAN07633
972	Nguyễn Thị	Khánh				9	2	1990	Phú Lương, Nam Đồng, TP Hải Dương	Đại học Luật Hà Nội	Pháp luật kinh tế		HAN01462		VT	VT	VT		HAN04026
973	Lê	Khoa	7	11	1992				Xóm Phúc Sung, thố Bãi, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN01467		VT	VT	VT		HAN00076
974	Nguyễn Đăng	Khoa				24	11	1987	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH kinh Doanh Và Công Nghệ HN	Tài Chính Ngân hàng		HAN01468		50.00	57.50	77.50		HAN05016
975	Đinh Thị Quỳnh	Khuê				29	12	1991	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Lao động và Xã hội	Kế toán		HAN01469		45.00	52.50	62.50		HAN02055
976	Nguyễn Minh	Khuê	23	2	1991				Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH Thương Mại	Tài chính ngân hàng thương mại		HAN01470		55.00	62.50	60.00		HAN08594
977	Phạm Minh	Khuê				28	9	1994	Huyện Gia Lộc, Hải Dương	Học viện ngoại giao	Luật quốc tế		HAN01471		65.00	83.75	60.00		HAN00111
978	Nguyễn Công	Khương	15	9	1988				Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	Học viện tài chính	Ngân hàng		HAN01474		VT	VT	VT		HAN07106
979	Phùng Thị Hồng	Khuyên				22	2	1994	Xã Hạ Bằng huyện Thạch Thất Hà Nội	Đại học quốc gia Hà Nội	Luật kinh doanh		HAN01476		77.50	46.25	62.50		HAN07505
980	Nguyễn Trung	Kiên	21	12	1991				Xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01478		35.00	57.50	42.50		HAN04507

nguyet

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
981	Phạm Chí	Kiên	29	9	1984				hà nội	đại học Duy tân	Kế toán doanh nghiệp		HAN01479		VT	VT	VT		HAN04099	
982	Đỗ Thị	Kiều				27	11	1992	Xóm Mới, Ngọc Than, Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	Học Viện Tài Chính	Kế Toán Doanh Nghiệp		HAN01481		82.50	36.25	75.00		HAN05005	
983	Đặng Thị	Lam				24	7	1990	Xã Nghi Liên, TP Vinh, Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01483		62.50	40.00	67.50		HAN04681	
984	Nguyễn Thị	Lam				11	1	1990	Xã Trung Hưng , huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An	Học Viện Tài chính	Quản lý tài chính công	Con BB	HAN01484	20	92.50	55.00	72.50		HAN02597	
985	Dương Tùng	Lâm	25	5	1993				Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH Troy (liên kết ĐH Quốc Gia Hà Nội)	Quản trị kinh doanh		HAN01487		32.50	MT	50.00		HAN02598	
986	Ngô Tùng	Lâm	5	10	1994				Quảng Yên, Quảng Ninh	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HAN01488		VT	VT	VT		HAN06631	
987	Nguyễn Trọng	Lâm	25	4	1987				Quảng Ninh	ĐH Bách Khoa HN	quản trị tài chính kế toán		HAN01490		37.50	26.25	37.50		HAN06148	
988	Nguyễn Tùng	Lâm	8	8	1994				đơn Phượng, hà nội	Học viện chính sách và phát triển	Kinh tế đối ngoại		HAN01492		57.50	78.75	75.00		HAN04100	
989	Nguyễn Tùng	Lâm	14	1	1994				Hà Nội	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN01491		82.50	60.00	80.00		HAN08014	
990	Nguyễn Văn	Lâm	23	2	1991				Đội 10, khu 11, thôn Bồng Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý công		HAN01493		97.50	73.75	90.00		HAN05501	
991	Phí Thị	Lâm				6	5	1990	Xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán, kiểm toán và phân tích		HAN01494		87.50	72.50	77.50		HAN04501	
992	lê Thị	Lan				19	11	1992	Vĩnh Phúc	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01498		57.50	85.00	65.00		HAN09086	
993	Lương Thị	Lan				13	2	1986	Cộng Hòa, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN01500		VT	VT	VT		HAN05073	
994	Nguyễn Thị	Lan				14	6	1989	Xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01503		VT	VT	VT		HAN08082	
995	Nguyễn Thị	Lan				13	9	1979	Xã Hồng Dương - Thanh Oai - TP hn	Đh thương mại	Kế toán tài chính DN thương mại	Con TB	HAN01502	20	VT	VT	VT		HAN02201	
996	Thiều Thị Ngọc	Lan				30	6	1983	Văn Lý Lý Nhân Hà nam	Viện đại học mở Hà Nội	Kế toán		HAN01507		VT	VT	VT		HAN07640	
997	Trần Thị	Lan				27	9	1990	xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01508		VT	VT	VT		HAN08105	
998	Trịnh Thị Ngọc	Lan				10	6	1986	Tĩnh Hải, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01510		VT	VT	VT		HAN08623	
999	Phạm Thị	Lành				15	1	1988	Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định	Đại Học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN01511		75.00	41.25	60.00		HAN00013	
1000	Nguyễn Sinh	Lập	14	4	1979				Thôn An Kỳ Trung, Xã Quỳnh Minh, Quỳnh Phụ, Thái Bình	ĐH điện lực	Kế toán		HAN01512		65.00	37.50	50.00		HAN01065	
1001	Bùi Minh	Lê	9	4	1985				Vũ Vinh, Vũ Thư, Thái Bình	Học viện Tài Chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01513		100.00	67.50	80.00		HAN04531	
1002	Cù Thị Ái	Lê				31	3	1994	Xã Sơn Long, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01514		55.00	63.75	62.50		HAN05544	
1003	Đặng Thị cảm	Lê				16	11	1993	Thanh Hoá	Học viện tài chính	tài chính doanh nghiệp		HAN01515		82.50	78.75	77.50		HAN06061	
1004	Hoàng Ngọc	Lê				6	2	1991	Ngọc Châu, Tân Yên, Bắc Giang	Đại học Thương Mại	Kế toán		HAN01516		VT	VT	VT		HAN04552	
1005	Nguyễn Bảo	Lê				9	10	1991	Hà Nam	Học Viện Ngân hàng	Tài Chính Doanh Nghiệp		HAN01517		VT	VT	VT		HAN05107	
1006	Vũ Thị Mai	Lê				25	5	1992	Nam Định	Đại học công đoàn	Tài chính doanh nghiệp		HAN01518		70.00	62.50	70.00		HAN09106	
1007	Hà Nhật	Lê				6	1	1994	Mai Sơn, Sơn La	Đại học Toulon Pháp	Bảo hiểm ngân hàng	DTTS	HAN01519	20	52.50	MT	62.50		HAN02088	
1008	Hồ Ngọc	Lê				20	3	1994	Phong Ý, Cẩm Phong, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01520		50.00	38.75	70.00		HAN08572	
1009	Hoàng Nhật	Lê				9	10	1991	Phủ Ninh, Phú Thọ	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01521		50.00	53.75	60.00		HAN06645	
1010	Nguyễn Thị Nhật	Lê				25	5	1994	Quảng Thuận, Quảng Trạch, Quảng Bình	Học viện tài chính	Kiểm toán		HAN01523		90.00	52.50	75.00		HAN01061	
1011	Dương Thị	Lến				10	6	1976	xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01525		62.50	MT	75.00		HAN02554	
1012	Bùi Thanh	Liêm	15	11	1982				Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Rennes 1	Tài chính		HAN01527		55.00	MT	55.00		HAN02613	
1013	Bùi Thị	Liên				1	1	1992	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán		HAN01528		VT	VT	VT		HAN06583	
1014	Đỗ Phương	Liên				8	10	1992	Vĩnh Phúc	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp	DTTS	HAN01530	20	VT	VT	VT		HAN01073	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1015	Đỗ Thị Hồng	Liên				7	10	1990	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01531		97.50	50.00	85.00		HAN03008
1016	Duy Thị	Liên				30	9	1993	xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Hà Nội	Đại học công nghiệp Hà Nội	Tài chính - Ngân Hàng		HAN01532		65.00	67.50	70.00		HAN00096
1017	Hoàng Thị	Liên				20	10	1991	Kiên Bái, Thủy Nguyên, hải Phòng	Học Viện tài chính	tài chính doanh nghiệp		HAN01535		VT	VT	VT		HAN09016
1018	Hoàng Thị	Liên				28	4	1991	Thôn Thái Hòa, xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	ĐH Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN01534		VT	VT	VT		HAN01617
1019	Lê Hồng	Liên				5	8	1985	Thành Hủy, Thạch Thành, Thanh Hóa	ĐH kinh tế - ĐH Quốc Gia HN	Quản Lý kinh tế		HAN01536		47.50	62.50	85.00		HAN01051
1020	Lê Phương	Liên				12	4	1992	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Công đoàn	Kế toán		HAN01538		VT	VT	VT		HAN08619
1021	Lê Phương	Liên				16	9	1991	Lê Thủy - Quảng Bình	Đại học Thăng Long	Tài chính-Kế toán		HAN01537		VT	VT	VT		HAN04685
1022	Lương Quỳnh	Liên				8	5	1994	Long Biên, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN01540		92.50	72.50	82.50		HAN06541
1023	Nguyễn Thị	Liên				28	10	1990	Thuy Hồng- Thái Thụy- Thái Bình	Đại học Đà Lạt	Kế toán		HAN01545		VT	VT	VT		HAN07170
1024	Nguyễn Thị	Liên				11	8	1990	xã An Mỹ huyện Mỹ Đức Hà Nội	Đại học lao động xã hội	Kế toán		HAN01544		77.50	65.00	72.50		HAN07552
1025	Nguyễn Thị	Liên				2	2	1987	Thanh Hóa	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán Tổng Hợp		HAN01543		55.00	28.75	67.50		HAN05085
1026	Nguyễn Thị	Liên				1	1	1985	Thôn 4, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Ngoại thương	Luật kinh doanh quốc tế	Con TB	HAN01542	20	65.00	28.75	60.00		HAN00095
1027	Nguyễn Thị	Liên				16	5	1984	xã Phong Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01541		67.50	21.25	47.50		HAN04045
1028	Nguyễn Thị Bích	Liên				31	5	1980	Nho Quan, Ninh Bình	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính Doanh nghiệp thương mại		HAN01547		VT	VT	VT		HAN06600
1029	Nguyễn Thị Hương	Liên				1	12	1990	Hoảng Đức, Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Học viện Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN01548		82.50	80.00	75.00		HAN05539
1030	Phạm Thị	Liên				24	6	1990	Thôn My Cầu, Tân Hồng, Bình Giang, Hải Dương	Đại học kinh doanh và công nghệ HN	Kế toán		HAN01550		77.50	41.25	70.00		HAN02131
1031	Trần Thị	Liên				8	3	1993	Thôn Thượng Quát, Xã Hợp Tiến, H Mỹ Đức, TP Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HAN01555		75.00	47.50	72.50		HAN07134
1032	Trần Thị	Liên				7	3	1993	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế		HAN01556		95.00	75.00	82.50		HAN04547
1033	Trần Thị	Liên				13	9	1990	Thôn Bạch, Minh Thuận, Vụ Bản, Nam Định	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán	Con BB	HAN01553	20	VT	VT	VT		HAN02536
1034	Vũ Phương	Liên				9	4	1993	Ninh Bình	Học Viện Tài Chính	Quản lý tài chính công		HAN01558		82.50	71.25	82.50		HAN05056
1035	Vương Quỳnh	Liên				30	8	1990	Xã Hải Đường huyện Hải Hậu Nam Định	Đại học kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh bất động sản		HAN01559		VT	VT	VT		HAN07506
1036	Lê Thị Thuý	Liễu				30	6	1992	xã Kim Thư, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kinh tế		HAN01560		75.00	60.00	75.00		HAN08110
1037	Cần Thùy	Linh				23	12	1993	Nghi Xuân Nghi Lộc Nghệ An	Đại học Kinh doanh và Công Nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN01562		70.00	50.00	80.00		HAN07531
1038	Chu Diệu	Linh				2	1	1992	Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01563		VT	VT	VT		HAN05545
1039	Chu Mai	Linh				3	11	1991	Bắc Giang	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01564		VT	VT	VT		HAN09107
1040	Đàm Hà	Linh				16	7	1990	Vĩnh Phúc	Đại học Khoa học kỹ thuật Triều Dương Đài Loan	Quản trị kinh doanh		HAN01566		95.00	MT	75.00		HAN02144
1041	Đàm Thị Thu	Linh				2	1	1986	xã Đại Xảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Đại học Luật Hà Nội	Luật học	DTTS	HAN01567	20	85.00	47.50	70.00		HAN02555
1042	Đặng Thị Thùy	Linh				31	5	1992	Hải Dương	Đại học Thăng Long	Tài chính kế toán		HAN01570		92.50	56.25	80.00		HAN08609
1043	Đào Thị Thùy	Linh				22	12	1994	NGhĩa Trụ Văn Giang Hưng Yên	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		HAN01571		57.50	51.25	80.00		HAN07541
1044	Đào Thúy	Linh				26	1	1985	Mỹ Hào, Hưng Yên	Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	Kế toán doanh nghiệp		HAN01572		45.00	MT	67.50		HAN06638
1045	Đinh Quang	Linh	21	11	1995				Phường Đông Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	ĐH Thương Mai	Tài chính - Ngân hàng thương mại		HAN01573		92.50	48.75	80.00		HAN01608

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Định Thị Lan	Linh				5	6	1993	Xã Hòa Nam huyện Ứng Hòa Hà Nội	Học viện tài chính	Thuế		HAN01574		70.00	37.50	82.50		HAN07613
1047	Định Thủy	Linh				19	5	1994	Xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Học viện Ngân Hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN01575		VT	VT	VT		HAN04569
1048	Đỗ Diệu	Linh				4	5	1993	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01576		80.00	72.50	70.00		HAN07131
1049	Đỗ Khánh	Linh				10	9	1993	An Bình, Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế		HAN01577		82.50	65.00	72.50		HAN00038
1050	Đỗ Thị Hà	Linh				27	1	1989	Thạch thất, hà nội	Đại học lao động xã hội	kế toán		HAN01578		80.00	66.25	75.00		HAN06057
1051	Đỗ Thủy	Linh				22	4	1994	Hà Nội	Đại học Ngoại Thương	Ngân hàng và Tài chính quốc tế		HAN01580		40.00	MT	62.50		HAN04666
1052	Đoàn Diệu	Linh				17	3	1991	Hữu Hòa , Thanh Trì , Hà Nội	Đại Học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán	Con TB	HAN01582	20	60.00	63.75	72.50		HAN02624
1053	Đoàn Thị Thu	Linh				18	12	1980	Lý Nhân, Hà Nam	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01583		47.50	MT	55.00		HAN02113
1054	Đoàn Thị Thủy	Linh				2	9	1991	Phú Hòa, Lương Tài, Bắc Ninh	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN01584		75.00	38.75	65.00		HAN06509
1055	Dư Việt	Linh	12	5	1990				Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật quốc tế		HAN01585		VT	VT	VT		HAN08063
1056	Hoàng Diệu	Linh				8	9	1992	Xóm 1 Nguyễn Xá Đông Hưng Thái Bình	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN01589		47.50	45.00	47.50		HAN07623
1057	Hoàng Diệu	Linh				5	12	1991	Xã Tân phong, huyện Ninh Giang, TP Hải Dương	ĐH Công đoàn	Kế toán		HAN01588		55.00	MT	65.00		HAN01606
1058	Hoàng Thị Khánh	Linh				16	11	1994	Cầm Huy, Cầm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HAN01590		VT	VT	VT		HAN00184
1059	Hoàng Thị Thủy	Linh				25	11	1989	Yên Định - Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển		HAN01591		42.50	36.25	55.00		HAN04584
1060	Hoàng Thị Thủy	Linh				5	11	1989	Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Thuế		HAN01592		VT	VT	VT		HAN08106
1061	Lê Hằng Phượng	Linh				22	8	1992	ba Vì, Hà nội	đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01595		70.00	50.00	77.50		HAN04102
1062	Lê Mỹ	Linh				11	8	1993	Trại Quân, Đồng Kỳ, Yên Thế, Bắc Giang	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01596		60.00	48.75	77.50		HAN06540
1063	Lê Phương	Linh				21	2	1992	Thanh Bình, Thanh Liêm, Hà Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN01597		VT	VT	VT		HAN00147
1064	Lê Thị Thuỷ	Linh				26	3	1993	Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TPHN	Học Viện tài chính	Kiểm toán		HAN01599		VT	VT	VT		HAN00186
1065	Lương Khánh	Linh				12	12	1994	Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, TP Hưng Yên	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		HAN01601		82.50	46.25	57.50		HAN00108
1066	Lưu Thị Thủy	Linh				25	12	1992	Lạng Sơn	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		HAN01602		87.50	47.50	67.50		HAN07030
1067	Mai Hà	Linh				26	10	1992	Thọ Hải, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Đại học Amiens Picarolie Jules Verve	Kinh tế quản lý	DTTS	HAN01604	20	82.50	MT	77.50		HAN02037
1068	Mai Thị	Linh				20	2	1994	Ninh Bình	đại học lao động xã hội	Kế toán		HAN01605		VT	VT	VT		HAN09085
1069	Ngô Thị	Linh				27	9	1992	Nam Cao, Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Phương Đông	Tài chính ngân hàng		HAN01606		47.50	MT	40.00		HAN02157
1070	Nguyễn Diệu	Linh				20	10	1994	Thành phố Thái Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế		HAN01610		37.50	46.25	40.00		HAN05547
1071	Nguyễn Đỗ Khánh	Linh				26	11	1993	Thị cầu, Bắc Ninh	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN01612		87.50	MT	87.50		HAN02122
1072	Nguyễn Hoài	Linh				2	7	1990	Thanh Oai, Hà nội	Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN01613		67.50	56.25	75.00		HAN09028
1073	Nguyễn Hoàng	Linh	24	10	1988				Vân Trường, Tiền Hải, Thái Bình	Đại học Cadiff Metropolitan	Quản trị kinh doanh		HAN01614		90.00	MT	85.00		HAN02124
1074	Nguyễn Hồng	Linh				10	12	1992	Thái Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng		HAN01615		92.50	MT	97.50		HAN01081
1075	Nguyễn Khánh	Linh				26	7	1994	Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01618		42.50	65.00	47.50		HAN08547
1076	Nguyễn Khánh	Linh				16	11	1993	Hoàng Đông Duy Tiên Hà Nam	Học viện tài chính	Ngân hàng		HAN01616		62.50	56.25	90.00		HAN07536
1077	Nguyễn Kim Bảo	Linh				12	2	1991	Hải Bình- Tỉnh Gia- Thanh Hóa	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HAN01621		55.00	58.75	55.00		HAN07100
1078	Nguyễn Ngọc	Linh	22	12	1987				Bồng Lai, Quế Võ, Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế nông nghiệp		HAN01622		67.50	51.25	65.00		HAN05506
1079	Nguyễn Phúc	Linh	26	5	1991				xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	kế toán doanh nghiệp		HAN01623		VT	VT	VT		HAN06088
1080	Nguyễn Phương	Linh				29	12	1994	Thanh Oai Hà Nội	Trường đại học Lao động xã hội	Kế toán		HAN01626		60.00	55.00	45.00		HAN07571

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1081	Nguyễn Phương	Linh				23	6	1993	Nam Định	Học viện tài chính	Phân tích chính sách tài chính		HAN01625		VT	VT	VT		HAN00053
1082	Nguyễn Phương	Linh				14	9	1992	Hà nội	Đại học Hà Nội	Tài chính ngân hàng - Tiếng anh	Con TB	HAN01624	20	72.50	MT	57.50		HAN01085
1083	Nguyễn Thảo	Linh				22	8	1994	Xóm Nội, Thị Trấn Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ, HN	ĐH Ngoại thương Hà Nội	Ngân hàng và tài chính quốc tế		HAN01627		60.00	MT	52.50		HAN01034
1084	Nguyễn Thị	Linh				20	2	1989	Lâm Thao, Phú Thọ	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		HAN01628		VT	VT	VT		HAN06550
1085	Nguyễn Thị Cẩm	Linh				28	11	1992	Tiên Lữ, Hưng Yên	Đại học Assumption University - Bangkok- Thái Lan	Tài chính ngân hàng		HAN01630		85.00	MT	80.00		HAN02100
1086	Nguyễn Thị Khánh	Linh				22	10	1994	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01633		42.50	45.00	50.00		HAN07049
1087	Nguyễn Thị Phương	Linh				29	6	1992	Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	Học viện Ngân hàng	Kinh doanh chứng khoán		HAN01638		47.50	63.75	77.50		HAN05527
1088	Nguyễn Thị Thùy	Linh				17	12	1994	Đồng Tâm, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01648		VT	MT	VT		HAN02596
1089	Nguyễn Thị Thùy	Linh				28	2	1992	xã Phương Dục, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH Ngoại Thương Hà Nội	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN01643		VT	VT	VT		HAN08137
1090	Nguyễn Thị Thùy	Linh				4	1	1991	Phúc Hà- Tiên Dược- Sóc Sơn - Hà Nội	Đại học Kinh Tế quốc dân Hà Nội	Quản trị Kinh Doanh Quốc Tế		HAN01642		VT	MT	VT		HAN02587
1091	Nguyễn Thị Thùy	Linh				16	5	1990	Thôn Hàn Lạc , xã Phú Thị , huyện Gia Lâm , Hà Nội	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	HAN01641	20	85.00	87.50	92.50		HAN02513
1092	Nguyễn Thùy	Linh				9	10	1993	Xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01656		95.00	71.25	80.00		HAN05502
1093	Nguyễn Thùy	Linh				10	8	1992	Hà Tân, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính - Ngân hàng		HAN01655		VT	VT	VT		HAN01507
1094	Nguyễn Thùy	Linh				26	5	1991	Nghệ An	Đại học tổng hợp Sunderland, Vương quốc Anh	Tài chính		HAN01654		62.50	MT	40.00		HAN02648
1095	Nguyễn Thùy	Linh				16	2	1989	xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội	Học viện ngân hàng	ngân hàng thương mại		HAN01650		75.00	53.75	62.50		HAN06002
1096	Nguyễn Thùy	Linh				23	5	1982	Nam Đồng, Đồng Đa, Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công nghệ	Kế toán		HAN01649		50.00	28.75	45.00		HAN08588
1097	Nguyễn Tuấn	Linh	20	6	1990				Thụy Dũng, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học kinh doanh và công nghệ HN	Tài chính ngân hàng		HAN01659		VT	VT	VT		HAN02126
1098	Phạm Duy	Linh	3	9	1991				Bình Minh, Nam Trực, Nam Định	Đại học Thương Mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01660		47.50	25.00	50.00		HAN07102
1099	Phạm Mai	Linh				23	9	1989	Hoa Lư, Ninh Bình	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kinh tế tài chính ngân hàng		HAN01661		VT	VT	VT		HAN05071
1100	Phạm Ngọc	Linh				25	10	1993	Nghệ an	Đại học công đoàn	Kế toán		HAN01663		77.50	55.00	87.50		HAN09029
1101	Phạm Thị Mỹ	Linh				22	1	1994	Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01664		97.50	62.50	90.00		HAN05543
1102	Phạm Việt Bảo	Linh				10	3	1994	Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học kinh doanh Công nghệ	Kế toán		HAN01666		25.00	31.25	60.00		HAN08630
1103	Phan Hà	Linh				27	1	1988	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế đối ngoại Bắc Kinh - Trung Quốc	Tài chính		HAN01667		VT	MT	VT		HAN02102
1104	Phan Nhật	Linh				24	9	1994	An Nội, Bình Lục, Hà Nam	ĐH Tài chính Ngân hàng Hà Nội	Kế toán		HAN01668		87.50	82.50	85.00		HAN08006
1105	Phùng Hải	Linh				31	12	1991	Yên Kỳ - Hạ Hòa - Phú Thọ	Đại học Thương Mại	Kinh tế thương mại		HAN01671		55.00	57.50	60.00		HAN04677
1106	Phùng Yến	Linh				7	2	1993	Văn Nam, Huyện Phúc Thọ, Hà Nội	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		HAN01673		80.00	57.50	62.50		HAN00008
1107	Trần Ngọc	Linh				16	11	1991	Xã Văn Tổ, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương	ĐH Ngoại Thương hà Nội	Ngân hàng		HAN01676		57.50	63.75	65.00		HAN05119
1108	Trần Thị Thùy	Linh				21	3	1990	xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HAN01680		VT	VT	VT		HAN03001
1109	Trịnh Hữu	Linh	11	10	1990				87 Pháo Đài Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Học viện ngân hàng	Kế toán		HAN01681		VT	VT	VT		HAN00152

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1110	Trương Cao Thủy	Linh				5	11	1994	Thị trấn Bút Sơn - huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		HAN01682		60.00	32.50	42.50		HAN04617
1111	Võ Thủy	Linh				10	7	1992	Nam Đàn, Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán Doanh nghiệp		HAN01685		35.00	52.50	55.00		HAN08037
1112	Vũ Đặng Hoài	Linh				1	12	1992	không ghi	Đại học Thương Mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN01686		47.50	50.00	75.00		HAN08054
1113	Vũ Thị Cẩm	Linh				10	6	1987	Mỹ Hào Hưng Yên	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01687		80.00	41.25	67.50		HAN07540
1114	Vũ Thị Việt	Linh				6	11	1993	Thôn Chanh Chử 1, Xã Thắng Thủy, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN01689		70.00	72.50	70.00		HAN07078
1115	Vũ Thủy	Linh				6	11	1993	Thị trấn Việt Quang, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HAN01691		37.50	48.75	77.50		HAN08518
1116	Phan Diệu	Lĩnh				28	9	1994	Trung Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN01695		77.50	78.75	80.00		HAN07110
1117	Bùi Thị	Loan				16	10	1993	Xóm Nhì, xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	ĐH Thương Mại	Quản trị nhân lực thương mại		HAN01697		72.50	41.25	67.50		HAN08523
1118	Bùi Thị	Loan				1	8	1990	Nga Sơn, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN01696		62.50	38.75	52.50		HAN06601
1119	Đinh Thị Ngọc	Loan				6	3	1987	hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HAN01698		67.50	40.00	82.50		HAN06060
1120	Hoàng Thị	Loan				25	6	1994	Xóm Thọ An, Thôn yên Thị, xã Tiến Thịnh, huyện mê Linh, Hà nội	Đại học Giao thông vận tải	kế toán tổng hợp		HAN01700		50.00	28.75	45.00		HAN06062
1121	Hoàng Thị Phương	Loan				24	8	1987	Số 15, ngõ 21, đường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Đại Học công nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con TB	HAN01701	20	70.00	55.00	57.50		HAN02530
1122	Lê Thanh	Loan				2	9	1993	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		HAN01703		47.50	43.75	52.50		HAN04537
1123	Lê Thị	Loan				23	9	1991	Xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Học Viện Tài Chính	Kiểm toán	Con TB	HAN01704	20	VT	VT	VT		HAN02528
1124	Lê Thị Bích	Loan				18	10	1993	An Duyên, Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	Đại học Thăng Long	Tài chính		HAN01706		80.00	70.00	85.00		HAN01510
1125	Mai Thị	Loan				16	9	1990	Nga Thiện, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại học Ngoại Thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		HAN01708		VT	VT	VT		HAN04629
1126	Nguyễn Thị	Loan				15	7	1994	Phố Mía- Phường Ninh Khánh- Thị xã Ninh Bình- Tỉnh Ninh Bình	Đại học Công đoàn	Kế toán		HAN01713		80.00	42.50	50.00		HAN07067
1127	Nguyễn Thị Ái	Loan				23	10	1982	Bình Lục, Hà Nam	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAN01714		32.50	47.50	50.00		HAN06647
1128	Nguyễn Thị Thanh	Loan				8	12	1981	xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01715		82.50	48.75	70.00		HAN03011
1129	Tạ Thị	Loan				14	8	1983	Phú Châu - Ba Vì - HN	ĐH thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01716		VT	VT	VT		HAN01071
1130	Trần Thị Thanh	Loan				11	5	1990	Thái Hưng Hưng Hà Thái Bình	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01718		VT	VT	VT		HAN07599
1131	Trịnh Thị	Loan				19	7	1990	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH Thương Mại	tài chính ngân hàng		HAN01719		92.50	55.00	55.00		HAN06068
1132	Trương Thị	Loan				22	10	1994	xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Học viện ngân hàng	Ngân hàng Thương mại		HAN01721		VT	VT	VT		HAN04652
1133	Vũ Thị	Loan				22	5	1984	Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định	Đại học Thương mại	Tài chính doanh nghiệp thương mại	Con BB	HAN01722	20	VT	VT	VT		HAN02105
1134	Vũ Thị Diệu	Loan				21	12	1983	Kiến Thụy, Hải Phòng	Đại học Helf	Quản trị kinh doanh		HAN01724		VT	VT	VT		HAN00103
1135	Vũ Thị Thảo	Loan				29	3	1993	TT Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Kế toán		HAN01725		65.00	57.50	60.00		HAN08537
1136	Bùi Thị	Lộc				11	12	1993	Xã Song Phương, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01726		VT	VT	VT		HAN07119
1137	Lê Hữu	Lộc	21	7	1994				xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, HN	ĐH Ngoại Thương	kế toán		HAN01728		45.00	63.75	57.50		HAN06122
1138	Nguyễn Việt	Lộc	10	10	1992				Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại		HAN01730		VT	VT	VT		HAN00182
1139	Lê Gia	Lợi	23	3	1990				Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính		HAN01732		65.00	50.00	47.50		HAN02542

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1140	Nguyễn Thị	Lợi				13	5	1993	Thịệu Khánh, thành phố Thanh Hóa	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01734		57.50	57.50	65.00		HAN07058
1141	Nguyễn Thị	Lợi				26	12	1989	Sài Sơn QUỐC Oai Hà Nội	Đại học Điện Lực	Kế toán		HAN01733		47.50	32.50	52.50		HAN07547
1142	Chu Đình	Long	8	8	1992				Việt Đoàn - Tiên Du - Bắc Ninh	Đại học Thương Mại	Kinh tế Thương Mại		HAN01735		50.00	46.25	52.50		HAN04615
1143	Lê Đức	Long	30	8	1994				Thái Bình	Đại học lao động xã hội	kế toán		HAN01738		65.00	46.25	77.50		HAN09046
1144	Lê Quang	Long	13	12	1988				Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN01740		40.00	42.50	67.50		HAN05554
1145	Lê Thành	Long	13	3	1993				Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01741		VT	VT	VT		HAN04051
1146	Nguyễn Đức	Long	4	3	1988				Nam Định	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01743		92.50	82.50	77.50		HAN06519
1147	Nguyễn Tuấn	Long	23	1	1987				Hà Nội	Học viện Tài Chính	Tài chính ngân hàng		HAN01745		VT	VT	VT		HAN08526
1148	Phạm Đức	Long	28	5	1995				Huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định	Đại học Thăng Long	Kế toán		HAN01746		70.00	55.00	77.50		HAN07507
1149	Tổng Nam	Long	2	12	1983				Thái Bình	ĐH Điện Lực	kế toán		HAN01747		80.00	72.50	75.00		HAN01032
1150	Trần Bảo	Long	16	1	1986				Hoàn Kiếm, Hà Nội	Trường ĐH kinh tế quốc dân	Quản trị doanh nghiệp		HAN01748		VT	VT	VT		HAN00067
1151	Trần Thanh	Long	2	5	1992				Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Phương Đông	Tài chính - Ngân hàng		HAN01750		52.50	66.25	57.50		HAN04090
1152	Trần Tuấn	Long	24	9	1991				Nam Định	Đại Học Rouen- Bộ Đại Học và Nghiên cứu Quốc Gia- Cộng Hòa Pháp	Ngân Hàng		HAN01751		52.50	MT	82.50		HAN02511
1153	Kha Thị	Luân				27	8	1987	Tam Thái, Tương Dương, Nghệ An	Học viện Ngân Hàng	Ngân hàng thương mại	DTTS	HAN01754	20	VT	VT	VT		HAN02046
1154	Lê Trung Vinh	Luân	21	1	1993				Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Thương mại	Tài chính - ngân hàng thương mại		HAN01755		62.50	45.00	72.50		HAN04065
1155	Nguyễn Thành	Luân	20	9	1988				Xã Hồng Phúc, Huyện Ninh Giang, TP Hải Dương	Đại học Thăng Long	Ngân Hàng		HAN01756		42.50	31.25	62.50		HAN08515
1156	Vũ Thành	Luân	14	10	1993				Hưng Hà, Thái Bình	Học viện Hậu cần	Ngân hàng thương mại		HAN01758		80.00	51.25	57.50		HAN02158
1157	Từ Phúc	Luật	22	9	1985				xóm Phạm Hồng Thái, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán		HAN01759		80.00	58.75	70.00		HAN07558
1158	Nguyễn Văn	Lương	12	7	1992				thanh hóa	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAN01762		62.50	21.25	37.50		HAN04540
1159	Trần Thị	Lương				11	6	1984	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01764		50.00	45.00	65.00		HAN04044
1160	Vũ Thị	Lương				2	9	1991	Tam Nông, Phú Thọ	Học viện Tài chính	Hải quan		HAN01766		VT	VT	VT		HAN00144
1161	Đỗ Công	Lượng	2	9	1994				Hoàng Hóa, Thanh Hóa	Đại học ngoại thương	Ngân hàng, tài chính quốc tế		HAN01767		32.50	MT	67.50		HAN02134
1162	Lê Thị	Lượng				10	9	1993	Đồng Lương, Lang Chánh, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Thuế	DTTS	HAN01768	20	70.00	41.25	67.50		HAN02133
1163	Nguyễn Quang	Lưu	15	2	1992				Bắc Ninh	Học viện tài chính	hải quan		HAN01769		VT	VT	VT		HAN06058
1164	Cần Thị	Luyến				12	6	1986	Tuyệt Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	Đại lâm nghiệp	Kế toán	Con NHDKC bị NCĐHH	HAN01770	20	57.50	46.25	60.00		HAN02166
1165	Lê Thị	Luyến				20	11	1992	xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01771		87.50	55.00	80.00		HAN03016
1166	Nguyễn Thị	Luyến				9	4	1990	Xã Thọ Xuân, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	học viện tài chính	Tài chính - Ngân hàng		HAN01774		95.00	85.00	87.50		HAN01022
1167	Nguyễn Thị	Luyến				21	9	1982	Mình Tân, Kinh Môn , Hải Dương	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Quản trị kinh doanh		HAN01773		65.00	MT	52.50		HAN02612
1168	Phạm Thị Hồng	Luyến				20	11	1991	Hà Tĩnh	Đại học Vinh	Kế toán		HAN01776		VT	VT	VT		HAN09043
1169	Phạm Thị Kim	Luyến				26	9	1989	Phù Tiên, Hưng Yên	Trường ĐH kinh doanh và công nghệ HN	tài chính ngân hàng		HAN01777		VT	VT	VT		HAN06125
1170	Quản Thị Thanh	Luyến				20	12	1986	Ứng Hòa, Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01778		65.00	46.25	62.50		HAN06632
1171	Đặng Thủy	Ly				8	3	1989	Đồng Anh- Hà Nội	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HAN01781		VT	VT	VT		HAN07141
1172	Hoàng Ngọc Lưu	Ly				18	9	1994	Xã Phú Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Đại học Luật Hà Nội	Luật		HAN01782		VT	VT	VT		HAN07070
1173	Nguyễn Dung	Ly				15	8	1994	Nam Đàn-Nghệ an	Học viện hậu cần	Tài chính doanh nghiệp		HAN01783		62.50	66.25	52.50		HAN09093

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Nguyễn Khánh	Ly				19	6	1990	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN01784		VT	VT	VT		HAN00125
1174	Nguyễn Thị	Ly				31	8	1993	Thanh Cao, Thanh Oai, HN	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01786		45.00	53.75	62.50		HAN00140
1175	Nguyễn Thị Hải	Ly				10	5	1991	Xóm 1, Thị Trấn Yên Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kinh Tế Quốc tế		HAN01787		VT	VT	VT		HAN05121
1176	Phạm Thị Yến	Ly				19	5	1991	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Hải Quan		HAN01788		72.50	70.00	67.50		HAN05063
1177	Vũ Hải	Ly				29	11	1991	Thị trấn Lâm, Ý Yên, Nam Định	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01789		VT	VT	VT		HAN08612
1178	Vũ Lan	Ly				10	9	1994	Nghĩa Lạc, Nghĩa Hưng, Nam Định	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		HAN01790		75.00	62.50	57.50		HAN07046
1179	Vũ Thùy	Ly				6	1	1992	Hiệp Hòa, Bắc Giang	Trường đại học Greenwich	Tài chính và đầu tư		HAN01791		72.50	MT	87.50		HAN02049
1180	Chu Thị Phương	Lý				15	5	1985	Hưng Đạo, Hòa An, Cao Bằng	Học viện Tài chính	Kế toán	DTTS	HAN01793	20	VT	VT	VT		HAN00120
1181	Nguyễn Thị Minh	Lý				7	6	1993	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán doanh nghiệp		HAN01794		67.50	52.50	77.50		HAN03023
1182	Nguyễn Thị Thanh	Lý				11	4	1978	Xã Phú Châu, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	Kế Toán Tổng Hợp		HAN01795		52.50	VT	VT		HAN05088
1183	Bùi Thị Phương	Mai				22	7	1993	Phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh	Đại học Sunderland	Quản trị kinh doanh		HAN01799		97.50	MT	80.00		HAN02052
1184	Cần Thị Tuyết	Mai				14	1	1992	Thôn 1, Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	Đại học Thành Đô	Kế toán		HAN01800		40.00	36.25	45.00		HAN07021
1185	Đặng Thị	Mai				24	9	1978	Xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	Đại học nông nghiệp 1	kế toán doanh nghiệp	Con BB	HAN01801	20	77.50	28.75	47.50		HAN01018
1186	Đinh Thị	Mai				19	10	1992	Đại lộ Hậu Lộc Thanh Hóa	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01802		70.00	41.25	60.00		HAN07570
1187	Đỗ Quỳnh	Mai				23	3	1994	Đồng Tâm, Ninh Giang, Hải Dương	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HAN01804		70.00	72.50	75.00		HAN00163
1188	Đỗ Thị	Mai				1	7	1994	Xóm Giữa, Thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Hà Nội	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HAN01807		52.50	32.50	50.00		HAN04130
1189	Đỗ Thị	Mai				24	11	1989	Xã Diên Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN01806		VT	VT	VT		HAN05566
1190	Đỗ Thị	Mai				27	10	1987	Cụm 6, xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01805		60.00	53.75	45.00		HAN08620
1191	Đoàn Ngọc	Mai				31	10	1990	Sơn Tây, Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN01808		VT	VT	VT		HAN06590
1192	Hoàng Thị Thanh	Mai				5	6	1993	xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HAN01810		47.50	50.00	55.00		HAN08128
1193	Kim Thị Tuyết	Mai				30	8	1992	hoài Đức, Hà nội	đại học kinh doanh và công nghệ Hà nội	Kế toán		HAN01811		37.50	30.00	35.00		HAN04106
1194	Kim Vũ Ngọc	Mai				6	11	1994	Hải Dương	Học Viện Tài chính	Tài chính Doanh Nghiệp		HAN01812		72.50	MT	52.50		HAN02608
1195	Lê Thị	Mai				18	8	1991	Nông Cống, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HAN01813		60.00	61.25	55.00		HAN06599
1196	Lê Thị Thúy	Mai				8	4	1988	Cụm 4 - Vong Xuyên - Phúc Thọ - Hà Nội	Đại học Thăng Long	Tài chính - Kế toán		HAN01815		72.50	35.00	65.00		HAN04660
1197	Nguyễn Thị	Mai				1	3	1993	Xã Tân Dân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HAN01820		45.00	30.00	52.50		HAN07121
1198	Nguyễn Thị	Mai				7	4	1990	Phương Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	Đại học Công đoàn	Kế toán		HAN01818		65.00	52.50	50.00		HAN05519
1199	Nguyễn Thị	Mai				16	2	1990	Đội 7, Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01819		52.50	28.75	35.00		HAN05542
1200	Nguyễn Thị Ngọc	Mai				24	1	1990	Yên Dũng, Bắc Giang	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HAN01822	20	92.50	50.00	70.00		HAN02188
1201	Nguyễn Thị Thanh	Mai				12	12	1993	TP Ninh Bình	University of the West of England	Kinh tế (Tiền tệ ngân hàng và tài chính)		HAN01824		67.50	80.00	67.50		HAN07123
1202	Nguyễn Thị Thanh	Mai				13	12	1991	Xã Như Thụy, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Điện lực	Quản trị kinh doanh		HAN01823		VT	VT	VT		HAN05549
1203	Nguyễn Thị Tuyết	Mai				28	5	1992	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Học viện chính sách và phát triển	Kinh tế đối ngoại		HAN01826		VT	VT	VT		HAN07156

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1205	Nguyễn Thị Tuyết	Mai				1	2	1989	Xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, Hưng Yên	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01825		VT	VT	VT		HAN05535
1206	Nguyễn Thủy Hạnh	Mai				11	8	1980	Phú Thọ	Đại học kinh tế quốc dân	Kiểm toán		HAN01827		65.00	71.25	70.00		HAN00056
1207	Phạm Quỳnh	Mai				12	4	1992	Xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học viện Tài chính	Hải quan		HAN01828		67.50	78.75	70.00		HAN01524
1208	Phạm Thị	Mai				29	6	1983	Gia Viễn, Ninh Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN01829		VT	VT	VT		HAN04131
1209	Trần Phương	Mai				25	12	1992	thôn Đồng, xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	Đại học Luật Hà Nội	Luật	Con TB	HAN01832	20	47.50	42.50	50.00		HAN02577
1210	Trần Thị Ngọc	Mai				7	12	1988	hải Phòng	Học viện tài chính	kinh tế tài chính ngân hàng		HAN01833		VT	VT	VT		HAN06059
1211	Trần Tố	Mai				13	9	1985	Hà Nội	Đại học Thương mại	kế toán tài chính thương mại		HAN01834		45.00	42.50	57.50		HAN01041
1212	Vũ Thanh	Mai				19	6	1981	Nam Hà, Tiền Hải, Thái Bình	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		HAN01835		65.00	MT	50.00		HAN02565
1213	Lê Văn	Mạnh	22	8	1993				Thôn Đôn Thụ, Xã Kim Thụ, Huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	Đại học Lao Động Xã Hội	Kế toán		HAN01839		52.50	38.75	55.00		HAN08022
1214	Nguyễn Đăng	Mạnh	4	6	1988				Thị trấn Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01840		90.00	23.75	60.00		HAN06568
1215	Nguyễn Duy	Mạnh	5	5	1981				Đội 1 xã Hạ Mỗ huyện Đan Phượng Hà Nội	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh/ Tài chính kế toán		HAN01841		47.50	42.50	55.00		HAN07577
1216	Phùng Huy	Mạnh	23	10	1990				Quốc Oai, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01843		92.50	58.75	65.00		HAN06510
1217	Vũ Đức	Mạnh	15	11	1992				Cẩm Giăng, Hải Dương	Học Viện Tài Chính	Ngân Hàng	Con TB	HAN01844	20	42.50	33.75	75.00		HAN02580
1218	Nguyễn Thị	May				27	12	1990	Lĩnh Thượng, Văn Côn, Hoài Đức, Hà Nội	Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Tài chính quốc tế		HAN01845		95.00	57.50	85.00		HAN05512
1219	Lê Thị	Miền				27	9	1986	An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn		HAN01851		42.50	47.50	67.50		HAN07140
1220	Chu Hồng	Minh	12	5	1994				Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Nội	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		HAN01852		95.00	48.75	77.50		HAN07024
1221	Đặng Hoàng	Minh	15	9	1984				Mình Đức - Ứng Hòa - Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	Luật kinh doanh quốc tế		HAN01853		25.00	28.75	40.00		HAN04587
1222	Đỗ Hồng	Minh				14	7	1986	Bạch Hạ- Phú Xuyên- Hà Nội	Đại học Thương Mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại		HAN01854		85.00	48.75	75.00		HAN07006
1223	Hoàng Lê	Minh				10	11	1987	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà nội	Kế toán		HAN01856		45.00	48.75	32.50		HAN08025
1224	Hoàng Thị	Minh				23	9	1988	Phượng Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	Học viện Tài chính	Kế toán Doanh nghiệp		HAN01857		VT	VT	VT		HAN08040
1225	Lê Hoàng Huệ	Minh				3	8	1986	Duy Tiên, Hà Nam	Lyon 2	Kinh tế và quản lý		HAN01858		47.50	MT	30.00		HAN02146
1226	Lê Hồng	Minh	27	4	1986				Thôn Lương Phú, Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Đại học kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HAN01859		VT	VT	VT		HAN07147
1227	Lê Ngọc	Minh	21	3	1993				Vinh Tường, Vĩnh Phúc	Học viện tài chính	Tài chính ngân hàng		HAN01860		65.00	46.25	72.50		HAN08028
1228	Lê Thị Tuyết	Minh				18	7	1994	Thôn Đồng Vinh xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Tài chính quốc tế		HAN01861		75.00	60.00	57.50		HAN08061
1229	Nguyễn Anh	Minh	9	10	1992				Hà nam	Đại học quốc gia hà nội	Luật kinh tế - lao động		HAN01864		VT	MT	VT		HAN01090
1230	Nguyễn Đình	Minh	25	3	1995				Đông Ngàn, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH Thương Mai	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HAN01865		65.00	38.75	47.50		HAN01612
1231	Nguyễn Đức	Minh	15	1	1986				Thái Bình	Đại học kinh tế quốc dân	tài chính doanh nghiệp		HAN01866		85.00	75.00	70.00		HAN05580
1232	Nguyễn Hồng	Minh	12	9	1984				Quán Khê, Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	Đại Học ngoại thương	Kinh Tế đối ngoại		HAN01867		50.00	31.25	50.00		HAN02533
1233	Nguyễn Thành	Minh	23	2	1994				Xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng		HAN01868		VT	MT	VT		HAN02540
1234	Nguyễn Thị	Minh				28	12	1991	Thôn Đào Nguyên, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	Đại học công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01869		VT	VT	VT		HAN08568
1235	Nguyễn Thị Thảo	Minh				24	8	1991	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH Đại Nam	Ngân hàng Thương Mại		HAN01870		80.00	50.00	77.50		HAN05069
1236	Nguyễn Thị Tuyết	Minh				18	6	1982	Thanh Trì, HN	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN01871		VT	VT	VT		HAN02203

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1237	Nguyễn Tuấn	Minh	20	8	1987				Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý thương mại		HAN01873		47.50	68.75	52.50		HAN05595
1238	Phan Thị Hồng	Minh				27	4	1984	Xóm Hẻm thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	Học Viện Tài Chính	Kinh tế TCNH	Con TB	HAN01876	20	VT	VT	VT		HAN02584
1239	Phùng Quang	Minh	20	10	1989				Xã Yên Phong, huyện Yên Mô, Ninh Bình	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Tài chính Ngân Hàng		HAN01877		47.50	50.00	40.00		HAN02583
1240	Thái Quang	Minh	21	8	1991				Nghệ An	Đại học Sheffield	Kinh tế học		HAN01878		65.00	MT	52.50		HAN00104
1241	Trần Thị Bình	Minh				10	9	1994	Hương Nộn, Tam Nông, Phú Thọ	Học viện Tài chính	Thuế		HAN01879		52.50	40.00	67.50		HAN01523
1242	Trịnh Ngọc	Minh				2	7	1991	Định Tiến, Yên Định, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01881		VT	VT	VT		HAN04567
1243	Vũ Quang	Minh	2	11	1990				Đồng Khê, Văn Chấn, Yên Bái	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HAN01883		VT	VT	VT		HAN04135
1244	Vũ Thị Bình	Minh				18	10	1981	xóm Nam Sơn, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN01884		72.50	MT	65.00		HAN02548
1245	Nguyễn Thị	Mơ				4	8	1992	Xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện tài chính	Thuế		HAN01885		VT	VT	VT		HAN07125
1246	Kiều Thị	Mùi				19	5	1992	Vĩnh Phúc Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán		HAN01887		VT	VT	VT		HAN06508
1247	Nguyễn Thanh	Mùi				4	4	1991	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	Đại học Đại Nam	Ngân hàng thương mại		HAN01888		82.50	55.00	72.50		HAN07014
1248	Bùi Trà	My				20	6	1994	Hoà Bình	Đại học tài chính ngân hàng Hà nội	Kế toán		HAN01890		50.00	41.25	55.00		HAN09109
1249	Hoàng Thị Thảo	My				10	12	1994	Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng, Cao Bằng	Đại học Kinh doanh và công nghệ HN	Kế toán	DTTS	HAN01892	20	50.00	MT	62.50		HAN02156
1250	Lại Ngọc	My				5	7	1991	Kiến Xương, Thái Bình	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		HAN01893		57.50	70.00	75.00		HAN04118
1251	Lê Trà	My				26	12	1989	Xuân Phong, Thọ Xuân, Thanh Hoá	Đại học Kinh tế quốc dân	kế toán kiểm toán và phân tích		HAN01895		90.00	56.25	77.50		HAN09002
1252	Ngô Thị Hà	My				12	10	1991	Vụ Bản, Nam Định	Đại học East London-Vương quốc Anh	Kế toán và tài chính		HAN01896		VT	MT	VT		HAN02552
1253	Nguyễn Diễm	My				16	1	1992	Hà Nội	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		HAN01897		87.50	MT	62.50		HAN01024
1254	Nguyễn Thị	My				12	9	1995	Thôn Hộc Lâm, xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HAN01902		30.00	62.50	62.50		HAN01701
1255	Nguyễn Thị Trà	My				19	2	1991	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	Đại học Surderland	quản trị kinh doanh		HAN01903		72.50	MT	92.50		HAN01026
1256	Phạm Nguyễn Trà	My				30	10	1994	Ninh Bình	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HAN01904		37.50	58.75	67.50		HAN08095
1257	Phùng Trà	My				3	5	1994	hà nội	Đại học công đoàn	luật		HAN01905		35.00	55.00	45.00		HAN09034
1258	Tống Huyền	My				28	9	1994	Thôn Tân Thành, xã Nam Tân, huyện Nam Trực, Nam Định	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HAN01906		55.00	73.75	87.50		HAN00075
1259	Trần Trà	My				11	4	1994	Lâm Thao, Phú Thọ	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính ngân hàng		HAN01907		97.50	MT	62.50		HAN02013
1260	Phan Thị	My				20	7	1989	Liêm Khê, Khoái Châu, Hưng Yên	Học Viện Tài Chính	Ngân hàng		HAN01908		VT	VT	VT		HAN05125
1261	Hoàng Thị Lê	Na				10	10	1987	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	Đại học Thương mại	kế toán doanh nghiệp thương mại		HAN01910		50.00	28.75	70.00		HAN06560
1262	Hoàng Thị Lê	Na				24	9	1986	Phường Đề Thám, tp Cao Bằng , tỉnh Cao Bằng	Đại Học Kinh tế - ĐH QGHN	Tài chính ngân hàng	DTTS	HAN01909	20	90.00	73.75	82.50		HAN02619
1263	Trần Thị	Na				16	6	1986	Đồng Nam - Đồng Sơn - Thanh Hóa	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HAN01911		50.00	45.00	55.00		HAN04673
1264	Đình Đức	Nam	12	8	1991				Xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	Viện Đại học mở Hà Nội	Tài chính ngân hàng	DTTS	HAN01914	20	VT	VT	VT		HAN00159
1265	Nguyễn Hải	Nam				1	10	1988	Thôn Lập Phương, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HAN01920		62.50	63.75	55.00		HAN05510
1266	Nguyễn Hải	Nam	28	2	1987				Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	Học viện Tài chính	Ngân hàng		HAN01919		67.50	43.75	70.00		HAN04036
1267	Nguyễn Hoàng	Nam	29	11	1987				Xã Phú Kim huyện Thạch Thất Hà Nội	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HAN01921		30.00	25.00	32.50		HAN07539

ng